

VẤN ĐỀ



Quân
Kỷ Dấu

Số 19 và 20 * tháng 2 và 3-1969

nguyệt san **VẤN ĐỀ** số 19 và 20



Paris * 04.2025

Bìa : nguyệt san Vấn Đề
Nguồn: Thư viện Tiểu Lùn

**nguyệt san VẤN ĐỀ
số 19 và 20**

**Nguyệt san Vấn Đề
Số 19 và 20 * tháng 2 và 3-1969**

Nguyệt san VẤN ĐỀ
số 19 và 20
Tháng 2 và 3 - 1969



trong số này :

- 1. Nguyễn Tấn Linh** **11**
Những nét lớn chính trị 1968
- 2. Thích Đức Nhuận** **30**
Những đóng góp của đạo Phật với dân
tộc và nhân loại
- 3. Mai Thảo** **54**
Thư cho một người bạn
- 4. Phạm Công Thiện** **72**
Mặt trời vẫn còn đó

5. Trần Thanh Hiệp	85
Viễn tượng	
6. Nguyễn Quang Hiên	87
Sự bí mật của ngày tháng	
7. Viên Linh	96
Sinh nhật	
8. Huỳnh Phan Anh	99
Một chỗ không người	
9. Nhiều tác giả	113
Nhìn lại một năm văn học nghệ thuật	
10. Thanh Tâm Tuyền	133
Và buổi mai này của em	
11. Cung Tích Biền	148
Ngoại lai	
12. Phạm Thiên Thư	181
Chiếc ghế bành nhưng đỏ	

- | | |
|-----------------------------|------------|
| 13. Nhật Tiến | 223 |
| Trong đêm đen trừ tịch | |
| 14. Nguyễn Đình Toàn | 244 |
| Hương mật đêm buồn | |
| 15. Phan Lạc Tiếp | 258 |
| Rừng bên kia sông | |
| 16. Sơ Dạ Hương | 275 |
| Hồi bắt đầu đi làm | |
| 17. Nguyễn Thị Hoàng | 286 |
| Đất hứa | |
| 18. Lữ Hồ | 335 |
| Thất tình | |
| 19. Kiệt Tấn | 367 |
| Khi nhớ tới Anne Frank | |
| 20. Doãn Quốc Sỹ | 390 |
| Khe mây | |



Nguyệt san Chính trị * Kinh
tế * Xã hội * Văn hóa

* Chủ nhiệm sáng lập : ông Vũ Công
Trực.

* Chủ biên : ông Vũ Khắc Khoan.

* Thư ký tòa soạn : ông Mai Thảo.

* Thư từ, bản thảo : ông Vũ Khắc
Khoan.

* Ngân phiếu : bà Bùi Thị Hòa Khanh.

* Địa chỉ mới của Tòa soạn : 222
Trương Minh Giảng, SAIGON.

Ấn quán : Đại học Vạn Hạnh - Đ.T.
: 25 946

NGUYỄN TẤN LINH

Những nét lớn chính trị 1968

Từ mười năm nay, chưa có năm nào mà nội dung chính trị lại tạo được một ảnh hưởng quan trọng đến Việt Nam bằng năm 1968.

Mở đầu bằng niềm hân hoan của con người đón mừng một năm mới, nó đã nhuộm màu tang tóc và máu lửa ở Việt Nam với vụ Tổng Công Kích Mậu Thân của Việt cộng. Nó cũng báo hiệu sự

sôi sục với mùa xuân thay đổi lãnh đạo ở Tiệp Khắc. Hậu quả về phía Xã hội là Hội nghị của Cộng sản Quốc tế tại Budapest.. Về phía Dân chủ là việc chuẩn bị Hòa bình bằng vụ ngưng oanh tạc Bắc Việt một phần vào 31-3 và toàn diện vào 31-10. Hội nghị Ba Lê mở ra ngày 13-5 đã kéo dài đến cuối năm và chỉ hứa hẹn một sự thu xếp từ 18-1. Trong khi đó, sự can thiệp của Nga xô vào nội bộ Tiệp và việc bầu cử Tổng thống Mỹ đã nhiều lúc làm lu mờ yếu tố chính trị khác.

Nằm trong trận đồ thế giới, tuy không phải là chiến trường độc nhất của cuộc tranh chấp quốc tế giữa “hai phe xã hội và dân chủ, với những đường nét quanh co vô thường do những tranh chấp nội bộ ở mỗi phe, do tình hình chính trị và quyền lợi của những đại cường lãnh đạo tạo ra” (Nguyễn Sỹ Tế, Văn Đề số 17 tháng

12-1968), Việt nam cần khách quan bình tĩnh nhận định mọi khía cạnh đặc biệt nêu trên về trình hình chính trị 68, ngõ hầu dự đoán được cương vị tương lai của mình.

MÙA XUÂN TIỆP KHẮC.

Xứ Tiệp xa xôi chỉ được người dân Việt, nhất là giới quân sự biết đến qua các vũ khí viện trợ cho Bắc Việt, đã mở màn cho năm chính trị 68. Tù túng trong các giáo điều cộng sản, dân Tiệp muốn dứt bỏ mọi ràng buộc để tiến bước trên đường dân chủ tự do. Ngày 5-1 ; sự thay đổi lãnh đạo phản ảnh sự khao khát cải cách.

Niềm phấn khởi đối với những người có nhiệt huyết kéo dài được tám tháng. Ngày 20-8, không thể làm ngơ trước phong trào cải cách mạnh nha ở Tiệp và

đe dọa làm tan vỡ khối cộng, Nga xô kéo quân của mình ước Varsovic vào ngăn chặn.

Mặc dù gặp nhiều chống đối ở quốc nội với sự tập hợp và toan tính biểu tình của nhiều thành phần chân chính tại công trường mỏ, ở quốc ngoại với sự chống đối của các cộng đảng Tây Âu, Albanie, Nam Tư, Nhật Bản... Nga xô đã tạm thời thành công trong việc ký kết một thỏa ước với chính quyền hiện hữu đã sửa đổi số lớn thành phần lãnh đạo để đóng quân trên đất Tiệp ngô hầu trực tiếp giám sát và ngăn chặn mọi hành động đi ra ngoài đường lối xã hội chủ nghĩa.

Sự thành công dù tạm bợ này đã được đặt thành vấn đề : phải chăng có sự thỏa hiệp ngấm ngấm là không can thiệp vào nội bộ mỗi phe ? Hoặ c : sự rảnh tay tự do hành động của Nga Xô đã được đổi

chác với một nhượng bộ nào đó ở Việt Nam ?

Liệu sự phá vỡ bế tắc cho Hội Nghị Ba Lê với việc thuyết phục Việt cộng chấp nhận hình thể cái bàn có phải là dấu hiệu mở đầu cho sự đổi chác đó không ?

Tình hình nghiêm trọng hiện nay ở Tiệp với cái chết của sinh viên Jan Palach tự thiêu để phản đối các hành động thân Nga và sự hiện diện của Nga trên đất Tiệp, kèm theo đó là vụ tự thiêu của một công nhân Tiệp, liệu có phải là yếu tố mới cho sự mà cả không ?

MÙA XUÂN VIỆT NAM

Đêm 29-1-68 tức 30 TẾT Việt cộng mở đầu cuộc tổng khởi nghĩa Mậu thân của chúng bằng việc đồng loạt tấn công

vào các thị xã thuộc vùng 2 chiến thuật (Qui Nhơn, Kontum, Pleiku, Darlac, Nha Trang)

24 giờ sau tức đêm mồng 1 tết địch tấn công vào những tỉnh lỵ miền Trung, Cao Nguyên, đô thành Sài gòn Chợ lớn và các tỉnh miền Nam.

Hậu phương thanh bình đã trở thành tiền tuyến. Việt cộng đã trắng trợn vi phạm lệnh hưu chiến 7 ngày do chính chúng đề ra. Sự phản bội của chúng, tuy có gây nên đổ vỡ và chết chóc trên hầu hết miền Nam, đã không mang lại kết quả mà chúng mong ước : chiếm đoạt miền Nam bằng võ lực. Ngược lại chúng đã phải trả một giá quá đắt về nhân mạng cũng nhiều vũ khí bị phá hủy hay bị tịch thu.

Sự đụng độ với quân dân miền Nam trên một bình diện đại qui mô đã làm tan vỡ mộng xâm lăng của cộng sản - chính đây là yếu tố quyết định Việt cộng chịu ngồi vào bàn nghị hòa với chúng ta.

HỘI NGHỊ QUỐC TẾ CỘNG SẢN

:

Việc cựa mình của Tiệp là một dấu hiệu bất an trong khối Cộng : Nó có thể mở đầu cho các rạn nứt tương lại. Nga xô đã tiếp xúc với nhiều lãnh tụ cộng sản thế giới tại Mạc tư Khoa. Nga xô cũng đề cử tham dự hội nghị cộng đảng lần thứ Năm của Ba Lan tại Varsovie một phái đoàn thượng đỉnh gồm có Brejnev và Kossiguine để gặp gỡ hơn 30 cộng đảng anh em khá kết quả là hành động của Nga tại Tiệp và đường hướng dài Nga

đặt ra không được toàn thể hội nghị ủng hộ trừ một phần lãnh tụ Ba Lan và các nhà lãnh đạo Đông Đức.

Nga sô lại tích cực vận động cho Hội Nghị thượng đỉnh cộng đảng thế giới định vào ngày 25-11 ở Mạc tư Khoa. Uy tín của Nga đã bị sút mẻ, sự tín nhiệm không còn trọn vẹn ở Varsovie nên Hội Nghị CS quốc tế trên đã gặp nhiều trở ngại : cộng đảng họp ở Budapest ngày 18.11, trong kỳ gặp gỡ chuẩn bị đi quyết định hoãn Hội Nghị thượng đỉnh Cộng đảng thế giới từ tháng 5 năm 1969.

Sự bối rối và chia rẽ này của phe Cộng cũng là một yếu tố thúc đẩy Việt cộng sớm chấm dứt chiến tranh Việt Nam, khi chúng biết không thể chiến thắng được bằng vũ lực và khi chúng ý thức được rằng: các cộng đảng gặp nhiều khó khăn về đối ngoại cũng như đối nội sẽ không

giúp chúng nhiều hơn được nữa. Sự kéo dài chỉ làm chúng kiệt quệ thêm.

VIỆC NGỪNG OANH TẠC BẮC VIỆT

Chiến tranh Việt Nam đã gây tổn kém về sinh mạng về tài sản cho Mỹ không nhỏ. Tính chất của nền dân chủ lại cho phép cả những kẻ chống đối chính quyền Johnson đưa ra ý kiến về vấn đề lãnh đạo quốc gia, trong đó có có vấn đề chấm dứt chiến tranh Việt Nam Họ cho cuộc chiến đã kéo dài quá lâu, Dân tộc mới và trẻ như Hoa Kỳ không biết chờ đợi lâu dài.

Để thỏa mãn những đòi hỏi đó, để xoa dịu những chống đối, tổng thống Johnson đã thể hiện ý chí mong muốn

hòa bình bằng lệnh ngừng oanh tạc một phần lãnh thổ Bắc Việt vào 31-3-68.

Hậu quả của hành động trên song song với các cuộc vận động ở Vạn Tượng và Varsovie là việc Bắc Việt chịu ngồi vào bàn Hội Nghị với Hoa Kỳ ngày 13-5-1968. Hoa Kỳ xé lẻ hợp riêng với Việt Cộng. Người bạn đồng minh được Việt Nam mời đến chống xâm lăng đã tự ý đứng ra điều đình với quân xâm lăng.

Nhưng gặp Việt Cộng ngoan cố, Hội nghị đã kéo dài năm tháng rưỡi mà không đạt được kết quả cụ thể nào. Tổng Thống Johnson, con người của vĩ đại, đã chủ trương một xã hội rộng lớn (a great society), muốn có một hành động ngoạn mục cho lệnh ngừng oanh tạc toàn diện Bắc Việt để đẩy Hội Nghị Ba Lê sang một chiều hướng mới ngày 31-10-68.

VN, nạn nhân của cuộc xâm lăng cộng sản, bị Hoa Kỳ lấn lướt trong hòa đàm : theo Johnson, “Việt Nam được tự do tham dự Hội Nghị Ba Lê mở rộng”.

Tương lai của VN bị đe dọa trầm trọng, lợi khí sắc bén là viện trợ Mỹ treo lơ lửng trên cổ dân tộc nhược tiểu này như Lưỡi gươm Damoclès.

Nếu không có cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ vào cuối năm với sự thắng lợi của Nixon, nếu không có phản ứng mau lẹ hữu hiệu và sáng suốt của chính phủ và nhân dân VNCH, có lẽ hoặc chúng ta đã bị tàn nhẫn bỏ rơi, hoặc chúng ta đã phải nhục nhã khép nép núp theo bóng đàn anh Mỹ Quốc khi ngồi vào bàn Hội Nghị.

CUỘC BẦU CỬ TỔNG THỐNG HOA KỲ VÀ SỰ THẮNG LỢI CỦA NIXON.

Việt Nam chỉ là một đề tài trong vấn đề chạy đua vào Tòa Bạch Ốc giữa Nixon và Humphrey.

Tuy nhiên đó là một đề tài quyết định thắng bại của đảng Dân chủ hay đảng Cộng Hòa.

Tổng Thống Johnson với tài khôn khéo chính trị đã suýt thành công trong việc đẩy Humphrey ra kế tục công cuộc của mình: chỉ cần Nixon không hội đủ đa số phiếu cần thiết là Hạ nghị viện Hoa Kỳ tới đa số trong đảng của Johnson có thể lật ngược thế cờ và loại được Nixon.

Hơn nữa, có người lại tự hỏi : Liên danh Wallace, Le May xuất hiện với tư

cách độc lập kỳ này còn phải cốt để chia phiếu của Nixon ngõ hầu tạo ra một bối rối có lợi cho Johnson là đưa vấn đề chọn lựa tổng thống ra Quốc hội Hoa Kỳ ?

Dù sao, vì quyền lợi phe đảng, vì nóng lòng muốn gắn liền tên tuổi của mình vào viễn vọng hòa bình ở V. N. Johnson đã có những hành động vội vã và nông cạn, có phương hại đến Việt Nam.

Trước những mưu đồ trên. Nixon đã không chịu ngồi thu động. Được tôi luyện trong những năm đảm nhận chức vụ phó tổng thống và những thất bại chua cay, Nixon phản ứng. bằng con bài Việt Nam.

Việt Nam sẽ thiệt thòi đến độ mất nước nếu đáp ứng lời kêu gọi ngày 31-10-68 của Johnson để ngồi vào bàn hội nghị mở rộng ở Ba Lê. V.N sẽ giúp cho

Johnson thắng lợi trong việc đưa Humphrey ra kế vị tổng thống nếu tham dự ngay Hội nghị xé lẻ giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt sau ngày ngưng oanh tạc toàn diện miền Bắc.

Ngược lại, VN đã chứng tỏ rằng Johnson quá hấp tấp trong việc thỏa hiệp với cộng sản. Bằng hành động phủ định Việt Nam để giúp cho Nixon thắng cử và giúp cho việc củng cố địa vị của mình.

HỘI NGHỊ BA LÊ VÀ VAI TRÒ CỦA VNCH:

Phản ứng không thuận lợi của VNCH đối với lời kêu gọi ngày 31-10-68 của TT. Johnson thoát đầu đã làm nhiều người ngạc nhiên.

Bắc Việt trách cứ Mỹ không thuyết

phục được VNCH. Nhiều giới chủ bại muốn Mỹ dùng áp dụng viện trợ để ép buộc VNCH ngồi vào bàn hội nghị nếu không thì bỏ rơi. Các đồng minh của cộng sản BV cho là VNCH hiếu chiến, không muốn hòa bình được tái lập.

Miền Nam Việt Nam đã hành động mau lẹ, khôn khéo và hữu hiệu: từ hành pháp đến lập pháp, đến đoàn thể nhân dân đều chung một đường lối đấu tranh. Tổng Thống Thiệu đã đưa đầy đủ các lý do tại sao không thể tham dự Hội Nghị Ba Lê mở rộng.

Luận cứ vững vàng, hợp lý được phổ biến sâu rộng bằng các phương tiện thông tin tối tân, đã giúp việc quảng bá lập trường chính đáng của VNCH. Hoa Kỳ không dám dùng tới lợi khí cúp viện trợ quân sự và kinh tế.

Vậy chỉ còn một đường : thỏa hiệp lại với Bắc Việt. Bắc Việt đã tỏ ra ngoan cố. Hoa Kỳ phải thỏa hiệp trên đẳng cấp cao với Nga Sô. Và Nga Sô đã thuyết phục Bắc Việt nhượng bộ về hình thể cái bàn.

Thủ tục trong phiên nhóm của Hội Nghị Ba Lê hoàn toàn “mới” đã được thông qua dễ dàng trong phiên nhóm sơ bộ ngày 18-1-69.

Phiên nhóm chánh thức ngày thứ bảy 25-1-69 sắp tới, có thể bàn tới các vấn đề căn bản.

Hành động kịp thời, hợp lý của VNCH đã đoạt được thắng lợi hiển nhiên : VNCH dự một Hội Nghị song phương với một ưu thế không thể chối cãi, mặc dù các lời xuyên tạc của cộng sản.

Tóm lại, tình hình chung của cục diện chính trị thế giới nghiêng về việc giải quyết ổn thỏa mọi cuộc tranh chấp, trong đó có vấn đề Việt Nam.

Các yếu tố chủ quan và khách quan rất thuận lợi cho việc tái lập hòa bình một cách vinh dự trên mảnh đất tiền đồn của thế giới tự do này.

Dù Tân Tổng Thống Nixon không có đề cập minh thị đến vấn đề VN trong bài diễn văn nhậm chức sáng thứ ba 21-1-69, lời tuyên bố của Đặc sứ Herry Cabot Lodge khi tới lãnh đạo phái đoàn Hoa Kỳ thay thế cho cựu Đặc sứ Harriman đã nhấn mạnh rằng : VN là vấn đề trọng đại số một của Hoa Kỳ hiện nay.

Giải quyết êm đẹp được vấn đề này phải nhờ đến sự giúp đỡ của Hoa Kỳ và các bạn đồng minh trong khối tự do.

Chúng ta mong mỏi với ban lãnh đạo mới gồm những nhân vật có nhiều kinh nghiệm đụng độ với cộng sản như Tân Tổng Thống Nixon, Đặc sứ Lodge, “cuộc thương thuyết về Việt Nam sẽ được theo đuổi nghiêm chỉnh cho tới khi đạt được hòa bình” như tổng thống Nixon tuyên bố.

Chúng ta đặt tin nhiệm vào phái đoàn đại diện của ta ở Ba Lê và tin rằng phái đoàn của ta sẽ có những phản ứng hợp thời, hữu hiệu và khôn khéo.

Nhưng chúng ta không quên rằng yếu tố quyết định thành bại của Hội Nghị là ở nước nhà. Chúng ta kỳ vọng các nhà hữu trách cố gắng tích cực trong mấy

tháng sắp tới để tạo cho VNCH chúng ta một địa vị vững vàng và vinh dự trên trận đồ thế giới.

24-1-69

NGUYỄN TẤN LINH

THÍCH ĐỨC NHUẬN

Những đóng góp của đạo Phật với dân tộc và nhân loại

Không thể chối được rằng một tôn giáo có trên hai ngàn năm trăm năm mà lại không đóng góp gì trong cuộc sống của con người. Cũng không thể chối được rằng một tôn giáo đã vào với dân tộc Việt gần hai ngàn năm, đã thăng trầm cùng với vận nước lâu ngày như vậy mà không đóng góp gì trong cuộc sống dân tộc.

Phải nhận rằng đạo Phật là, một biện chứng giải quyết những vấn đề suy tư của tâm thức và là một biện chứng cách mạng toàn triệt về mặt xã hội đối với nhân loại. Đạo Phật đã xuất hiện trong một thực tại suy tư đa diện phức tạp của nền văn minh. Ấn độ, xuất hiện để dung hòa toàn bộ các trào tu tưởng đối nghịch đương thời, xuất hiện để san bằng những ngăn cách xã hội giữa các giai cấp : Tăng lữ, Cai trị, Thương nhân và Tiệt dân.

Rồi từ những căn bản đó đạo Phật đã duỗi dài nguyên lý vào cuộc sống của con người ở khắp các nơi cho tới ngày nay. Trong giòng vận động lịch sử dân tộc Việt Nam, đạo Phật đã là một chất liệu thiết yếu để kết thành một nền văn minh tiêu biểu cho toàn bộ tinh hoa văn hóa của vùng Á châu thảo mộc. Đạo Phật lại còn là một trong những nhân duyên

chính cho cuộc Cách mạng Tự chủ của Việt nam vào thế kỷ thứ 9 thứ 10. Và cụ thể hơn hết đạo Phật đã thắp lên những ánh đuốc thiêng trong cuộc vận động vượt bỏ chế độ độc tài của những năm gần đây.

ĐẠO PHẬT VỚI VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ

Những sinh hoạt của đạo Phật trong 4 năm qua, đã đặt cho. đồng bào cũng như chính Phật tử một mối băn khoăn lớn là : Phật giáo có phải là một thực tại chính trị hay không ? Chưa trả lời thỏa đáng được câu hỏi trên đây thì không những đồng bào nghi ngại, mà chính Phật tử cũng không thoải mái và tin tưởng vào những hoạt động đóng góp của mình trong đại cuộc Dân tộc.

Một tôn giáo đúng nghĩa, có giáo chủ, có giáo lý, có giáo hội đương nhiên đã can thiệp vào cuộc sống xã hội, thì dù muốn dù không cũng đã trở thành một thực tại chính trị rồi. Chỉ khác một điều tôn giáo đó đã can thiệp vào sinh hoạt xã hội qua thể chính trị nào ? Thế cai trị, thế cách mạng hay thế văn hóa ?

Ba tôn giáo được xem như là tôn giáo lớn hiện nay của thế giới là : Phật giáo, Kỵ tô giáo và Hồi giáo đã trở thành một thực tại chính trị có dự phần rất lớn trong công cuộc quyết định vận mạng chung của nhân loại.

Hồi giáo được xem như là một tôn giáo có bản chất làm chính trị ở “thế cai trị” tức là trực tiếp nắm vận mạng xã hội bằng ưu thế thống trị, Vị giáo chủ của tôn giáo này đã từng trực tiếp cầm đầu một đế quốc rộng lớn xưa kia. Chính vì bản

chất thống trị và mang nặng tính cách thế tục, nên Hồi giáo không thể thiết lập nổi chế độ giáo quyền để vượt ra ngoài hình thái sinh hoạt của tín đồ. Tín đồ mặc nhiên nằm trọn vẹn vận mạng của tôn giáo.

Ngược lại, vị giáo chủ Ky tô giáo đã công bố chủ trương của ngài là: “vua trên các vua”, nước của ngài cai trị “không phải thế gian mà ở trên trời”. Chủ trương này có nghĩa là từ chối việc làm chính trị ở “thế thống trị” của thế gian mà chỉ tìm chính trị ở “thế những người bị trị” tức là bên vực kẻ hèn yếu ở xã hội. Chính do bản chất đó, Ky-tô giáo, đã tạo ra một lớp giáo sĩ vượt ngoài hình thái sinh hoạt của thế nhân và thiết lập một giáo quyền và giáo hội hết sức chặt chẽ và hệ thống. Một khi giáo hội đã có hệ thống, giáo hội đã trở thành một nơi trú ngụ

của đông đảo quần chúng để chống lại lớp vua chúa thống trị thì đương nhiên trở thành một thế lực chính trị trọng đại từ thế đối lập với thống trị tiến lên chiếm lần địa vị thống trị. Rồi, sau nhiều thế kỷ đối kháng, đã có thời một vị giáo hoàng La-mã trực tiếp nắm quyền thống trị Đế quốc. Sự kiện này đã đưa giáo quyền Lã mã tới chỗ suy sụp, giáo hội đã phóng thế.

Để trở lại với bản chất cố hữu của giáo chủ các giáo hoàng sau đó đã cố gắng vượt ra khỏi địa hạt cai trị xã hội, để chỉ lãnh đạo phần tinh thần của tín đồ mà thôi. Đến thời dân chủ, quyền cai trị thuộc về toàn dân, mà đa số dân chúng Âu-châu là tín đồ Ky-tô giáo, thế nên Ky-tô giáo mặc nhiên ngồi ở ghế “gián tiếp thống trị xã hội”. Rồi Âu châu lại là cha đẻ của chế độ thực dân, bởi vậy đối

với dân tộc bị trị Á-Phi, Ky-tô giáo mới bị xem như một tôn giáo đứng về phe thống trị ngoại xâm Sự kiện này đã và đương được đặt ra cấp bách đối với các vị giáo hoàng hiện đại. Liệu rồi đây các nhà lãnh đạo Ky-tô giáo có đưa giáo hội của họ ra khỏi thế đó đứng chăng? Chúng tôi tin là có thể, vì chúng tôi đã tìm thấy dấu hiệu đó ở cộng đồng Vatican II vừa qua,

Với Phật giáo vị giáo chủ của tôn giáo này đã được xưng tụng là “Thiên nhân sự” tức là thầy của chư thiên và loại người. Ngài là bậc thầy và người chỉ đạo, là nhà văn hóa hướng dẫn, chứ không phải là nhà thống trị, dù là cai trị thiên quốc hay nhân gian, dù là thống trị tinh thần hay tổ chức. Vì giao lý có ghi rõ đạo Phật chỉ giúp cho con người tự giác ngộ chứ không buộc tín đồ phải tin theo

bất cứ một tín điều nào. Với bản chất đó Phật giáo đã trở thành vô cùng phóng khoáng, tự tại. Tuy có tăng sĩ vượt hình thái sinh hoạt thường nhân, có vị truyền thừa nhưng giáo quyền không đặt thành vấn đề và hành đạo không đặt ở trung ương mà đặt ở đại chúng, Giáo luật tuy rất khắt khe, nhưng thi hành giao luật là ở đại chúng và tùy từng môn phái, có những bản sắc riêng. Đại chúng được hiểu là đa số tăng sĩ chung một tu viện hoặc một sơn môn. Nói rộng ra, đối với toàn thể Phật tử, thì ý lực của toàn thể Phật tử có tính cách sinh hoạt của Phật giáo.

Chính vì đặc tính trên, đạo Phật đã tùy thời, tùy thế, tùy cảnh, trải ra hòa với nếp sống quần chúng, hoặc tụ lại thành các thế lực quyết định vận mạng từng thời đại. Tuy tán tụ, nhưng vẫn không

mất tính cách trường tồn vì các tu sĩ vẫn còn đó, vẫn là một thực tại đại biểu cho truyền thống của Phật tổ, vẫn duy trì địa hạt của “ông thầy” đối với các vua chúa cũng như quần chúng. Tuy được lợi thế được độc tôn trong các triều đại Astok (Ấn độ), Đường (Trung hoa), Lý (Việt Nam) nhưng Phật giáo không lợi dụng ưu thế để nắm quyền thống trị, cũng như không dựa vào thế lực thống trị để truyền đạo, và nhất là không để biến thành công cụ cho phe thống trị mở mang đế quốc.

Đạo Phật, do đó, đối với các rước Á đông là đạo chung của mọi lớp người trong xã hội, là đạo của mọi dân tộc, không phân biệt đế quốc hay thuộc quốc. Riêng ở Việt Nam, đạo Phật đã hòa vào với bản chất dân tộc như một thực thể bất khả phân. Dân tộc thịnh, đạo Phật thịnh, dân tộc suy, đạo Phật suy. Chính

vì vậy, mà đạo Phật đã trở thành một thế lực cách mạng của dân tộc suốt ngàn năm lệ thuộc Trung hoa, đã hội tụ được lòng người mở mùa Tự chủ và thống nhất cho xứ sở, vào thời Ngô - Đinh.

Sau một trăm năm lệ thuộc Pháp, đạo Phật đã chìm đi cùng với chủ quyền dân tộc. Cho tới ngày gần đây, sau khi bị các thế lực quốc tế chèn nén, đã trỗi dậy cùng với dân tộc hủy bỏ chế độ độc tài, và quyết tâm theo đuổi công cuộc phục hồi chủ quyền dân tộc. Những thành công, thất bại đều mang một ý nghĩa : đạo Phật tại Việt nam đang là một thực tại cách mạng của dân tộc. Đã là thực tại cách mạng tất nhiên phải vận động cách mạng, mà các cuộc vận động như vậy đương nhiên là những sinh hoạt chính trị rồi.

Không riêng gì ở Việt Nam, mà ở

trên toàn thế giới, Phật giáo cũng đang ứng hợp với thời đại, đang đi dần vào tổ chức thống nhất hành động để góp phần kiến tạo an bình cho thế giới.

Nhưng bản chất của Phật giáo và quá trình lịch sử đã bảo chứng rằng: đạo Phật, dù có xây dựng được một thế lực ưu thắng, cũng không bao giờ trở thành lớp người thống trị mà luôn luôn sẽ giữ vai trò hướng dẫn của nhà văn hóa, tức là làm chính trị theo phương pháp của một thực tại văn hóa. Đó là vai trò của các tôn giáo thời xưa và của những nhà văn hóa thời nay vậy.

ĐẠO PHẬT VỚI VẤN ĐỀ VĂN HÓA

Nếu một tôn giáo nào đó có khả

năng cung ứng cho con người về nhu cầu thăng hóa những giá trị sáng mới đẹp cho chính bản thân và cuộc đời, thì tôn giáo đó đương nhiên là một thực tại văn hóa. Nhưng nếu một tôn giáo nào đó mà không còn đủ khả năng hướng dẫn nhận thức con người, bị con người vượt bỏ, thì tôn giáo đó không còn mang nổi sứ mệnh văn hóa trường cửu nữa. Tuy nhiên tôn giáo đó vẫn được nhìn nhận là một thể lực văn hóa của một giai đoạn lịch sử nào đó,

Như vậy, tôn giáo đã là một thể lực văn hóa trong lịch sử nhưng còn việc tôn giáo có thể là một thực tại văn hóa miên: vĩnh hay không thì đó là vấn đề khác.

Vì tôn giáo là một thể lực văn hóa để hạn chế thế quyền thống trị ; để thỏa đáp nhu cầu siêu linh của ý thức con người nên các tôn giáo đã xuất hiện. Xuất hiện

dưới thời bộ lạc bằng tính cách đa thần, mà đại diện là lớp phù thủy. Xuất hiện dưới thời quốc gia, bằng tính cách độc thần mà đại diện là các tôn giáo duy thần và siêu thần ngày nay.

Trong thời kỳ xã hội chuyển tiếp từ bộ lạc sang quốc gia, tư tưởng của con người từ đa thần tiến lên độc thần thì quả thực các tôn giáo đã là một thế lực thăng hóa : là văn hóa đúng nghĩa. Suốt thời tư tưởng độc thần trù lên nhận thức của con người, thì mọi sinh hoạt từ tâm linh, xã hội tới nghệ thuật học thuật, và kỹ thuật nữa, đều do các tôn giáo duy thần hướng dẫn. Trong khi các tôn giáo duy thần sắm vai trò thế lực văn hóa, vừa kiểm soát thế quyền thống trị, vừa hướng dẫn sinh hoạt văn hóa của nhân loại ; thì cũng chính là lúc các tôn giáo đó bị biến thành đối tượng của các tư tưởng

văn hóa có khuynh hướng vượt bỏ mọi ràng buộc của thần quyền. Nhờ đó các tôn giáo vừa phải bảo thủ tính chất tôn giáo của mình, vừa cố gắng tự chuyển hóa tính chất văn hóa của mình để ứng phó với các thế lực văn hóa mới. Sự kiện này đã làm cho nguồn sinh động của văn hóa nhân loại cuộn cuộn dâng lên không ngừng.

Hiện nay nguồn tư tưởng của nhân loại giác ngộ đang cố gắng vươn lên và thể chứng cho bằng được giá trị nhân chủ của mình. Nhận thức nhân chủ này, hiện là một nguy cơ cho các tôn giáo duy thần. Vì, trên bản chất, duy thần không còn phù hợp với bản chất Nhân chủ nữa. Con người hiện đại đang tích cực thể chứng giá trị nhân chủ trên khắp mặt sinh hoạt : tâm tư, xã hội và vũ trụ.

Như vậy có nghĩa là các tôn giáo độc

thần đã sắp hoàn toàn mất vai trò hướng dẫn văn hóa nhân loại rồi ?

Câu hỏi này cũng được đặt ra cho Phật giáo. Liệu rồi đây Phật giáo có cùng chung số phận như các tôn giáo duy thần hay không ?

Xét về bản chất của đạo Phật thì đạo Phật là đạo của Con Người Giác Ngộ. Chỉ con người mới đủ điều kiện và khả năng thành Phật, còn từ các sinh chủng khác cho tới thần linh chư thiên đều chưa thể thành Phật được. Với bản chất này, đạo Phật đã mang giá trị Nhân chủ đúng nghĩa rồi vậy.

Nhận thức nhân chủ không phải là một nhận thức chủ quan duy tâm, cũng không phải là nhận thức khách quan duy vật mà là một nhận thức toàn diện, đi từ tâm tư tự giác, ứng dụng vào thực

tế xã hội có tổ chức, để vượt lên siêu việt giải thoát. Như vậy đạo Phật là một tôn giáo, giác ngộ và giải thoát, nết có thể trở thành một thực tại văn hóa của thời đại ngày nay. Một trở ngại khác đã được đặt ra cho Phật giáo, là vì đạo Phật đã xuất hiện trên hai nghìn năm trăm năm, và suốt thời kỳ truyền đạo ở khắp nơi, đạo Phật đã vì phải dung hợp với các hình thái sinh hoạt đa thần, độc thần của quan niệm đại chúng, nên phần nào đã mang một hình thái tôn giáo với những lớp vỏ do các quan niệm từng thời đại bồi bọc. Tuy bản chất giác ngộ và giải thoát con người vẫn còn đó, vẫn là nội dung linh động, đích thực của đạo Phật, vẫn là một thực tại văn hóa tiềm ẩn, nhưng để khỏi giòng văn hóa đó, những Phật tử suy nghĩ hiện đại, cần phải cố gắng, can đảm, uyển chuyển, phá bỏ những hình thái của lớp vỏ nặng nề để cho một

đạo Phật. Nhân chủ sinh động hiển hiện trong giòng văn hóa nhân loại.

Đó là ý nghĩa công cuộc Hiện đại hóa Phật pháp của thời đại chúng ta.

ĐẠO PHẬT VỚI THỰC THỂ GIỚI

Đạo Phật được coi như một tôn giáo siêu tổ chức. Từ nguyên thủy, căn bản của đạo đã rộng rãi, không nhằm buộc ai phải tin theo bất cứ một giáo điều nào, mà chỉ cốt hướng dẫn con người trên con đường giác ngộ... Với bản chất đó, đạo Phật đã không tách biệt ra thành một đoàn thể cùng lý tưởng biệt lập, mà lại luôn luôn dung hợp với các luồng tư tưởng khác, rồi lấy đức từ bi và trí tuệ để hướng dẫn cho con người, cùng hoặc khác lý tưởng, đến chỗ giác ngộ thực tại

và chân lý ý nghĩa cuộc đời. Trong khi truyền bá đạo Phật tuyệt nhiên không dùng phương pháp bạo hành, mua chuộc hay y thế của chính trị để truyền đạo, mà chỉ dùng phương pháp thấm nhuần kiên nhẫn của văn hóa mà thôi. Chính điểm này đã làm cho đạo Phật trở thành một tôn giáo chung của nhân loại.

Lịch sử đã chứng minh : tại các nước Á Đông mọi nền đạo học, thuần học thật hết sức phong phú, nhưng cho đến nay đều dần dần tan biến đi, để chỉ còn lại một đạo Phật tồn tại và đại diện cho Đông Phương, trong thực tại sinh hoạt thế giới hiện đại. Thời đại ngày nay tuy thác loạn vô tổ chức trên đại thể thế giới, nhưng lại cực kỳ khắc khe, nghiêm ngặt, tàn bạo về mặt tổ chức cục bộ, vì nhân loại dùng tổ chức để khống chế lẫn nhau. Đã vậy, hay vì vậy, mà các tổ chức cục bộ

này tuy rất tinh vi và máy móc, nhưng không nhằm tổ chức đời sống tiến bộ của con người.

Do mâu thuẫn giữa nhu cầu và phương pháp như thế nên nhân loại đang phát hiện hai quan niệm : chống đối tổ chức và đòi hỏi tổ chức. Tất nhiên sự chống đối tổ chức đây là cốt chống đối lại các tổ chức cục bộ hiện đang gây cảnh khó khăn cho nhân loại; còn đòi hỏi tổ chức là đòi hỏi nền nếp qui củ cho đại thể thế giới. Như thế cốt để cho các tổ chức cục bộ có nền tảng và cương lĩnh sinh hoạt, trong nhịp điệu thăng tiến chung của nhân loại.

Để tiến tới việc tổ chức đại thể thế giới, công cuộc an bài tất không thể bắt đầu một cách triu tượng và vu khoát, mà phải bắt đầu bằng hai công việc song hành: Đó là dùng phương pháp văn hóa

để cò súy cho cuộc vận động đời sống tổ chức chung của nhân loại. Đồng thời cũng cần phải kiện toàn tổ chức cục bộ, để đạt được mức quân bình cần thiết, giữa các thế lực tổ chức quốc tế hiện nay.

Thế giới đang đứng ở thế tranh chấp quyết liệt giữa các lý tưởng Hữu thần và Vô thần. Hai thế lực này đã đi thẳng vào thực tại tổ chức cuộc đời, và cầm đầu nhiều miền rộng lớn của thế giới. Và đó cũng còn là trung tâm phát động mọi thứ thảm họa cho thời đại. Chứng cứ là, nhìn thẳng vào thực tế, chúng ta có thể phát giác bốn trọng khu tổ chức lớn :

- * Khối duy thần thực dụng Mỹ;
- * Khối duy thần hợp lý Âu châu;
- * Khối duy vật biện chứng Nga,
- * Khối duy vật dịch lý Trung cộng.

Nó hòa giải quyền lợi kinh tế mà hai khối lớn duy thần thực dụng Mỹ và duy vật biện chứng Nga, đành phải sống chung với nhau, vì không thể tiêu diệt nổi nhau.

Để chống đối với hai khối đàn anh trên, khối duy vật dịch lý Trung cộng đang cố gắng vùng vẫy, để vừa chống Nga vừa chống Mỹ.

Còn khối duy thần hợp lý Âu châu thì không chống đối, mà vừa đi với Mỹ vừa đi với Nga, nhưng lại có khuynh hướng sống chung với Tàu cộng, để lấy sự chống đối của Tàu làm áp lực ngoại giao, đối với hai khối lớn Nga Mỹ, nhằm củng cố địa vị, tuy đứng hàng nhì nhưng lại muốn làm trọng tài đòi giải quyết mọi vấn đề thế giới.

Tất cả các biến cố, do những thế lực

quốc tế trên gậy ra, đều đang tập trung tại Việt Nam. Rồi có thể sẽ lan rộng khắp vùng Đông Nam Á và toàn thể các dân tộc Á Phi, là nơi mà đại đa số nhân dân sống theo đạo Phật, đạo Hồi và Ấn độ giáo

Khối Ấn độ giáo siêu thần, mặc nhiên đã thành hình trong quốc gia Ấn Độ, nhưng vì quá yếu so với các thế lực quốc tế khác, nên sau thời kỳ tung ra đường lối trung lập rồi bị thất bại, đã phải trở về vị trí của một quốc gia “không liên kết”.

Khối Hồi giáo duy thần Trung đông đã nhiều lần muốn vận động củng cố bề thế, nhưng vì thành kiến, dân tộc, vì áp bức của đế quốc, nên chưa hình thành nổi, tuy vẫn nằm đó để chờ thời cơ.

Khối Phật giáo Nhân chủ Đông Nam Á, chiếm đa số dân chúng trong vùng,

đang chuyển mình để giải quyết các vấn đề thời đại.

Trên mặt tư tưởng, con người đã và đang vượt bỏ các quan niệm thần hóa siêu nhiên và vật hóa nhân loại, để mong đưa nhau tới địa vị nhân chủ của mình. Đạo Phật, trên bản chất vốn chủ trì Tất cả qui về Con Người Giác Ngộ, nên có thể thỏa đáp được đòi hỏi chung cho nhân loại hiện tại.

Như vậy đạo Phật mới thấy cần phải làm sáng tỏ lý tưởng NHÂN CHỦ đó của mình ở trong các quốc gia mà đa số hiện là con Phật. Đồng thời các quốc gia Đông Nam Á theo đạo Phật cũng thấy cần phải xây dựng thành một Liên Bang cố kết để hoàn tất tổ chức cục bộ, vốn là một nhu cầu thời đại.

Với tổ chức rộng lớn ấy, khối Phật

giáo Đại Đông Á chắc chắn sẽ thành hình. Tất nhiên với bản chất dung hợp của mình, khối này không dùng bạo lực để lao mình vào các cuộc tranh chấp. Mà chế hóa quan niệm đế quốc của các khối lớn, bằng sự lớn mạnh và dung hợp của chính mình. Để sau hết cùng các khối lớn tổ chức cuộc sống chung cho nhân loại.

Đạo Phật sẽ từ chỗ làm giảm sự căng thẳng, giữa các lý tưởng duy thần duy vật, tiến đến chỗ cùng với mọi con người giác ngộ chuyển đổi thân phận toàn thể nhân loại đi vào cõi An và Lạc chung.

Mùa An lạc đến với chúng ta, dân tộc chúng ta và nhân loại đó là lời nguyện cầu của tôi trong mùa xuân này.

THÍCH ĐỨC NHUẬN

MAI THẢO

Thư cho một người bạn

Tết năm nay, tôi nghĩ tôi lại không thể lên núi đón Giao Thừa giữa cái thị trấn thơ mộng cao một nghìn năm trăm thước trên mặt biển, trong cái thế giới thân mật ấm áp là gia đình chị, và như thế là thêm một năm nữa, tôi đã hứa và lại thất hứa, xin chị tha lỗi cho. Không phải là tôi không muốn. Anh lên đây với gia đình chúng tôi một năm đi. Anh sẽ không hối hận đâu. Mùa xuân không thể có giữa cái nắng chói chang và cái không

khí lấm lụi cát bụi của Sài Gòn. Sao trụi tịch không thể sáng đẹp giữa những căn nhà chọc trời. Muốn có cái thú mưa mùa xuân lất phất như tơ, cái thú nắng mùa xuân dịu dàng như lụa, cái thú cỏ mùa xuân nõn nà như gấm, cái lạnh mùa xuân ngậy ngất hồi tưởng, cái rét mùa xuân ngậm ngùi trì nhớ như anh vẫn muốn cho từng Nguyên Đán của anh, anh phải lên đây với chúng tôi, miền cao này sẽ tặng đủ cho anh một tháng giêng Hà nội. Nhìn đào hàng trăm gốc phơi phơi màu hồng năm mới, ngắm cỏ nõn bằng cái hình ảnh của từng ngọn cỏ là từng hạt sương óng ánh long lanh, nghe được cái hơi thở hiền hậu của mùa đẹp bằng nghe nó giữa tạo vật đất trời, chạm đụng được từng rung động của thiên nhiên bằng hòa mình vào cổng biếc, từng ấy cửa ngõ đón anh vào mùa xuân, anh không thể tìm thấy được trên những ngõ hẻm và

trên những con đường một chiều của Sài Gòn. Mà chỉ ở đây, trên này, mới có được cái khuôn mặt đó mùa xuân, khuôn mặt mà mỗi năm với anh là một lần tìm kiếm. Trong thư chị viết cho tôi như thế. Tôi cũng biết là như thế. Gia đình chị, cuộc sống thường nhật thế nào xong thôi không nói đến làm gì, nhưng sửa soạn cho một đón chào Nguyên Đán, bao giờ cũng là một sửa soạn cực kỳ trang trọng. Điều này tôi cũng biết nữa. Để tận hưởng một cái tết với tất cả mọi vẻ đẹp những tục lệ cổ truyền của nó, một cái tết miền Bắc một cái tết Việt Nam, tôi nghĩ không đâu bằng dưới căn nhà của chị, căn nhà dưới những gốc thông mà phút nay, đã xanh biếc chuug quanh một thảm cỏ mùa.

Mấy ngày thật đẹp, thật yên tĩnh tôi đã tưởng tượng được ra chúng. Ngay từ

phút mới tới. Chiếc xe thả tôi xuống đầu một con đường nhỏ. Hai bên, những gốc thông cao vút. Năng châm kim trên da thịt lả lả. Thời tiết ở đây là một vui thú của người. Suối không chỉ hòa nhạc giữa đá mà cả không gian là một giòng suối lớn, nó tắm trên tóc, lùa trên da, thấm vào hồn, hòa vào máu, nó làm cho tỉnh táo, như con người mình thoát bỗng là một con người mới, phút sống đó là phút sống kỳ diệu nhất, bởi sống là một khởi đầu, một ngạc nhiên.

Đàn cháu nhỏ sẽ đón tôi ở đầu thềm. Chị đứng giữa chúng, với nguyên vẹn vẻ uyển chuyển thanh lịch đặc biệt của một người đàn bà Hà nội. Anh đi rửa mặt rồi nằm nghỉ một lát. Các con sách va-li cho bác lên lầu. Đã dành sẵn cho anh một căn phòng rồi đó, một căn phòng thật yên tĩnh, có cửa sổ mở ra một cảnh đồi đủ

kéo tầm mắt và mơ mộng anh đi thật xa. Tôi sẽ bước vào căn nhà của chị, để thấy rằng cái Tết đã có mặt ở đó, trước tôi. Nơi những chùm hoa hàm tiếu với người trên mặt một lò sưởi than hồng rực rỡ. Trên những vì tường mới quét vôi lại, màu với sáng láng là mầu đời sang năm. Buổi sáng, tiếng chim đầu nhà đánh thức tôi dậy. Đêm qua, gió thổi ngoài rừng, trong chăn ấm áp, chắc là tôi đã ngủ được một giấc ngon ấm. Chị thức từ rất sớm, Chị đã chờ tôi ở dưới nhà, Chúng ta sẽ ngồi bên cạnh một khung cửa kính, uống một chén trà nóng và nói lại với nhau những chuyện Hà nội ngày nào. Nói lại cái đêm giao thừa năm đó, tới nhà Hát Lớn xem kịch, nửa khuya trở về, gió Hoàn Kiếm thổi tới mùi hương phảng phất của một hành lộc Ngọc Sơn, cái buổi sáng mừng một trước thiên đô, xác pháo thanh bình còn đỏ thắm một góc Hàng Buồm, cái

buổi trưa đi dạo trên ba mươi sáu phố vào xuân, những tà áo thiếu nữ Hà nội bay múa suốt hai dọc Hàng Gai Hàng Bạc. Tối hai mươi tám lửa bánh chưng sẽ sáng lòa vách bếp. Đêm Trừ Tịch, chị sẽ đốt hương, đứng lễ ngoài trời. Và sáng mồng một, tôi sẽ mừng tuổi cho cây cho suối, sống ngày thứ nhất của năm giữa gia đình chị, trong một không khí dịu dàng và thân mật vây quanh.

Cứ tạm tưởng tượng ra, đã hình dung thấy cái Tết êm ái trên cao là cái Tết lý tưởng tôi phải tìm đến. Vậy mà, thưa chị tôi biết chắc chắn một điều, là thêm một năm nữa, tôi sẽ chẳng đi tìm mùa xuân ở đâu hết. Mà tôi sẽ ở lại giữa một nơi thiếu vắng nhiều nhất những cái đẹp của thiên nhiên và tạo vật vào xuân, là thành phố này. Người ta nói thành phố

lớn không có một linh hồn Nó chỉ có một khuôn mặt. Sài gòn quả có đúng là như vậy. Sài gòn chỉ là một khuôn mặt. Người ta còn nói : chỉ một thành phố cũ mới lưu giữ và kết đọng trong nó những di vật, những kỷ niệm. Như Huế, như Hà nội. Quả đúng như vậy, Sài gòn là một thành phố mới. Đừng nói đến nó có một linh hồn. Hãy chỉ nói đến cái khuôn mặt, thì cái khuôn mặt ấy đến nay vẫn chỉ có thể xem như một tổng hợp hỗn loạn và nhàu nát của những đường nét dở dang. Cái trạng thái dở dang nửa chừng nửa vơi này là sự thiếu mỹ thuật đậm đà và rõ nét nhất của Sài gòn. Nhà chọc trời mọc bên những con kinh nhầy nhụa. Những con đường mở rộng đang thu hẹp và làm mất đi những khoảng xanh mát xưa cũ. Mỗi đầu phố một đống rác lớn. Xe cộ nghẹn ứ. Nắng đã chói thang. Khói khét lẹt, và bụi mịn mùn, còi xe đình tai

nhức óc, không khí ngột ngạt tức thở, đó Sài Gòn, những ngày cuối năm nay. Nói đến những cái nhỏ nhỏ làm cho bức mình, nói đến những cái vụn vặt lam cho khó chịu, nói ra không hết, chúng muôn hình nghìn vẻ, chúng hup lấy chị, lấy tôi ngay từ buổi sớm thoát ló đầu khỏi ngõ, chúng đuổi theo người đến tận buổi chiều và như bế, cho tới buổi sớm ngày sau.

Không, sống với thành phố này không thể tạo được cho mình một nghệ thuật sống nào hết. Không, ở với thành phố này, không phải là để có dần với nó những kỷ niệm, thành phố này, không bao giờ, không bao giờ cái khuôn mặt diễm lệ và ngây ngất đó của một tình yêu. Chị sẽ hỏi tại sao ? Thú thật, tôi không thể trả lời chị rõ ràng như nếu chị hỏi

tôi về cái liên hệ đằm thắm của tôi với Hà nội ngày trước. Thành phố này, trên cái khía cạnh ràng buộc và liên hệ đó, đã bắt tôi nghĩ ngợi thật nhiều về nó. Nghĩ mà không ra. Tốt hơn, tôi kể lại chị nghe một chuyện nhỏ này.

Tôi nhớ buổi sáng hôm đó, cách đây đã đúng mười bốn năm, là buổi sáng thứ nhất của tôi ở Sài Gòn. Năm giờ chiều hôm trước, một chiếc máy bay dân sự thả tôi xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Thằng em trai ra đón không đưa tôi về nhà nó, mà đưa thẳng tôi đến nhà một người bạn nó. Nhà chật lắm, không có chỗ ngủ - nó nói anh ngủ tạm đây một đêm đi. Sau đó, nó bỏ đi ngay. Bạn nó là một anh sinh viên người nam. Bấy giờ đã sắp tới kỳ thi. Anh ta bắt tay tôi, chỉ xuống chiếc đi-văng kê liền bàn học, bảo tôi ngủ ở đó, rồi thản nhiên cúi đầu

xuống với cuốn sách trước mặt, hình như không còn mảy may chú ý đến người lạ mặt tới từ thật xa, đứng bờ ngõ ở giữa nhà. Buổi tối còn sớm. Tôi chưa buồn ngủ. Tôi nghĩ đêm đầu tiên của mình trên cái thành phố xa lạ, tôi sẽ thao thức tới sáng. Tôi bỏ ra, đứng một mình ngoài ban công. Phía dưới một con đường nhỏ trải đá cuội trắng chạy qua một bãi cỏ rộng. Bên ngoài hàng rào, con đường mà sau đó, tôi biết là đường Thành Thái, sáng trắng dưới ánh đèn. Nhìn vào anh sinh viên người nam vẫn cắm cúi với những phương trình toán học. Tầng lầu yên tĩnh, không một tiếng động. Nhiều giây phút trôi qua như thế, và lạ lùng thay, trước cái đêm đầu tiên trên thành phố xa lạ không vô vập, không chào đón, trong tôi bỗng như có một sự lắng đọng dần dần. Đứng một lát như thế, rồi tôi trở vào ngồi xuống đi-văng. Anh sinh

viên trẻ tuổi ngó sang, mỉm cười với tôi rồi lại học tiếp. Tôi nằm xuống, và thay vì một đêm băng khuâng thao thức tới sáng như tôi tưởng, tôi ngủ ngay, ngủ ngay đi lúc nào không biết. Buổi sáng hôm sau, khi tôi giật mình thức giậy, anh sinh viên người nam đã đến trường từ lúc nào. Cửa phòng mở rộng. Nắng óng ánh trên những thành cửa sổ. Tôi lần vào buồng tắm rửa mặt, chải đầu. Tự nhiên không cảm thấy sự cần thiết phải chờ đợi đứa em tôi tới đón, tôi mở cửa phòng đi xuống Trên hành lang xuống hết cầu thang, ra tới bãi cỏ, tôi không gặp một ai hết. Hình như không một ai biết tôi đã tới cũng không một ai để ý đến tôi ra. Cái sự mà thình lình tôi cảm thấy phút đó, khi thong thả bước đi trên con đường trải đá cuội trắng, dưới nắng vàng, là một cảm giác quen thuộc lạ thường. Tưởng như tôi không chỉ mới đến từ đêm qua mà tôi

đã sống mãi với thành phố này. Tưởng như chỉ sau một đêm, và không cần lâu hơn, nơi thành phố chưa thuộc nổi tên một con đường, tôi đã thôi, hoàn toàn thôi, là một người lạ mặt. Ra khỏi cổng, tôi đi ngược lên, và tới ngã tư thứ nhất, tôi tạt vào một tiệm cà phê. Đó là một tiệm cà phê bình dân, như tôi chưa từng thấy một tiệm cà phê tương tự như ở ngoài Hà nội. Tiệm thấp hơn mặt đường, lòng nhà nhỏ chật, nhưng hàng hiên bên ngoài thật rộng.

Cách với mặt đường, cao hơn, quán hàng được nối dài thêm bằng một khoảng đất nhỏ. Dăm ba cái ghế, một vài cái bàn được kê ở đó. Khoảng đất lộ thiên mát lạnh. Một tàn lá dây bao phủ bên trên. Tôi đã đến ngồi ở đó, gọi một ly cà phê, đầu của ngày thứ nhất. Cà phê bình dân miền Nam không có pha phách cầu kỳ

và mất công như cà phê Hà nội. Gọi là có ngay.

Tôi đã ngồi một mình, trong cái quán cà phê bình dân bên đường ấy, thật lâu. Sài Gòn ngay tự những giây phút đầu của một tao ngộ lịch sử, đã đón tôi vào cái nếp sống bình dị và ung dung của nó. Thưa chị, về sau thế nào, tôi không nhớ được nữa. Cuộc sống tôi tự đó trôi chảy bình thường, không có gì đáng nhớ. Nhưng hình như ở cái buổi sáng thứ nhất ấy, khi trả tiền đứng lên, tôi đã tự nhủ ngay được với tôi là tôi sẽ sống với cái thành phố xa lạ, rủng rỉnh trong suốt phần đời còn lại của mình. Năm tháng trôi đi. Tính đến nay đã vừa chẵn mười bốn năm. Trong những lá thư gửi về từ miền cao, đôi khi chị vẫn nói với tôi về câu chuyện mai mốt bình yên, Nam Bắc Trung lại ba miền đi lại thông suốt như cũ, chắc

chúng ta phải là những lũ hành thú nhất có mặt trên chuyến tàu thống nhất đất nước, chuyến tàu ấy sẽ thả những người ly hương chúng ta xuống một cửa ga Hà nội. Chị nói người Hà nội chúng mình không thể sống được ở đâu xa khác hơn là dưới cái vòm trời có mây Tây Hồ và gió Hoàn kiếm bay qua. Rằng nếp sống tình cảm của chúng ta phải nằm trong cái luân lưu của thời tiết và khí hậu bốn mùa mới được. Rằng cửa ô nào cũng không đẹp bằng ở Quan Chưởng. Rằng không trăng nào xanh bằng ánh trăng Trúc Bạch. Rằng chẳng sương mù nào gợi cảm bằng sương mù Long Biên. Và chúng ta sống, dẫu có yêu thương gắn bó với miền Nam tới đâu cũng chỉ là để chờ đợi một ngày về.

Ý nghĩ cuối năm nay của tôi, về riêng tôi, cho riêng tôi, thưa chị là một

ý nghĩa khác. Nếu một ngày nào, tôi có được chuyến tàu thông xú chạy suốt qua những rừng núi và những ga lớn ga nhỏ nối hàng trên đường đường ba miền nối lại, chuyến tàu ấy chắc sẽ không có tôi. Tôi biết tôi sẽ ở lại. Ở lại đây. Với thành phố nay. Thành phố này, trước sau không có một thời nam châm nào hết. Nó vẫn thiếu lắm những nét hấp dẫn. Nó vẫn chẳng có một linh hồn. Nó vẫn chỉ là một khuôn mặt. Cái điều làm cho tôi, ngày lại ngày, cảm thấy mình, mỗi phút sống thêm một thêm phù hợp, một thêm hòa nhập với Sài Gòn, không phải ở nơi Sài Gòn càng ngày càng đổi thay để tiến dần tới hình ảnh mộng tưởng về một thành phố lý tưởng ở đó tôi muốn sống, mà do nơi tôi đã thay đổi. Lâu ngày không gặp nhau, chị không biết đó thôi, chị không biết là sống với Sài Gòn, tôi đã đổi thay nhiều lắm. Nghĩ cho cùng, cũng không

đích thực là một đổi thay. Tôi không tin người ta có thể tự đổi thay mình được, cho dù là sống với những cảnh trí và những đối tượng mới. Chỉ hình như là, bằng và nhờ vào sống với Sài Gòn, tôi đã khám phá được cho tôi nhiều sự thật tôi không nhìn thấy những ngày tháng xưa cũ trong cái thế giới thanh lịch và đầy đặc những kỷ niệm ấy là ba mươi sau phố phường Hà nội. Khám phá thứ nhất : Tôi không phải là người thanh lịch. Như chị, chị đích thực mang trong thực chất và tâm hồn chị cái cốt cách khác thường của một người thanh lịch, tôi chỉ là người có một nguồn gốc và một cốt tính bình dân. Ý niệm về cái đẹp hiểu cái đẹp theo quan niệm và mơ ước của người Hà nội trong tôi ngày nào còn sống với Hà nội, ở tôi bây giờ không còn nữa. Nó đã chết. Trong suốt một phần đời, nó đã phủ lên hình hài và tâm trí tôi như một tấm áo

gấm sặc sỡ, tấm áo đã rớt xuống một lúc nào tôi cũng không hay Những buổi tối, những đêm khuya của Sài Gòn, đi dạo với đám bạn hữu dưới thấp thoáng những tàn lá hay lóng lánh những sắc màu hay những buổi chiều đi dép mỏng mặc áo ngắn dạo chơi thẩn thơ trong khu phố của mình nhìn những hàng rong, những cửa tiệm, những quán cà bình dân bên đường, tôi càng thấy tôi là một người bình dân. Của một nếp sống bình dân. Sài Gòn tạo và nhận cho tôi nếp sống đó. Chị đã hiểu tại sao tôi nhất định sống mãi giữa thành phố này. Nâng đẩy đời sống mình lên thành một đạo sống, một nghệ thuật sống, cũng thích và nên lắm. Nhưng sống tự nhiên không bán khoán, không lựa chọn, nhẹ nhõm và đơn giản, được tới chừng nào càng hay chừng nấy, đó là hình ảnh cuộc sống thường nhật từ bây giờ và sau này của tôi. Ở đây. Với Sài

gòn Không ai biết đến mình. Mọi người để mặc mình. Ở đâu cũng được. Thế nào cũng xong. Sống tầm thường và sống vô danh. Tôi muốn sống như thế, Tôi nghĩ Sài gòn, chỉ Sài gòn mà không phải là Hà nội, tạo cho tôi những điều kiện khách quan để cái chủ quan của tôi thực hiện được cho nó nếp sống này.

Thưa chị, chị đã hiểu tại sao. bất cứ một chuyển dịch nào, bây giờ cũng làm cho tôi ngại ngùng. Chị cũng đã hiểu tại sao, những ngày cuối năm và những ngày đầu năm năm nay, thêm một năm nữa, Nguyên Đán của tôi lại vẫn là một Nguyên Đán không viết chữ hoa, giữa một thành phố ở đó tôi được, một phần nào, sống và danh và tầm thường như mọi người, như mọi ngày, mặc dầu mùa xuân đã tới.

MAI THẢO

PHẠM CÔNG THIỆN

Mặt trời vẫn còn đó

Thành phố ấy có lẽ là thành phố lớn nhất ở khắp thế giới, thành phố không có tên, không lịch sử, một thành phố gồm có mười triệu người, theo bản thống kê gần đây của một Viện Quốc Tế về Phát triển Đô Thị. Mỗi buổi sáng, lúc ông thức dậy thì một triệu người cũng thức dậy đồng lúc với ông, chín triệu người khác vẫn còn nằm ngủ; lúc ông đứng dậy mở cửa sổ thì một triệu người bắt đầu mở mắt theo cánh

cửa sổ vừa mở, lúc ông đi vào phòng rửa mắt và mở máy nước chảy thì một triệu người khác nữa lại bắt đầu tỉnh thức khi ánh sáng tuôn chảy tràn lan theo tiếng nước róc rách bên hàng xóm. Buổi sáng ấy trời rơi bão, cơn bão ban mai đánh vào cánh cửa sổ phần phật, đập vào tất cả những cánh cửa sổ ở thành phố. Bão càng lúc càng nổi lên bùng bùng trong không khí, vừa lúc cơn mưa lớn đổ ào xuống những đường phố thì gần hết bảy triệu người còn ngủ giật mình thức dậy, tất cả gần mười triệu người ở thành phố đều thức dậy cả, chỉ còn lại có bốn người vẫn còn say ngủ. Người thứ nhất là một cô gái giang hồ, người thứ hai là một ông thầy tu, người thứ ba là một ông già cụt tay và người thứ tư là một ông mù mắt. Cô gái giang hồ nằm ngủ, ôm con chó Nhật bản ngộ nguậy trên giường, tiếng nhạc điệu phát từ máy phát thanh ở

đầu giường vẫn còn du dương thật nhẹ những bản tình ca lãng mạn, cô đã để máy chạy suốt từ khuya và nằm ngủ mệt nhọc hững hờ. Bão đập vào cửa từng lúc như tiếng đập cửa của vài ba người khách đi tìm nàng vào những giờ khuya khoắt; cô nằm mệt nhoài và ông có thể đoán cô đang mơ mộng, một giấc mộng đám cưới, một đám cưới có cô dâu mặc áo trắng và có một chàng mặc áo đen đứng ở cuối phố ngó theo. Bão đập vào bức màn đỏ treo ở cửa sẽ phòng ngủ, con chó cựa mình nháy vọt xuống nằm tiu nghỉu bên cạnh đôi dép của cô, ngậm một chiếc dép đi vào phòng tắm, đá một vũng trên chiếc khăn tắm của cô bỏ rơi trên sàn gạch. Cách phòng ngủ của cô gái giang hồ chừng năm cây số, trên một ngọn đồi trọc, không cây, không lá, một ngôi chùa gầy đở loang lỗ, ông thầy tu vừa mới thức dậy và nằm đọc kinh Kim

Cang trên giường, ông lười ngồi dậy, và lười gõ mõ tụng kinh trước bàn thờ Phật, ông chỉ nằm dài trên giường trải chiếc chiếu xám, vừa đọc kinh vừa ngáp, chỉ thức được vài phút rồi ông lại ngủ say lại, không còn biết đất trời gì nữa, Cơn bão không tài nào đánh thức ông dậy rồi, các ngài có thể đoán rằng ông đang nằm chiêm bao thấy một hòn đảo nổi lên giữa biển xanh, một cù lao mọc lên xanh rì với từng đám cỏ đen, giữa hòn cù lao có một con sông nhỏ kẽ qua, nước chảy nhĩ nhĩ như tiếng thủ thủ của mộng, hoạn, bào ảnh, sương, điện, hay ánh chớp lòe của trời đất. Cuốn kinh Kim Cang rơi nhòai xuống đất và áp trên chiếc guốc cây nặng nề, tạo thành một bức tranh tĩnh vật mà họa sĩ phải là một kẻ không biết vẽ thì mới thấy đó là cơn lốc của nghệ thuật trong sự xung đột giữa bước chân và con đường. Dưới chân đôi, các ngài có thể

thấy một cụ già cụt tay ngồi trước cửa, ngủ gà ngủ gật dựa vào vách xi măng mới sơn trắng mộng thấy mình đang giương tay bắn cung, tiếng tên bay vèo qua dĩ vãng và thực tại, hai bàn tay dang ra xa và chiếc tên bắn ra thành một chiếc tay, chiếc tay độc nhất bay vụt trong không gian vô tận như một con chó cụt đuôi phóng chạy vào đêm tối. Người thứ tư là ông mù mắt, ông không có tuổi tác, người ta cho rằng ông được khoảng hai mươi tám tuổi, nhưng nhìn thoáng qua nét mặt của ông, đôi khi người ta thấy ông chỉ chừng mười tuổi, đôi lúc ông chỉ chừng bốn mươi, đôi lúc ông lại khoảng chừng tám chục tuổi, nhưng chính ông mù thì ông chỉ biết ông ra đời cách đây hai mươi tám năm, nhưng ông hiểu rằng ông già hơn trái đất và non như buổi sáng sớm có bão rồi lùng bùng trên từng con tròn xoáy vù vù. Ông ngủ ngồi trên ghế

kê bên cửa sổ, một con chim sâu rủa lông bên thành cửa và coi ông mù như không có hay nếu có đi nữa thì chỉ có như một cây trụi lá, bất động như cuộc đời và vô tri như ý thức của một người điên không biết ngủ.

Bão lại vụt tắt, mưa bỗng vụt ngừng lại, không khí đứng khựng lại như sa mù, cô gái giang hồ, ông thầy tu và cụ già cụt tay đã thức dậy. Chín triệu chín trăm chín mươi chín người đã thức dậy, chỉ còn lại ông mù là chưa thức giấc, có ai hiểu nổi là ông đang chiêm bao thấy gì ? Lắm lúc, tay ông giật giật lên, chân ông giật giật xuống, môi ông giật giật ra, tóc ông căng căng lên, ông đang mơ thấy mình đang đứng trên một hí trường bao la trước hàng ngàn dãy ghế trống không người, ông đang đứng cúi đầu, hất đầu, giật đầu điều khiển một ban nhạc vĩ đại,

gồm hai trăm nhạc công và nhạc sĩ đủ loại, tất cả đều biến thành một, mọi sự được lùa vào nhau, xô vào nhau, chảy vào nhau như muôn ngàn con sóng, đổ dồn thành một con sóng tóe bọt, đập âm vào ghenh đá, sầm sầm, xé nát, vỡ toang, bản Đại hòa tấu thứ năm của Beethoven giựt giựt chỉ một lần, tiếng đập cửa, tiếng đập của lửa, tiếng đập của nửa vầng trăng rơi vào óc của một thằng điên ở một tu viện nào đó. Con chim sâu tủa vào một chiếc lá khô nằm thiu thiu bên thành gỗ cửa sổ, ông mù vẫn nằm chiêm bao, khi giấc mộng đại hòa tấu vừa dứt thì ông tiếp tục nằm mơ thấy màu đỏ và màu vàng, ông thấy ông đang quì lạy trước bàn thờ; trên bàn thờ không có tượng Phật hay tượng Chúa gì cả, mà chỉ có hai vòng tròn, một vòng đỏ ở trên và một vòng vàng ở dưới, giấc mộng kéo dài suốt ngày hôm đó cho mãi đến chiều tối rồi kéo dài cho đến

khuya, rồi tiếp tục cho đến hai giờ sáng, lúc chín triệu chín trăm trăm chín mươi chín người trong thành phố đã ngủ say hết thì chỉ còn ông mù là vừa mới thức thức dậy. Ông mở cửa sổ ra, chiếc lá khô bật bay giựt ra ngoài thành cửa. Con chim sâu đã bay đi đâu? Ông cũng không hề biết sự có mặt hay vắng mặt của con chim thân ái ấy. Nước chảy rào rào trong cuối gian phòng, ông mù ho sặc sặc, rồi nhổ phọt một búng nước miếng xuống lỗ phòng rửa. Ông đẩy cửa và bước thật chậm đi xuống một trạm xe lửa hầm gần đấy, ông đeo đôi kính đen và bước đi không cần gậy, vì mỗi lần bước xuống hầm xe lửa, ông chỉ cần quẹo qua hướng trái, khi xe chạy, lúc ngồi trên xe lửa, ông chỉ cần ngồi im kể lại trong óc một câu chuyện có những động tác và diễn biến nhất định, lúc câu chuyện trong óc ông vừa chấm dứt thì lúc đó xe lửa cũng vừa

ngừng lại để ông bước xuống, rồi bước lên trên những bậc đá, quẹo qua hướng trái, đi chừng vài bước, quẹo thêm một lần trái nữa là ông đi đến trước phòng ngủ mà ông muốn đi đến. Ông leo lên thang máy, bấm nút cuối cùng thì ông đến nơi tầng lầu quen thuộc. Mỗi ngày, bất luận đêm tối hay sáng trắng, trong tám năm trời rồi, ông đã đi trên lộ trình quen thuộc ấy; trong tám năm trời, mỗi lần ngồi trên xe lửa, ông cũng kể lại một câu chuyện ấy trong đầu, rồi khi rời trạm, để đến phòng ngủ, ông cũng quẹo trái hai lần như vậy: trong tám năm trời, đứng trước cánh cửa phòng kia, ông cũng chỉ cần gõ một tiếng, đứng đợi một giây thì cửa mở ra trong tám năm trời, khi cửa đã mở và trước khi bước vào phòng ông cũng đứng lại một giây và đánh diêm lên hút điếu thuốc đầu tiên; trong tám năm trời, khi bước vào phòng ông cũng

vào thẳng phòng rửa, rồi phun vọt một búng nước miếng vào lỗ cầu, rồi bước chậm đến ghế bành kê bên cửa sổ, ngồi lẳng lẳng hút thuốc thả khói bông bênh, đang lúc ấy, cô gái giang hồ cũng lẳng lẳng bước vào phòng rửa mặt và hát khê một điệu quen thuộc mà cũng trong tám năm rồi cô cũng chỉ hát khê một điệu ấy vào hoàn cảnh như vậy, với những cử chỉ và động tác như vậy, cùng với sự có mặt thường lệ của ông mù trên ghế bành bên cạnh cửa sổ.

– Câu chuyện anh viết trong đầu đã kết thúc chưa ?

– Vẫn kết thúc mỗi lần anh bước xuống xe lửa.

– À, anh thì vẫn thế.

– Mọi câu chuyện gì cũng đều kết thúc như thế.

- Bữa nay anh vẫn nói điều ấy chứ.
- Cũng vẫn chỉ có điều ấy thôi
- Đi ngủ đi anh
- Đi ngủ đi em
- Sáng mai anh và em sẽ đến đó như thường lệ.
- Lại cuối tuần nữa
- Anh vẫn không để ý gì hết
- Em phải để ý cho anh
- Có thể nào người ta nằm mộng trên tám năm mà cũng chỉ một giấc mộng duy nhất ?
- Chỉ còn hai năm nữa là mười năm phải không ?

– Nghĩa là còn bảy trăm ba chục ngày.

– Thì mộng sẽ dứt

– Không có gì dứt hết.

– Câu chuyện vẫn tiếp tục.

– Và kết thúc trong mười năm

– Để rồi tiếp tục nữa

– Tiếp tục trong những người khác, trong tất cả những người đã gặp anh và đã nghe anh.

– Chỉ nghe một điều trong mười năm ?

– Hay là không nghe gì hết và có chăng chỉ là một giấc mộng.

– Thực hơn là tất cả sự thực

– Đi ngủ đi em

– Dạ.

Cánh màn cửa sổ được kéo che lại khung trống, một người mù và cô gái gi-ang hồ ôm nhau nằm dài trên giường. tiếng thở càng lúc càng trở nên đều đều, nhẹ nhẹ, không còn gì nữa, chỉ một lần, chỉ một lần, đêm và ngày, sáng và tối, nàng và chàng, thức và ngủ, nữa vầng trăng này tìm nửa vầng trăng kia.

PHẠM CÔNG THIỆN

TRẦN THANH HIỆP

Viễn tượng

*Một buổi chiều anh bỗng thấy cần
ngước mắt*

Nhìn vòm trời cao

Mà thương nhớ vô tận

*Nửa thế kỷ không lâu hơn một nỗi
buồn*

*Mùa xuân chợt về trên mái tóc điểm
bạc*

Như một kỷ niệm xưa

Anh vẫn đi giữa con đường dài

*Ôi Tiêu Chuẩn hun hút mãi chân
trời ảo tưởng*

Trong viễn tượng phiêu lưu bất định

Hy vọng khởi đầu cho tuyệt vọng

*Người lữ hành không còn muốn dừng
chân*

Chuyển động cho thành bất động

Anh tự nhủ :

Tương lai cũng chỉ là kỷ niệm

*Ta yêu thương mặt trời và cây cỏ từ
đây.*

TRẦN THANH HIỆP

NGUYỄN QUANG HIỆN

*Thơ tôi còn nói về tình yêu và
sự Tươi Sống mọc lên trên khổ hạnh*

N.Q.H.

SỰ BÍ MẬT CỦA NGÀY THÁNG

Tôi bỗng làm thi sĩ

kể những chuyện năm mơ

rồi tỉnh dậy quên hết.

Tôi đi ra ngoài trời

nằm dọc theo bờ biển

*chợp một giấc ngủ vùi
bàn tay trên bãi cát
cây dừa biển chết khô*

*Rồi tỉnh dậy bâng khuâng
lội ra ngoài khơi tím
vốc nước uống no đầy
cả hai vai rách mướp
rồi trở về đồng bằng
hoa quả vừa chín rụng*

*Tôi với tay lên cao
rồi lại đi buông thong
gió nhiệt đới lộng lộng*

*rừng cây lá lật trắng
hơi thở cũng đều hòa
hai mắt đầy trong tim.*

*Thế là hết một ngày
một ngày rồi một tháng
mặt trời đã thất cố
nhạc vui cũng bắt đầu.*

KÊ VÔ DANH VÀ VẬT VÔ TRI

*Bước vào ban đêm bật đèn
anh tưởng đến dáng cỗ xe mệt lả
giữa mùa cây cỏ nắng khô
Có tiếng chạy đều của guồng sinh tử.*

Anh đã tìm ra lý do giản dị những người ngòi kia

những câu vọng cổ từ những vũng tình cảm không hình thù đọng lại.

Chúng ta hết kêu than không thể hiểu

*Vỗ tay xoay theo điệu nháy vòng tròn
Cũng như đã thất vọng đi vào vô hạn
những sinh lực còn lại đi trong thế giới,*

Hết buổi chiều chủ nhật chúng ta trở về

*Các nhà máy sớm mai hoạt động lại
những người Vô danh, vào đối thoại
với vật Vô tri*

và thắc mắc kéo dài một trăm năm
liên tiếp

sau cùng không hiểu đã hỏi thế nào

hay không thể đặt một vấn đề gì
ngoài những việc xảy ra

gọi tên chúng là ân huệ hình phạt

nhưng mọi người sẽ phải tay an tâm

bằng lòng trao cả cho hàn tay ngăn
ngủ

tôi sẽ tiếp tục cuộc đời dù bằng một
nhọc

bằng chút hy vọng nhỏ bé đã nhiều
lần nông nghênh ném bỏ,

Từng toán người trở về hát bài khái
hoàn

qua khu rừng thưa

thấy ốc xên bò trên nấm mộ

chỗ này nằm nghỉ một người vô danh

người ấy là ai.

hay chính là anh

*Các con cháu chúng ta sau này cũng
thường hỏi mãi.*

*Tôi sẽ hát những bài đoản ca nói về
cuộc đời và ái tình.*

*của một người không tên như cây cỏ
trong rừng*

là anh trai làng yêu cô gái dậy thì

má thì tròn mắt thì lóng lánh

có đêm trăng sáng tương tư...

LỊCH SỬ

*Tôi bỗng tình cờ sinh ra
như một con vật nhỏ trong cánh rừng
lớn,
không biết từ ngày nào,
rồi trĩu não trôi mồm
đi về đâu
mặt trời mọc đầu rừng lặn đằng cuối
buổi sáng thì vui tươi
đêm kéo về đe dọa mùa đông cây trụi
cành
mùa xuân về nảy lộc
mình tôi mang dấu vết những ngày
đi qua*

*bây giờ là đâu,
dưới Thung lũng sâu hay Sườn đá
đốc,
đây chính là mặt phẳng của sự ngu
xuẩn,
Bên kia núi là thiên đường hay địa
ngục
tôi bước theo lối đi lá rụng
Sợ ban đêm sẽ úp xuống
hành lý bằng ảo tưởng hôm qua
sang bên này vẫn toàn rừng cây
không phải là Thiên đường hay địa
ngục
mà chỉ là chiến trận của những Đam
mê tiếp nối*

*còn đó là những phiến đá mỗi mòn
tàn lụi,*

những người xưa đâu rồi,

*Hãy đốt đuốc lên cho tôi được nhìn
thấy mặt*

*dù không bao giờ thấy mọi người
đông đủ*

có phải không bao giờ đông đủ,

Tôi ở nơi nào đây ?

*Nỗi Niềm Kiêu căng nhỏ bé của linh
hồn này*

*hãy đem ta tới Trung Tâm của Ghi
nhớ.*

NGUYỄN QUANG HIỆN

VIÊN LINH

Sinh nhật

*Hôm nay năm tận, Sài Gòn
Tôi nghe khiếp hãi tâm hồn già nua
Giật mình, con qui ban trưa
Tiếc mùa hoan lạc hái chưa được hời,*

*Hôm nay Trời Đất có tôi
Trên ba mươi tuổi làm người mới quen*

*Xuân hồng, một góc thiếu niên
Năm năm mê mãi những miền hoài
nghi*

*Trên ba mươi tuổi ù lì
Đêm về kéo cửa ngày đi kiếm mình
Cảnh đời, một cõi u minh
Cảnh tôi thấp thoáng bóng hình những
ai*

*U mê hết tháng năm dài
Chân trong lối kiệt hồn ngoài bến không
Hôm nay năm tận, bàng hoàng
Giục thêm tiệc rượu ngòm ngàom đĩa
vời*

*Nhìn ra cảnh cõi, riêng tôi
Trong hiên viễn phố thấy trời buồn lây
Trên ba mươi những năm gầy
Thời gian cuộn cuộn từng giây trói
người
Hôm nay Sinh Nhật tiệc tôi
Uống dấm chén đắng chúc đời hân hoan*

VIÊN LINH

HUỲNH PHAN ANH

Một chỗ không người

Có gì để nói trên cái chết của một người một tai nạn thông thường được kể lại vẫn tắt cạnh những tin vật mỗi ngày không đủ sức gây chú ý cùng lắm chỉ có thể trở thành thú tiêu khiển nhọc nhẽ cho một người đọc tò mò, tạo một xúc động hơi hợt cho những tâm hồn lãng mạn dễ thương vay khóc mượn, trong trường hợp này người ta sẽ buột miệng than vãn ; đặt câu hỏi, tìm giả thuyết quanh cái chết của người thiếu

phụ trẻ đẹp kia, hẳn nàng cũng có một mái gia đình một hạnh phúc đã trở nên thừa thãi, rồi chồng, rồi con, nỗi khổ của những người ở lại, nhưng tại sao nàng lại một thân một mình đến phải vong mạng thảm thương thế kia (tai nạn xảy ra trên đường về thành phố giữa một thị trấn buồn thiu miền cao nguyên ngút lạnh) có điều gì bí ẩn trong cái chết đó, tai nạn đã đến với nàng hay chính nàng đã tìm cách trốn khỏi cuộc sống này, cái chết của nàng hay màn chót một tấm kịch buồn bắt đầu trò đó người tôi có thể, với một chút tưởng tượng kể lại, viết lại thành một câu chuyện, một chuyện tình, biết đâu đó, với những yếu tố cần thiết đủ làm sống lại một mẫu người dựng lên một hình ảnh hay một huyền thoại, hãy gọi đó là văn chương, văn chương vốn bắt đầu từ hư tưởng một số người và lòng dễ tin số người khác phải không. Tôi sẽ

tiết độ được gì tôi, trên cái chết của một người, trên một người đã chết đã chọn, dù sao, niềm im lặng đời đời, hay ít ra tôi có gì để nói nhân cái chết đó dù với một ai, dù với chính tôi. một cách trả lời cho những đòi hỏi trong tôi về một biện minh, một giải thích có thể đó chỉ là những đòi hỏi không lâu đôi khi quyết liệt đến vô lý. Người đàn bà đó đã chết, Tôi không biết gì ngoài sự việc nàng đã chết tôi không thể tìm hiểu được gì mặc dù những cố gắng. Tôi chỉ còn biết tự an ủi mình một cách lười biếng, tốt hơn hết là hãy im lặng. Tôi sẽ im lặng (tới bao giờ ?) như tôi vẫn nhủ thầm đừng nghĩ ngợi đừng nói năng đừng chuẩn bị gì, hãy coi biến cố xảy ra như một cuộc dàn xếp êm đẹp nhất, một cách kết thúc lý tưởng nhất. Tôi tìm lại tình cảm yên thân ngày nào của đời sống cô đơn, rộng không, buồn bã anh vẫn thế, anh không

khác xưa chút nào, anh có nhìn nhận không, một người đàn bà thành thạo đến rồi đi, đến không đợi chờ đi không xua đuổi, với anh tình yêu chỉ là sự nhắc lại một số cảm giác, một số lễ nghi cũ, tình yêu không thay đổi được gì và tôi, tôi cũng không mang đến cho anh được gì, có phải thế không ? một đời sống tự do, tự do như cái gì thừa thãi, không biết xử dụng vào đâu cách nào. Như trong những giây phút này đây, tôi tự hỏi, làm gì, việc gì sắp sửa xảy ra, tai nạn nào đang đợi tôi, và tôi đang dung ruổi về đâu. Ý định rời bỏ thị trấn (những chuyến đi trong đời ta !) đã tan rã trong tôi, đã trở nên vô ích. Bởi vì nàng đã chết : thành phố hẹn hò nơi hai người (lẽ ra) sẽ gặp nhau sẽ chung sống với nhau trong một khoảng thời gian cần thiết nào đó như họ đã giao ước với nhau trong lần gặp gỡ sau cùng, một cách giải quyết dứt khoát

vấn đề, một cách xét lại lòng mình như người ta vẫn nói, thành phố đó chỉ còn là một hình ảnh chết, một phi lý hoàn toàn. Tuy nhiên bằng cách nào tôi có thể yên ổn trong ý nghĩ về cái chết của nàng như một cảm đoán, một công cuộc dàn xếp (không cần gì để nói trên một cuộc tình đã an bài) điều tôi vẫn tự hỏi là trong một tương lai bình thường (không có sự trắc trở cái chết kia) liệu hai người còn có thể gặp nhau một lần nào khác dù trong tình cờ dù trong hò hẹn. Thật ra tôi đã dứt khoát được gì trong cuộc trù liệu hệ trọng nói trên và liệu nàng có nhận ra một trí tuệ thông minh như nàng, một tuổi tác già dặn như nàng về gượng gạo trong lời nói cách nói của tôi.

Tôi không muốn nàng thất vọng, vốn đã là một người tình không sung sướng (một người tình, một người đàn bà) và

chính đó là lý do khiến tôi phải khổ sở, tôi lúng chùng ở giữa sự tàn nhẫn và tính nhu nhược, biết làm thế nào được, tôi chua xót nhận ra điều này, mà phải cố gắng, mà phải sửa đổi, một cách nào đó, mà phải chọn, như mọi người vẫn nói, vâng tôi biết, tôi biết tôi phải làm gì, tới đâu và tôi cũng đã tự hứa với mình, mà phải khá hơn bằng mọi cách bằng mọi giá, mấy phải.., Những lần gặp nhau, nàng đã không âm thầm nhắc nhở tôi điều đó (nàng không nói gì, nàng vẫn không nói gì), gặp nhau, điều này có nghĩa là nói cho nhau nghe những thiếu sót, những hư hỏng của chính mình, cùng nhau hứa hẹn, chuẩn bị một đời sống, một tình yêu tương đối khá hơn khả dĩ có thể chấp nhận được, những đứa bé đó đã đến với nhau, ràng buộc lấy nhau, vì đâu, những đứa bé vô vọng những đứa con hư hỏng, những vô vọng và hư hỏng

đã mang chúng đến gần nhau ở lại với nhau, chúng có trách nhiệm gì, chúng vẫn tự hỏi, chúng vẫn hỏi với nhau, có lẽ vì chúng vẫn, không biết rằng thảm kịch (nếu hai tiếng này còn có một ý nghĩa) bắt đầu từ đâu bao giờ hay đã có sẵn từ bao giờ, chờ đợi, rình rập và không bao giờ nữa buông tha. Ôi ! những đứa trẻ yêu nhau muộn màng như đã từng sống lỡ, những đứa trẻ đã bước vào một cuộc chơi không kỳ thú, những đứa trẻ buồn nản. Liệu chúng sẽ cứu gỡ vào đâu. Hãy cho chúng một dịp may nếu dịp may là điều có thật. Không, các con hãy đón nhận lấy phần số của mình, hạnh phúc các con đó, biết không. Đừng hỏi tại sao chúng ta gặp nhau, Hãy hỏi tại sao chúng ta vẫn tiếp tục gặp nhau. Gặp nhau, không giải quyết được gì. Gặp nhau không do tình yêu mang đến, có lẽ là nỗi khổ, không để được gần nhau, có lẽ để xa nhau hơn tiếp

tục sống trong khoảng cách, cái khoảng cách (thân yêu và ghê gớm đó!) vừa tầm cho một ảo tưởng đồng thời cho một tình cảm bại vong, một hi vọng vô phương đến gần một thiệt hại vô phương hàn gắn. Em chưa bao giờ nhìn rõ mặt anh nàng nói có lẽ em cũng không bao giờ biết được anh là ai. Tưởng tượng một người đàn ông trên con đường dài đưa nàng đi trốn (những thói quen, những bồn phận, những cực hình quá nặng nề cho tâm hồn yếu đuối kia) đưa nàng tới một vùng ẩn náu giả tạo, một vòng tay nàng tình nguyện ngã vào bởi nàng phải dừng lại một nơi nào đó, một nơi nào cho những bước chân mỗi mệt. Vâng, nàng đã tìm đến gian phòng trống lạnh đứng nép mình sau ngôi nhà cũ kỹ giữa một vùng cỏ cây hoang dại một ngôi nhà bị bỏ quên, một ngôi nhà hoang trong thoạt nhìn, nàng đến trên những bước đi thất

lạc giữa một vùng cỏ biển cao tận gối, sẽ chậm lại đôi khi, có thể một ý nghĩa nào đó chợt hiện lên – những ám ảnh những bối rối, những mâu thuẫn – (nàng tiết lộ : vẫn là tình cảm phiêu lưu của một tâm hồn mù quáng chính là em, hãy tưởng tượng rằng em sung sướng hãy nói rằng em sung sướng, em muốn anh nhìn trên em trọn nỗi sung sướng đến nóng rát thịt da trên em hình ảnh người tình với tất cả những yếu đuối những liều mạng những sa ngã nhưng dường như, anh đừng chối, anh chỉ tìm thấy, bắt gặp một tâm hồn thiếu não, có phải một cái gì cay đắng xót xa em không che giấu được dưới mắt anh) những giây phút đó nàng chỉ còn là một bóng dáng khổ hạnh, một tâm hồn luôn khuấy động, luôn phải tìm cách chế ngự chính mình, và tôi sẽ tự hỏi nàng đã phải vượt qua bao nhiêu trở ngại trong những chuyến đi táo bạo

đưa tới một tình yêu phù phiếm (tôi). Nàng khổ, điều này có thật, cũng là điều làm tôi khó chịu, tôi vốn không quen với những chịu đựng tương tự (con sẽ chết mất, con ơi, nếu cứ phải nghĩ rằng lương tâm đang lên tiếng trong con). Có lẽ tôi không bao giờ chuẩn bị để gánh lấy nỗi khổ của bất luận một kẻ nào khác. Tôi lại càng không thể góp phần giúp đỡ được gì cho ai trong mưu đồ hạnh phúc. Nàng đã không bảo tôi là một con người vô can hay sao ? Nàng nói, em biết anh không hề chấp nhận một người đàn bà (dù là em dù một ai khác) bỗng đứng từ bỏ tất cả chỉ để được gặp anh nhìn anh ở bên anh và nói mình khổ. Nếu anh biết rằng đó chính thật là điều quan trọng ngoài ra không còn gì đáng kể (còn gì đáng kể nữa tôi chỉ là một người đàn bà yếu đuối, hư hỏng từ lâu không biết tới niềm vui sống từ bao lâu rồi trước khi

gặp anh. Gặp anh lần đầu tiên, tôi chỉ còn là một đứa trẻ bối rối một tâm sự được nhìn nhắm tịt mắt, một niềm bí ẩn bị tóm thâu không chạy chối). Điều tôi vẫn tự hỏi điều nàng không hề (không can đảm) đặt ra : người đàn ông đã xuất hiện trong cuộc sống lạng lẽ của nàng (tôi) như một thứ hạnh phúc đáng phàn nàn (thế nào là hạnh phúc, một con người hạnh phúc, một cuộc tình hạnh phúc) hay một bước đường sa đọa, tất cả đều khó hiểu đối với tôi. Liệu tôi có thể làm được gì cho kẻ khác dù là một ân huệ dù là một nỗi tuyệt vọng. Người ta đọc gì ở tôi. Người ta được quyền hi vọng gì ở tôi. Trong bóng tối hện hò (bóng tối, tội lỗi), những giao ước, những mưu toan, những mộng tưởng còn để lại gì trong trí nhớ họ, những người tình cô đơn đã đến với nhau một lần trên bước đường dung ruổi đã gặp lại nhau sẽ gặp lại nhau như

đã từng chia tay nhau: Không chờ, không hẹn. Thật đơn giản, hãy đến với nhau nếu cần, nếu có thể : tình yêu là cái gì không đến nỗi tệ hại, dù sao. Tôi (tiếp tục) nghĩ một ngày nào có thể người đàn bà trong một phút sáng suốt, nhận ra những bước chân lầm lỡ của mình, tại sao mình có thể như vậy được, tại sao mình có thể chấp nhận quá dễ dàng, tại sao, tại sao, để rồi không bao giờ nữa từ gian phòng tẻ lạnh, đổ nát tôi còn được dịp nhìn qua khung cửa sổ khuôn mặt nhạt nhoà của một ngày mưa, sự hiện diện bất chợt và thích thú, cuộc tình nguyện e dè, tất cả chuẩn bị một cuộc tình êm đềm hứng thú, tất cả những gì còn lại trong trí nhớ lười biếng, rời rã, nàng đã quyết định, nàng không thể tiếp tục và như vậy là chấm dứt một chuyến phiêu lưu, nàng trở về, hạnh phúc kia vẫn nguyên vẹn như ngày nào, không, sự trở về, làm gì

có, bởi thật sự nàng có đi một bước nào, nàng vẫn đứng yên một chỗ, mọi sự vẫn yên ổn trong vị trí ban đầu, nàng chỉ là một kẻ lãng quên, có phải.

Tôi tìm câu kết luận cho những ý nghĩ què quặt của mình. Tôi nghĩ tới niềm vui của kẻ đã trang trải, trút bỏ những sức nặng trên đời mình. Một ngày nào đó, tôi chợt nhìn vào khoảng trống nàng để lại, nỗi thất bại của một tình yêu (của một đời người) như người ta vẫn nói, nhủ thầm đây là khoảng khắc ta mong đợi đây mới là nơi chốn của riêng ta, đây chính là căn phần ta. Một kẻ nào đã nói, anh không giống ai, anh độc ác và anh không bao giờ biết. Có thật vậy không? Có thật là lỗi ở tôi. Đây là sự thật nàng dừng đứng bước vào. Đây là sự thật tôi tìm kiếm. Đêm nay, và còn bao đêm nữa, trong gian phòng trống lạnh, kín bưng,

ngọn nến kia sẽ cùng tôi thức trắng tới bao giờ. Ngoài kia, trên kia đêm vẫn bủa giăng có phải. Hãy đốt lên ngọn lửa và ngôi đó.

Ai đang lên tiếng đó. Vẫn giọng nói thì thâm giục giã đâu đây. Ngọn nến đã đốt lên rồi có phải (Ôi bao nhiêu ngọn lửa đã cháy lên trong đời ta).

HUỲNH PHAN ANH

NHÌN LẠI MỘT NĂM

văn học nghệ thuật

Tết Mậu Thân. Xuân Kỷ Dậu. Những trận đánh khốc liệt còn diễn ra trên những rừng núi và ruộng đồng đất nước. Bên kia đại dương, một hội nghị hòa bình vừa mở màn. Trong cái tranh tối tranh sáng của tình thế, những ngày cuối năm nhiều xao động là một cơ hội tốt cho mọi người ném một cái nhìn về trước mặt, để nhận định thế nào là cái sẽ đổi thay, cái sẽ thành hình của Việt Nam trong tương lai. Cho nỗ lực này phương thức cổ điển nhưng kiến hiệu

nhất vẫn là phán đoán từ và bằng những kinh nghiệm đã có. Văn học nghệ thuật năm qua, trên khía cạnh này, xứng đáng được xem như một kinh nghiệm chung. Cuộc tham khảo ý kiến dưới đây mang ý nghĩa một tổng kết tập thể. Nếu văn học nghệ thuật Việt Nam biết nó năm qua như thế nào, nó cũng sẽ biết nó phải như thế nào trong năm tới. Tổng kết một năm văn học nghệ thuật bởi vậy còn là quy định cho văn học nghệ thuật những mục tiêu mới cần thiết vô cùng cho giai đoạn nhận đường, không phải riêng cho một nhà văn, nhà thơ, mà cho tất cả những người Việt Nam có ý thức và có thái độ.

MAI THẢO

Nhìn lại văn học nghệ thuật Việt nam 1968, trên những nét lớn của nó,

tôi vẫn thấy được với tôi nhận xét này của nhiều năm về trước. Là thơ, văn, truyện, kịch, hội họa chúng ta nói chung vẫn được tiếp tục đẩy tới trên một chiều hướng tốt. Những cái đã có, đã thành tôi muốn nói đến cuộc cách mạng thơ có từ 1954 và phải xem đó là cách mạng vĩ đại nhất của thi ca Việt Nam hiện đại, những khám phá độc đáo trên địa hạt tiểu thuyết, đặc biệt ở thể truyện ngắn, những phiêu lưu mới được đánh dấu bởi nhiều thành tựu tốt đẹp trong ngành hội họa đã trở thành những hành lý tùy thân đầy đủ cho rất đông những người làm văn học nghệ thuật miền Nam mà thái độ chung là cùng muốn đi xa hơn những đoạn đường đã tới. Thu hẹp trong một rằm, quả thực ta có quyền bi quan. Bi quan vì những thực hiện còn mờ yếu, những thành tích còn nghèo nàn. Những cái mùa vàng của trí tuệ và sáng tạo

không phải là một mùa lúa Thần Nông 8 một năm không có nghĩa gì hết trong quá trình một dân tộc. Càng không có nghĩa gì hết trong quá trình một nền văn học nghệ thuật chỉ mới bắt đầu. Phải biết nhìn như thế. Ta đã làm được cái việc phá vỡ hiện đại văn chương ta, hãy thực tế và nhũn nhặn nhận định cho nó như một giai đoạn chuyển tiếp. Làm được tốt cái việc đôi khi rất bạc bẽo của kẻ đào huyết, thì khai sinh chắc chắn sẽ có bởi những người sau ta. Đừng có lo, hoa tại sao hoa chưa nở. Mầm đã gieo, đừng có buồn tại sao lúa chưa mọc. Mọc ngay nở ngay, chưa chắc đã tốt đâu. Ta vẫn mở đường ta vẫn nhận đường, vẫn lựa chọn, vẫn tìm kiếm. Thì vẫn là được, Chúng ta đã cắt nghĩa được tại sao lại có cái tâm trạng mỗi một đang tràn lan như một hiện tượng chung. Đó là vì mở đường nào cũng cực kỳ mệt nhọc. Chúng ta vì

vẫn nghe thấy từ bên kia một triền núi tiếng sóng vui của một vùng biển mới, chúng ta vẫn nhìn thấy sau một ý thức vẫn đường, những thực hiện lớn tất yếu phải tới, mà tôi vẫn muốn công nhận cho văn học nghệ thuật năm 1968 của ta, như một năm nữa của sửa soạn cần thiết, trên cái ý nghĩa tốt đẹp nhất của sửa soạn. Chỉ bằng vào những thực hiện, có khác gì đòi hỏi nghệ thuật phải là một sản xuất ? Hãy ném một cái nhìn thật xa về cả hai phía quá khứ và tương lai. Ta sẽ thấy với 1968, ta chưa tới nhưng mà ta vẫn đi, ta chưa thành nhưng ta đang lớn năm sau, năm sau nữa, nếu có hàng chục tài năng mới, nếu có hàng trăm tác phẩm lớn, thì cái mùa thần nông 8 bất ngờ của nghệ thuật này nhất định không làm chúng ta ngạc nhiên. Vì 1968 chùn chùn nhạt nhạt vừa qua, khi đó sẽ không còn bị coi như một khoảng trống.

TÔ THÙY YÊN

Bây giờ rán nhớ lại, dường như tôi không được đọc tác phẩm nào quan trọng xuất hiện trong năm 1968. Sách xuất bản khá nhiều, nhưng hầu hết vẫn là tác phẩm viết thêm hay in lại của những cây bút đã có địa vị. Tôi cũng không tìm thấy một tác giả mới nào xuất hiện (dù là chỉ ký tên dưới một truyện ngắn... ngắn đi nữa !) Những hoạt động văn nghệ cũng không đáng kể.

Tóm lại, năm 1968 là một năm buồn của văn nghệ. Tình trạng chiến tranh dồn dập giải thích sự trì trệ này của văn nghệ. Dường như không ai còn thiết làm điều gì lớn trong tình thế dầu sôi lửa bỏng của đất nước.

Tuy nhiên, có một điểm rất đáng mừng là văn nghệ, trong năm 1968, có vẻ đi sát với thực tại của đất nước, đi sát với cuộc chiến đang diễn ra trên quê hương. Nhiều nhà văn đã thật sự gia nhập vào cuộc chiến (dù muốn dù không, khi giặc đã tới nhà rồi, ai cũng phải chọn thái độ), và khuôn mặt trước kia xanh xao, bệnh hoạn của một thứ văn nghệ tù túng đã lấy lại được vẻ hồng hào trong lửa chiến tranh. Như vậy, nếu đất nước được yên ổn đôi chút, chắc chắn sẽ có những tác phẩm lớn viết về một sự kiện lớn của đất nước và của con người.

THÁI TUẤN

Hội họa năm vừa qua đã sút kém như chưa bao giờ từng thấy.

Các phòng tranh tuy có lác đác mở ra nhưng không gây được sự chú ý nào. Các giải Hội họa như “Mùa Xuân”, ESSO đã bị bãi bỏ. Các cuộc trưng bày phần lớn là của cá nhân, Người cũ tranh cũng cũ. Một vài tên tuổi mới cũng vẫn đi trên một chiều hướng không có gì là mới. Ảnh hưởng thời cuộc của năm qua đã quá nặng nề đối với sinh hoạt nghệ thuật ở đây.

VIÊN LINH

Cho tới bây giờ Thơ vẫn chưa vượt qua một căn phòng đã được mở để tiến sang một căn phòng khác. Một cánh rừng đã được khai hoang để khai hoang một cánh rừng khác. Dường như là có một

vài chiếc chìa khóa đã được dánh thêm cái thứ hai và nhiều người đã vào cùng một căn phòng.

Những năm nóng hổi đã đi qua, một đỉnh núi đã được chinh phục. Có phải ngày nay đỉnh núi ấy đã là một ngọn đồi trọc với một lối đi mòn ?

Năm qua không có gì để nhớ cho Thơ. Một phía, cái thảng thốt đi vào lộ kiệt, cái ngôn ngữ mới đến từ Sáng Tạo. Một phía, cái giận dữ cùng cực, cái tiếng nói của sinh hoạt đến từ Văn Nghệ. Sau từ Nghệ Thuật, phổ biến Thơ đó trên một bề mặt mông mênh, một chân trời cũ còn thoi thóp đã tắt hẳn. Rồi từ những trang nhật báo dành cho nhi đồng, cho tuổi nhỏ, Thơ là những khúc ca tự do cách biệt những văn điệu hoàn toàn giáo khoa. Học sinh không tìm được ở Học đường một chút sinh khí nào khi tập làm

văn, làm thơ, Những ngòi bút mực chấm mực ở sông núi, phố xá, mà viết,

Một thứ thơ hiện thực, hay tân hiện thực, đến từ một bờ bến của thực tế, viết từ những cái tầm thường hàng ngày, đã không làm nên một ý nghĩa nào.

Trong thanh niên súng ống đem vào Thơ, vỏ đạn con cái đem vào Thơ điều đó cũng không làm nên một cái lò so mới, một cái đà nhảy mới. Không có nghĩa gì hơn là sự kể lể có tính cách lãng mạn. Đôi cánh của tưởng tượng vụt lên như cái dù hỏa châu, trông rõ lắm. Cái dù tưởng tượng ấy bắn lên không trung bằng thuốc súng,

Thơ chiến tranh, phải làm như Đỗ Phủ. Những vần điệu mới về chiến tranh ở đây, tôi được đọc, chỉ là hình thức của một loại nhật ký viết trong sổ tay. Nhật

ký hành quân, nhật ký gác, nhật ký đóng đồn ở trại, và nhật ký về phép.

Thơ năm qua rung động trên những dây tơ nào ? Dây Chiến Tranh. Dây Ái tình. Dây Xã Hội. Dây Số Kiếp. Dây Nhiệm Vụ ?

Nghe không ra một điệu nào. Có những tiếng rè buồn nản. Nhưng tôi vẫn tin tưởng rõ ràng ở những người Thì Sĩ của Ève. Luôn luôn, người Thì Sĩ của Ève sẽ đứng ở đầu dây, từ sáng sớm. Và cho suốt những chiều tà...

TÚY HỒNG

Cả năm chẳng ngó ngàng cái gì nên không thể là một người nhiều chuyện được Đọc báo hằng ngày thì lướt băng băng những hàng chữ lớn nơi trang đầu,

rồi lật qua trang cuối đọc tin buồn tin vui, báo tháng thì được gửi cho mấy tờ Vấn đề, Bách khoa, Văn mà đọc được bài này thì để sót bài kia. Ở tờ Văn thấy nhiều cây bút trẻ mới. Đọc lai rai thì thấy hình như có sự nghỉ tay của những cây bút cũ.

Có tờ báo hỏi tôi : một mai nếu hoà bình về thì có đổi chiều viết không ? Tôi nghĩ bụng: hỏi han gì như một lối tra trấn, hỏi một câu mà đến hai vấn đề : hòa bình và viết. Viết mà đổi chiều à ? Tôi quan niệm đó là chạy theo. Còn hòa bình ? Ngỡ ngàng làm sao ấy.

Tình hình viết lách trong năm tôi thật nghèo hiểu biết. Cúi xuống những cái khác mà quên cúi xuống quyển sách. Tôi xúc động quá sức khi đọc tin Y Uyên chết, xúc động trong cô đơn vì không có ai để nói ra cái ý nghĩ.

VŨ KHẮC KHOAN

Chúng ta hiện đang bị kẹt giữa sân khấu một tấn kịch lớn, mở màn tuy đã từ lâu mà động tác diễn biến, đến đầu mùa Mậu Thân mới thực sự bước vào giai đoạn quyết liệt. Ở đây ánh hỏa châu thay thế ánh đèn điện không có khán giả những vở kịch lớn thường không có khán giả. Tất cả đều bị kẹt trên sân khấu. Tất cả đã trở thành diễn viên. Ở đây ngự trị những con số lũy tiến theo tốc độ và cường độ những thế kịch càng ngày càng gay go, càng phức tạp. C47, B52, F111, Mig 15, Mig 17, Mig 21. Đại bác 75, 105, 120. Hỏa tiễn giàn 1, rồi 4, rồi 8. Hỏa tiễn 122 rồi 140. Bàn hòa đàm 4 góc hay tròn ? Phe hòa đàm là 2 hay 3 hay là 4 ? Và con số của những người chết. Năm, ba người (vào năm nào nhỉ ?) rồi vài trăm,

vài ngàn, vài trăm ngàn vài chục ngàn

Tấn kịch lại càng quái đản khi chúng ta tìm tới chất kịch, Bi hay hài ? Mà cũng không phải là bi hài lẫn lộn kiểu Thạch Sĩ bia. Mà bi cũng được, mà hài cũng được. Bi đát là những cái chết, cái chết không thể cưỡng được, xếp hàng đi vào cái chết. Như có ma đưa lối, như có quỷ dẫn đường. Như một Định mệnh. Nhưng... nghĩ kỹ một chút, e không khỏi mỉm miệng cười. Nhất là khi đi sâu vào nội dung tấn kịch. Nhất là khi toàn thể nhân vật đều nhằm cùng một đích: hạnh phúc, đều muốn tiến tới cùng một hướng : hòa bình.

Bi hay hài ? Giờ đây là cười ra nước mắt là “oà bật lên cười”, là hình ảnh một anh chàng bé nhỏ mang tên là charlot mà mỗi một cử chỉ, mỗi một dáng điệu đều có thể bắt nhân loại cười, đều có thể

bắt nhân loại khóc. Khóc cũng được mà cười cũng chẳng sao.

Bước vào Xuân Kỷ Dậu, tấn kịch vẫn còn dai dẳng, vẫn tưởng như chưa hội đủ yếu tố để hạ màn.

Không thể có một vở kịch lớn trong năm 1968. Không có một vở kịch lớn trong năm 1968.

MẶC ĐỒ

Trọn một năm nay, vì hoàn cảnh riêng, tôi phải hạn chế đọc, không đọc được đủ hết những sáng tác Việt ngữ đã in trong năm. Tuy vậy tôi vẫn nhận thấy một điểm rất trỗi là thật nhiều những người viết mới.

Tôi không đồng ý với một anh bạn

đã nói lên ý nghĩ : Tôi chán viết khi biết mỗi đêm ở ngay Sài Gòn này có cả trăm người cũng đang cặm cụi viết. Anh bạn đó đúng khi cho rằng những người viết phải làm gì HƠN cái việc cặm cụi chỉ đem lại kết quả vô bổ như cả ngàn cuốn sách đã in ra. Nhưng mỗi hoàn cảnh đều có cái luật riêng của nó, ta không thể làm khác hơn là chấp nhận hiện tượng mọc ra như nấm và ta tin rằng sự đông vui càng giúp thuận tiện để phát giác những mầm mới nhú hứa hẹn lên cao, nở đẹp. Điều đáng sợ là nếu số đông xum xuê không tiến hơn được cái xum xuê nhất thời đó.

Thời tiền chiến những con người cũng giống như những con người bây giờ, nghĩa là cũng đủ những đức tốt, tật xấu, cũng bè phái, đố kỵ và ý hướng sáng tạo cũng phát triển đều và mạnh như

bây giờ. Làng viết hồi đó tuy vậy tương đối hẹp vì những người viết phải sống nhiều hơn, chịu đựng nhiều hơn trước khi mọc được lên. Cái khác của bây giờ là dễ in quá, không còn những gạn lọc, gạn lọc con người, gạn lọc tác phẩm. Xưa kia con người và tác phẩm thường phải được chấp nhận trước khi bắt đầu được in. Bây giờ là tình trạng ngược lại,

Tình trạng bây giờ lẽ dĩ nhiên đã khiến cho nhiều giấy, nhiều công khó của nhà in phải phao phí đi và nhiều nhà xuất bản, nhà phát hành những nhà kinh doanh văn học nghệ thuật có dịp làm giàu trên lưng độc giả.

Độc giả có khả năng kinh tế để mua nhiều sách thì sách cứ được in ra. Làng viết có đông vui cũng không là điều đáng quan tâm. Nhưng người đọc sẽ không dễ dài mãi. Sau cùng vẫn có sự gạn lọc của

thời gian. Những người viết chỉ có một địch thủ đáng sợ là thời gian.

Cho nên vấn đề của những người viết chỉ quy vào một điểm chính là chúng ta có cố gắng mãi hay không.

LỮ HỒ

Văn học miền nam đã một năm kêu khóc cho hòa bình. Hỡi Janos.. kadar phản bội tổ quốc Hung gia lợi bán đứng tổ quốc cho Nga. Nguyễn Sỹ Tế viết trên sáng tạo bài “giòng sông xanh thù hận” và Thanh tâm Tuyền làm bài thơ mà tôi yêu nhất hai câu :

Hãy cho anh khóc bằng mắt em

Những cuộc tình duyên Budapest

Mắt em khóc tiếng tình cảm cho khối

người đã trốn khỏi hàng rào thép gai phủ quanh biên giới. Những sợi thép gai nhọn hoắc như nanh vuốt của bóng tử thần. Hơn mười năm sau, tại miền Nam này, ngọn lửa hồng Thích Quảng Đức bùng lên sáng tâm hồn của một khối người âm thầm chấp nhận sự cấu xé giữa ruột thịt và tư tưởng. Lửa thiêng bùng cháy thiêu rụi một bạo chúa, và để lại bao nhiêu lớp tro tàn. Bây giờ, ngọn lửa truyền từ đông sang tây, từ tâm niệm sang hành động, từ tiềm thức ra ý thức vùn vụt cao ngất trên thân thể của sinh viên Jan-palach. Ôi ! ngọn lửa hồng Thích Quảng Đức vụt lên trong đêm tối đọa đày đã tạo ra ánh sáng. Bây giờ ngọn lửa đỏ của Jan-palach hòa vào bể máu cờ hồng. Những lá cờ đỏ rung minh giữa màu lửa đỏ. Tất cả là biển máu. Máu của kẻ chủ động hòa với máu của kẻ thụ động. Trong biển máu lửa, một triệu người xếp hàng

gục đầu tiến qua chầm chậm. Tiếng gót giày nghiền rảng trên sỏi đá. Tiếng thở dài kết tụ thành ngọn cuồng phong thổi mạnh ánh lửa hồng. Lửa đi từ Việt Nam qua Tiệp Khắc. Nó đã cháy lan tới Hung gia lợi. Nó tiến dần tới Mạc tư Khoa, tới Bắc Kinh.

Néron. Néron. Chế độ La mã thiêu hủy.

Marx, Lénine. Mao trạch Đông còn gì nữa đâu ?

THANH TÂM TUYỀN

Và buổi mai này của em

VÀ BUỔI MAI NÀY

Và buổi mai này rồi cũng mọc lên ủ ê
niềm thống hối

Trên bầu trời ngày đã quên ngày

Chó tru ngoài đồng chó tru thảm
thiết

Tiếng vang rân

Hồi động kinh hoàng hốt

Đêm ôi đêm bản bật buông rời

Và buổi mai này rồi cũng mọc lên
nhọc nhằn màu quên lãng

Trên bầu trời mờ nhạt bóng lửa bay

Sương ướt độc phủ hừng đông quay
mặt

Và hái trụi lá cành

Loài chim nào sống sót

Tiếng dật dờ tiếng thất thanh tiếng
im câm

Rướm máu

Và buổi mai này rồi cũng mọc lên
ngu ngơ trong ký ức

Trên bầu trời ủ ánh trăng non
Rừng khô già hủ cùi bầy mộng ảo
Dấu than đen dữ dằn miền cỏ úa
Muông thú biệt tằm thảo mộc cháy
điên
Xóa lối mòn hồi tưởng.
Và buổi mai này rồi cũng mọc lên
hững hờ như bất trắc
Trên bầu trời co rúm tuyệt âm vang
Ngày thối rửa nổi mù lòa quái quỷ
Hú than những chóp núi trở xương
Lũng man di nặng hồn đá tảng
Xây xâm miệng hư vô
Lỗ huyết đào ôm ấp

Như vực hân hoan.

Và buổi mai này rồi cũng mọc lên
lặng lẽ sau nước mắt

Trên bầu trời nặng kin mưa giăng

Đi mùa hè chết thiêu bên bờ bụi

Ven sông chưa kịp rên la

Con trẻ ngẩn ngơ như nắm đất

Tay chân khô queo bó củi tro

Giữa đồ vật không tên gọi

Và cổ tích vùi sâu trong máu thắm
thì

ANDANTE

Như nước ngủ yên đầm ấm, nước
trôi xuôi ngấm sâu giòong bất tuyệt

Cánh tay nâng giấc tình hong trể nải
biển sóng rụng tàn

(rụng những hoa đá chưa mài sẵn
sùi ảo mộng)

Với ngó đỉnh cây mù biếc trời trôi
điệu thu ca vầy nghịch

Loài gỗ cũ vỡ phanh phui sắc vân
đen trầm

Mắt mở không, mắt hiền ngoan cất
giấu (những mùa hạ mỏng)

Như áo nỡn, trận mưa rào đám buồn
quấn quýt quanh chân)

Và bước thong dong nổi thình không
e dè tràn vô tư bỗng

Ngó khúc sông trườn lời lau lách,
vùng sao tỏ vằm nhớ mệnh mông

Như gió lùa xa — ôi xa như hương
đất lạc — lửa trong veo gọi vầy (trong
veo như nguồn cao)

Chùm vui bắt cháy, gốc cô đơn, cành
là thân nhiên môi

Ngọn lửa nhóm từ tia ánh dung nhan
ru biếng nhác

Giọt nắng trên môi phơi trái ngọt cay

Và hồn hậu ủ mùa đông chưa tới.

Con phố khuất chìm, phố cỏ bên bờ
giếng mát

Mây buổi hoàng hôn đàn ngựa thuần
— bờm mượt, tiếng dội tắt im

Rong sắc trời phiêu bạt, hàng mía
lau trắng đong đưa, là tre xanh già đáp
đậu như châu chấu đồng

Lũ sáo chân vàng nhảy đùa lối cát —
long lanh — nắng thốt lay bông dâm bụi
đỏ.

Ôi miền cứ ngụ đại khờ, bướm say
giấc hư thực lang thang

Nghe rì rào trò chuyện mấy đồng heo
may — mùi cỏ hắc lênh đênh xóm bãi

Bóng rợp xô huy hoàng màu ráng
thăm chột tưởng môi hôn mê mau ngày
tháng.

(Mỗi ngày tay gió cời, cánh áo vẫn
còn nồng hơi thở ngon)

Không gian thấp bằng, chênh chao
sóng (sóng ôm đồm những động vang),

nét mày cong kín mỗi say sưa

Ôi miền cứ ngụ hoang liêu, thân
nguy nga mùa trù phú

Đồng bông thừa lúa mọc, hoa cải
vang như chuông, đôi lá yếu

Như ngực bần khoản nhớ vọng
không trung — vùng lửa mật ban sơ ngọt
sốt

Nghe chập chờn như mạch rừng
tuôn, rừng xâm lấn hay cổ thềm bối rối,
rễ chùm lạc thú lời

Cá lội băng ngàn dặm, cá bạc ngời
bay theo con nước — vuốt ve hơi vuốt ve
ân sủng bập bênh

Theo tiếng hát thân, triều thao thức,
nguồn nước ngọt rời xa xuống đồng
nước mặn

Hỡi đầy đũa tuyệt vời, rừng ngã đổ,
hãy giông buồm

Ôi miền cứ ngụ yên, thời gian nằm ở
cuốn trong lớp là dày đất mùn (chẳng ai
nghe tuổi thở rất hàm hồ)

VÀ BUỔI MAI NÀY CỦA EM.

Cửa đã mở vào vườn hư tưởng đó

Tiếng gõ động đục nhà

Phân bụi reo vang hồi tịch mịch

Hồi đay nghiêng

Và hồi rục rở thoát u trầm

Tiếng gõ mờ như gương mặt

Em có nghe em có nghe.

Đêm nay vẫn mỗi đêm qua mưa

nặng hạt

Trong tối ám này tủa khúc cô đơn

Trên gai góc từng chùm hổ thẹn

Vật vĩa hoài gió mông lung

Đêm nay vẫn kéo dài huyền hoặc

Em có nghe em có nghe

Niềm hát hủi trôi quanh dây tường
điểm nhục

Người bị sanh cầm

Trong chiêm bao đơn chiếc

Ôi giấc chiêm bao thừa bạo lực đều
ngoạ

giấc chiêm bao như chim ướm cánh
vỗ động hoài

Em có nghe em có nghe

Người ngồi nghe máu chảy

Từng đập trút mê cuồng

Người ngồi nghe thịt xương rã mục

như lá khô

Đất ẩm mùa khốn khổ

Cơn lạnh ghê mình trong quách xưa

Em có nghe em có nghe.

Nơi bờ thềm rêu mốc nhô mụn nấm
kinh hoàng

Những con ngựa vẫn ánh sáng

Loạn trí hý vang

Và hơi thở phì phò sỏi bọt

Em có nghe em có nghe

Đời côn trùng giá buốt

Trong lỗ hang sâu

Lá thúc quật vô tình như roi vọt

Hành hạ không ngừng hình bóng
âm u

Ô hình bóng ngân nga quanh đầu đố

Em có nghe em có nghe

Cửa đã mở vào vườn hư tưởng

Cửa cũng khép rồi

Em hãy ngồi, ngồi xuống trên phiến
đá mỗi mòn như ước mộng

Rồi em lắng nghe trong vườn đêm
nay mưa cũ kỹ như hồn mình

Đêm nay vẫn mỗi đêm qua vườn
hoang tịch

Em hãy ngồi nghe trong canh thâu

núp ẩn chốn nào

Trong tuyết cùng mỗi hoang mang
ấy

Trong tuyết cúng của thoáng gợn
đau

Bồi hồi đáy ngực như con bão thâm

Mùi hương ủ dột

Hỡi em em hãy ngồi nghe như tượng
đá

Khắp mọi vòm đen đúa mịt mù

Khắp các lối mòn bỏ quên như lời
tình tự

Các khúc cành xào xạc như xương

Ngọn lửa mát ngời còn vùi lấp

Một đốm hoa hé nở gần

Hỡi em em hãy ngồi nghe nỗi chết
Và hy vọng lụi tàn
Cơn rét mướt cũng lụi tàn
Như mảnh sao băng mất tích
Hỡi em em có hay
Đêm nay cửa đã mở vào vườn hư
tưởng đó
Anh ngỡ thấy bầu trời
Như sâu kin
Anh ngỡ thấy cây xanh
Như hồn nhiên
Anh biết đâu nào anh biết đâu
Những trái quả mang tặng người yêu
dấu

Thôi đã ruồng hư

Những như lòng khinh miệt kẻ hờn
cừu

Bỗng biến hình âu yếm

Anh biết đâu nào anh biết đâu

Và buổi mai này rồi cũng mọc lên,
rồi cũng mọc lên

Cửa sẵn mở em nhìn vườn hư tưởng
đó

Nhưng hoang vu đã chém nát thân
mình.

11-68

THANH TÂM TUYỀN

CUNG TÍCH BIÊN

Ngoại lai

Mãi đến buổi sáng hôm đó trong đầu óc chú Tư Hồ – khi ngang qua chợ Phú Nhuận, chợt thấy mụ hàng thịt ngồi với mấy cân thịt tim tím, mấy con ruồi xanh bay vo ve, mùi xúc vật chết dậy lên ngai ngái, mùi thích hợp nhất cho một cơn buồn nôn – một quá khứ kinh hoàng chợt thức giấc, thịt bò thức giấc, quá khứ : người ta đã ăn toàn thịt súc vật chết từ nguồn trôi về suốt thời kỳ cơn bão lụt Iris tàn phá, cơn Iris đã mang

về biển đông trên mười ngàn người, và nó để lại trước mặt chú Tư thợ hồ hàng trăm con vật chết ; đám thổ dân mang dao mác ra mổ thịt chúng nó, người ta nấu, luộc, ăn một cách ngon lành thêm khát vì người ta chẳng còn thóc lúa, người ta chẳng còn gì để sống với những ngày sống sót, người ta chỉ có bò, sống nhờ xác chết bò, những con bò chết thối và thiêng liêng ; ngay giữa nền nhà một con bò đã từ đâu trôi về, đã chết, sau hè một con bò cắm đầu xuống khoảng bùn lầy, nửa đêm chú Tư thợ Hồ thức giấc, dạo chơi trên những khoảng thịt mềm nhũn, trăng soi trên xác bò, những vì sao loang loáng trên mấy cái sừng bò lảng nhẩy ; từ bên này khung cửa, trong buổi chiều trống rỗng một cơn bão vừa lặng, nhìn qua bên kia chân cầu heo hút – mấy anh dân vệ cũng sống qua ngày nhờ thịt bò – trên cánh đồng lạnh lẽo chú Tư thợ

hồ có thể đếm được hàng trăm tảng đá nâu, có tảng màu đen, bất động, những tảng đá xuất hiện bất ngờ những tảng đá có hai cái sừng vô tình.

Sau cơn bão lụt Iris – mà thằng cháu đã giải thích một cách lếu láo theo ngôn ngữ Đại học văn khoa của nó : đây là một hình phạt của Thượng đế, Thượng đế muốn chúng ta biết giá trị của tai họa và phải biết đến vinh danh ngài – chú Tư thợ hồ lia bỏ quê nhà vào Sài Gòn sinh sống. Việc lia bỏ quê hương yêu dấu còn do nhiều lý do khác không tiện nói ra đây. Nhưng chú Tư thợ hồ thì nhất định, không thể sống thêm trên một vùng đầy rầy ám ảnh, những thân hình què quặt, những hình nhân khô xám bám trôi nổi theo mỗi cơn mơ không đầu đuôi của chú, không thể lê lếch với một thứ quê hương hoang tàn chỉ thấy toàn nghĩa địa,

trống rỗng vì nước đã cuốn sạch nguồn sống, bão đi thổi về trời tất cả những mầm tươi, quê hương, dù có ra công đi cả trăm dặm cũng khó tìm một bông lúa một nụ cười. Hơn thế nữa vợ con chú Tư thợ Hồ cũng chết tại đây. Người vợ mà chú gặp lại trên bến tàu Đà Nẵng sau tám năm đi làm tên lính thuộc địa đánh thuê trên đất Pháp.

Tư thợ Hồ nhớ rõ ràng ngày chôn xác vợ, ngày thật đẹp trời. Trước đó mười hai hôm trời nổi cơn mưa lớn, nửa đêm có những ngọn gió rạo rạo, chân trời thì đen đúa, sóng biển đông về mạnh, vỗ những cơn quăn quại lạ lùng. Từ xóm trên lão Truyện mang cây đèn bão xuống cho chú Tư biết đài phát thanh loan tin có cơn bão lớn, bão Iris. Chú Tư nói bão gì lại là bão Iris, cơn bão mà cũng mang tên “Tây” à. Trời tháng mười luôn luôn

có mưa gió, mưa gió là của chung nên chú Tư thợ Hồ chẳng lo lắng gì cho lắm, vả lại đài khí tượng thì lâu lâu họ phóng ra và cái tin giạt gân như thế. Đêm ấy chú Tư ngủ ngon. Nhưng gần về sáng chú không thể ngủ được nữa, thức giấc với những cơn mưa ác liệt chra từng thấy, biến động khôn lường, gió tứ bề quá mạnh, gió không phải từ bốn phương đổ lại mà gió từ đâu dưới đất, dưới sâu lòng đất thổi lên, cả rừng cây đều bị nhổ gốc. Khi trời rùng rùng sáng, Chú Tư đã nhìn thấy nước đầy cánh đồng, phía cây cầu sóng cuộn như giòng thác, mặt trời đi đâu mất, chuồng bò của chú đã sập ngã, con bò duy nhất đã chết lạnh từ nửa đêm, heo trong chuồng dầm bì bõm như trong hồ bơi lội, hàng cau và đu đủ ngã chẵn cả lối đi, đường liên lạc từ đây đến các xóm đã đứt, mấy anh dân vệ ngoài vọng canh đầu cầu đã trèo lên nóc nhà

ngồi đợi trực thăng đến tiếp cứu, có tiếng la hét ở cái xóm bên kia, cái xóm gần bờ sông, cái xóm quá thấp năm nào cũng có người chết trôi, nông cụ trôi nổi. Đây là một cơn mưa bão quá quắt trong đời chú Tư thợ Hồ : nó tàn bạo và nhanh chóng ngoài sức tưởng tượng. Chú Tư lấy chiếc mảnh nhỏ cùng vợ chèo lên xóm trên khi nước đã ngập đến mái tranh nhà chú – vào khoảng hai giờ chiều. Nửa đường mảnh bị gió cuốn. Vợ chú chết, cái xác được kéo về cột chung một nơi với con bò của lão Truyện – con bò còn sống cứ đưa cái mũi ngửi ngửi vào xác người đàn bà. Mười hai ngày sau khi cơn lụt đã rã chú Tư mới có đất để chôn cái xác đã thối phần bên trên của người chung thủy. Chú nhớ hồi đó không ai dám khâm liệm cho vợ chú, chú cầm cây gậy khều khều vào cái xác, và lạ lùng người đàn bà như được làm bằng một thứ hồ bột ghê

tởm. Chú Tư phải can đảm lắm mới làm được cái việc bó chiếc chiếu cuối cùng thay cho chiếc áo quan. Chú nói bệu bạo : mình ơi mình, khổ ải quá mình ơi, ông trời ổng giết mình chứ tui không bao giờ phụ mình. Một ngàn năm có lẽ chú Tư cũng không quên ngày hôm đó, không quên người vợ mà thịt nhão quá hôi quá, tởm quá bộ xương ngựa cứ chạy lên chạy xuống như bộ xương được đặt trong một cái chậu nước nhão nhão. Ngày nay mỗi lần nhớ đến Tư thợ Hồ phải ra quán cóc uống một ly để cho “bán cái mùi”.

Chôn người vợ xong, gửi đứa con sống sót cho phái đoàn Phật giáo để họ mang vào Viện hóa đạo nuôi dưỡng, bán miếng đất cùng mấy thửa ruộng, chú Tư thợ Hồ lên ngọn đồi thăm mấy ngôi mộ ông bà rồi về sửa soạn chuyển đi Sài Gòn. Chú Tư nói trước mộ ông bà con đi là đi

luôn, không bao giờ con có dịp về, con sẽ làm một tên phu phen nghèo nàn thiếu đói, có lẽ đến khi chết không một người bà con thân thuộc nào bên cạnh. Chú Tư thợ Hồ thật ra không phải là một người vô đạo. Mấy năm trước khi chính phủ ông Ngô đình Diệm mời chú đi lên lập nghiệp ở khu dinh điền Bình Tuy – nhưng nhất định chú Tư không đi, chú lưu luyến mồ mã hương khói ông bà, lưu luyến mấy con gà cây cải, ngôi vườn thửa ruộng. Nhưng ngày nay sự thể quá khát khe : ở lại quê hương này chú sẽ chết đói, chết cô quạnh, hay có thể chết dưới mấy trái bom hoặc mấy nhát mã tấu. Cái chết đã tìm mọi cách đến với chú rồi : không chết với nước thì chết với lửa, không chết với ôn dịch thì cũng chết mòn dần với ám ảnh, kỷ niệm.

Ngày lên đường chú Tư muốn tìm

một người để từ giã nhưng không thấy ai, thửa vườn đã bán cho kẻ khác, khẽ ôm gốc cây gòn cây cau mà tâm sự, đứa con đã lên đường từ hôm trước – đứa con chú ngồi một cách an toàn trong chiếc xe có cắm lá cờ ngũ sắc, có bánh mì và áo quần mang từ Sài Gòn ra – chú Tư đi quanh quất với cái xách trên vai, chú xuống cuối xóm ngồi bên đứa cháu gái khóc mùi mẫn. Trong đời tao chưa bao giờ tao khóc, hồi bên Tây mấy thằng Maroc say rượu đánh tao, tao còn dám mang súng bắn lại, cháu à tao chưa bao giờ biết khóc Đứa cháu gái đang ngồi thái thịt bò, nó thái xong lát nào cho vào nồi nước đang sôi, sau đó nó vớt ra và cho vào miệng, mắt nó nhìn ra cánh đồng cô quạnh, cơn gió khô khan bốc trên cánh đồng đầy bụi... sau cơn bão lụt tai ác là một chuỗi ngày nắng gắt gay tàn nhẫn.

Có lẽ, ngoài đứa cháu gái kia ra, Chú Tư thợ Hồ là người cuối cùng rời khỏi cái xóm Gò Đậu nghèo nàn. Xóm trên là xóm lão Truyện thì hãy còn đông người. Nhưng chú Tư là người của xóm dưới này, chú thà vào Sài Gòn lánh cư chứ không thể lánh cư trên xóm trên để họ biết cảnh sa sút của mình.

*

Một buổi chiều mùa đông đầy nắng quái và nặng hơi nước trên từng cao chú Tư thợ Hồ đón chuyến xe ra Đà Nẵng – số là chú ra đi từ sáng sớm nhưng chú cứ mãi miết đi lên xóm lão Truyện rồi quanh ra ngôi rừng phía sau, chú dừng lại ở thửa ruộng vừa mới bán xong, chú ngồi xuống bên cạnh một ngôi mộ người em trai của chú, chú bứt mấy nhánh cỏ

bồng, ngược nhìn mấy luống khoai mà con nước đã chảy qua làm thành bình địa, chú lại ngồi nơi bờ giếng, nhìn cái bóng đen của mình dưới đó, có ai nói năng gì dưới đáy giếng ? Hình như ai thì thào trong bờ tre, chú Tư thợ Hồ vào trong cái miếu thắp một nén nhang tù tã. Đến Đà Nẵng chú trọ lại một đêm, sáng hôm sau chú lên xe vào Quảng Ngãi, xe vào đến Qui Nhơn trời tối, đứng ở bến xe nhìn lên mấy ngọn núi phía Tây lòng chú buồn rười, chú buồn hơn cả thuở xưa tụi Pháp ném chú xuống biên giới nước Đức... vài hôm sau chú đến Sài Gòn.

Chú mang khăn gói vào trọ tại nhà một người quen biết tại Ngã tư Bảy Hiền. Chú lại tủi thân một lần nữa vì những người bà con của chú đã khôn ngoan rời quê hương sớm, bây giờ họ có cơ sở, họ giàu có, họ hơn chú nhiều quá ; mấy cái

khung cửi máy chạy lanh canh suốt ngày cũng là một thứ ngôn ngữ mĩa mai sự lạc loài cô đơn của chú. Buổi trưa cùng một người bạn ra quán cóc ngài uống chai la de chú Tư thợ Hồ nổi khùng chưởi đồng :

– Đ.m. hồi kia hay vầy tao ở bên Pháp, biết số phận đi đâu cũng làm phu phen thà tao làm phu phen cho mấy thằng ngoại quốc ... ở bên đó tao chịu không nổi những cơn tuyết lạnh, chịu không nổi những cái nhìn khinh bì của tụi da trắng, tao mới xin về, tao nhớ quê nhà khôn xiết, đ.m, chẳng lẽ trời sinh ra thằng Việt Nam lại chỉ biết ăn bánh mì uống rượu nho và ngủ với ba con đằm rẻ mặt, vì thế tao về, con tàu đưa tao vào thành phố Đà Nẵng, tao đưa tay lên ngang vai chào cái chào xã hội, nhưng rồi tao chả được sống trọn vẹn với mái nhà nhỏ của

tao, tao chẳng được chết nơi chôn nhau cắt rốn của mình, tao như kẻ ngoại lai... và đi đâu bây giờ tao cũng chỉ làm một tên cu ly, tao trên năm mươi tuổi rồi.

Và chú Tư thợ Hồ đi làm cu ly thật. Chú làm thợ Hồ. Từ đấy chú có cái tên Tư thợ Hồ thay cho cái tên Tư Bằng – tên cúng cơm của chú. Chú Tư không chú trọng đến cái tên gọi. Chú nói : người ta làm vĩ nhân, làm văn nhân, thi sĩ kia người ta mới chọn một cái tên rồi giữ gìn cái tên, còn mình, ai gọi gì cũng được, đôi khi mất cái tên cũ là mất bớt đi một nỗi tủ nhục nào đó.

Chú Tư thợ Hồ cũng lịch sự và thông thạo nhiều vấn đề lắm, bởi chú đã từng sống bên Pháp tám năm. Chú kể lại hồi trước có một con đằm mê chú lắm, mục ta toan trốn xuống bến tàu về Việt Nam với chú, nhưng đấy là một con đằm lùn

và điếc, một con đằm tụi Pháp đang tìm cách giết chết. Một con đằm hôi hám và khốn nạn. Hôi chú sống chung với con đằm kia chú cũng đang mắc kẹt vào một chữ thịt. Y như cơn lụt vừa qua người ta phải sống với thịt, nhờ thịt, những lại buồn nôn vì những thứ nuôi sống mình. Khi ngồi trong quán các chú hãy còn nghe phảng phất mùi con đằm những đêm hẩn chạy vất vả từ dưới bến tàu lên và mùi thịt bò sau cơn lụt mà người ta không thể nào chôn vùi cho hết..

Thịt và sự xa lạ là hai ám ảnh lớn suốt đời đeo đuổi chú Tư thợ Hồ. Ở Saigon làm ăn dư giả nhưng lúc nào chú cũng thấy buồn. Chú ngẩn ngơ như đánh mất một cái gì thiêng liêng ở đâu đó. Nhiều ngày làm ăn vất vả, tối về chú nằm ngủ với những hình ảnh quái ác : con đằm già khốn nạn kia bị tụi Pháp rượt đánh

trên bến tàu, bị chúng nó bắt được căng phơi trên bãi biển như phơi một con khô mực – con đằm lùn và điếc dĩ nhiên không thể ngon lành thơm tho bằng một con khô mực được cuối cùng con đằm kia như một hình ảnh trên cây thánh giá, mục ta nhìn về chú, từ bên trời tuyết lạnh xa tít, từ phía bên kia thời gian, từ mặt trái của lòng người ; chú thấy vợ chú trong chiếc áo quan thứ áo quan bó bằng chiếc chiếu rách nát – bà đứng dậy lướt thướt đi, mình mẩy bà ta lảng nhẩy có kem thoa mặt thoa tay, người vợ có hai con mắt xanh lè thời tinh anh như hai con ốc bị ngâm lâu ngày trong bùn nhơ, chú cũng thấy người em trai của chú vác xẻng cuốc trong những ngày nắng non qua bãi cát khô khan dài hàng chục cây số, bãi cát địa đầu của tỉnh Quảng Tín, bãi cát tình nguyện sống với định mệnh khốn khó của Việt Nam mấy mươi năm

sau này, người em trai chú vắc xẻng cuốc đi đào đường và bị máy bay bắn chết, cái xác nằm ngon lành trên một vũng máu tươi thắm... chú thấy hết, thấy suốt trong lòng bóng tối.., những tiếng la hét dưới gầm cầu, những con bò trôi từ tốn, nhẹ nhàng như một cảnh khô, những con bò kiệt sức, lăn tròn theo giòng nước cuộn như một súc gỗ, những chiếc ghe nát tan trôi lơ đãng ngoài sông, những hòn đảo nằm bồng bênh dọc lộ trình xuyên đại dương của chú mấy mươi năm về trước... và đến khi tỉnh thức ra đứng sau hè nhà nhìn lên bầu trời Sài Gòn đầy ánh sáng và những đốm lửa tình cờ chú chợt ngậm ngùi. Không phải những hình ảnh kia quái ác và xa vắng. Mà chính chú. Chú là một xa lạ, một biến đổi, lụi xa và hòa tan cùng khốn khổ. Những dĩ vãng kia chúng nó đã có ở một nơi một thời điểm nào đó, còn chú, chú là một di động, chú từ vực

sâu lên đỉnh cao, từ thanh cầu xuống tận cùng đáy nước, chú là đôi cánh bay đến đâu trên khắp nơi, chú phải có mặt trước chúng nó chứ không phải chúng nó đã xảy ra trong đời chú. Chú buồn. Và cũng từ đó, trong đêm sâu hút mờ mịt, đêm hao hụt chú nhận ra một điều : Sài Gòn không phải là quê hương chú, Sài Gòn xa lạ, nhưng chú tìm đến Sài Gòn trong khẩn thiết chứ không phải Sài Gòn có tình cờ mà chú phải đi qua. Sự đau khổ và trở trên tự có ở đó như một bản chất, chú phải đón nhận. Khẩn thiết mà nhận.

Chú Tư thợ Hồ cũng bồn chồn nếu ngày sau mình chết đi, và cái xác chú được chôn vùi ở một ngoại ô nào đó : không bao giờ tôi được an táng trong lòng ngưỡng mộ của Sài Gòn. Như thế chú cũng là một kẻ xa lạ nữa. Và chú Tư thợ Hồ một đêm khuya có ý định trở lại

quê nhà : ít ra tôi cũng được chết và được chú ý như con bò đã chết lạnh lẽo trong chuồng đêm hôm nào. Chú Tư nhất định về trở lại, sống với cái xóm Gò Đậu.

Nhưng việc trở lại quê nhà lúc này không là chuyện dễ dàng. Quê nhà chú cũng như cuộc đời chú : đi từ kiệt quệ này đến sụp đổ khác, từ sự lẻ loi buồn tẻ đến sự hoang tàn cùng cực. Sau cơn bão lụt không còn ai ở Gò Đậu. Vùng đó trở nên mất an ninh một cách tuyệt đối. Máy bay đã thả hàng trăm tấn bom xuống đó : để tàn phá một khoảng trống rỗng. Sau cùng để làm nút chặn cho thị trấn Đà Nẵng – một đơn vị Hoa kỳ, rồi một đơn vị Đại Hàn đến đóng tại đó. Từ khi có quân đội đồng minh trấn đóng tại vùng Gò Đậu người ta thấy quang cảnh có vẻ ồn ào : trẻ nhỏ cùng đàn bà, những thân hình trần trụi cùng những cuộc trộm

cấp đồ hộp. Những quán nước cũng xuất hiện trên những nương khoai xưa kia, những chuyến xe chạy gập ghềnh trở lại một vùng xưa bỏ hoang. Nhưng nếu định nghĩa cho đúng thì đây không phải là sinh khí quê hương chú Tư thợ Hồ. Đây chỉ là một bầy ruồi hay một bầy kiến đang bu quanh một cục đường.

Tuy nhiên đã định tâm về là chú Tư thợ Hồ nhất định về. Buổi nọ chú Tư lên Viện Hóa Đạo thăm đứa con mà hai năm trước các nhà Sư đã có lòng tốt mang vào nuôi dưỡng, chú qua Thị Nghè loan tin chú về với lão Truyện. Cuộc gặp gỡ diễn ra ở ngã Ba khi lão Truyện dừng chiếc xích lô ở lề đường, Lão Truyện nói:

- Về ngoài ấy mà chết ấy à.
- Vâng tôi về để mà chết đấy chú.

– Chết xong trở thành đất thành cát, vậy thì thành đất cát phương nào lại không được.

Chú Tư thợ Hồ không nói năng, mời lão Truyện vào quán uống một chai nước ngọt. Lão Truyện nay cũng đã già mắt lơ láo, mồm thở những hơi đứt đoạn, mấy sợi tơ trên cái trán nhăn nheo đã trắng nõn. Thế mà Lão còn đạp xích lô giữa đô thành. Chỉ vì lão không muốn đi ăn mày. Lát sau Tư thợ Hồ nói :

– Bác Truyện à, tôi không thể sống nơi này được. Tôi phải về.

– Ai mà không biết như vậy. Sống ở cái đô thị này chúng mình là kẻ nghèo đói, vô gia cư, nhưng trở về để gây dựng những gì trên miền khô cằn đó. Chúng ta khó có thể trở lại một vùng tan nát cực

kỳ để nối tiếp cuộc đời hoàn toàn tan vỡ rách nát.

Lão Truyền tiếp tục đập cái xích lô cỹ kỹ về phía cuối đường, chú Tư thợ Hồ trở về và thu xếp chuyến khởi hành. Khởi hành trở lại cái điểm ngày xưa bỏ đi. Khởi hành trên một vòng tròn rồi rằm.

Ở Sài Gòn Tư thợ Hồ cô độc quá, bị ám ảnh, chịu không nổi cuộc sống ồn ào nhưng tẻ nhạt, nóng bức nhưng tê lương lạ lùng. Đời sống ở đây như một buổi chiều mùa đông đầy nắng quái : nổi hiu quạnh nằm ngay trong lòng mặt trời.

Tư thợ Hồ nhớ từng con nước chảy róc rách sau hè nhà, con suối vào những ngày tháng giêng trong veo trong vắt, nhớ những thân cò trắng đậu đầy trên các bờ ruộng, những ruộng xanh thăm hoặc

ngâm kín dưới lòng nước trong những ngày bão đầy và gió lớn, nhớ từ tiếng chó sủa vang vọng trong đêm trăng heo hắt, đến tiếng con chim cú gọi trắc ẩn trong mấy lùm cây ngày chú Tư Đường thắt cổ chết bằng cái giầy thong lọng, chú Tư thợ Hồ nhớ những buổi sáng đánh trâu ra đồng, con trâu ngơ ngác nhìn mặt trời : mặt trời như một thứ bè bạn lầm than của nó. Nhớ. Nhớ. Mấy con cua đồng cắn những thân lúa non. Tháng hai. Tháng ba. Mấy cái quán cóc đầu đường con mẹ Hiên mình mảy kêu gọi. Mình mảy cũng là một loại thịt. Tư thợ Hồ nhớ ... ôi thịt.

Khi máy bay cất cánh bay vào địa phận Trung Việt, chú Tư thợ Hồ muốn được chết ; trời thình không, tại sao máy bay lại không nổ tung, tại sao tàu biển ngày trước không đi lạc xuống Nam cực, tại sao chú có thể sống sót dưới gót giày

tàn bạo của tụi Đức, tại sao mỗi ngày chú phải từ bỏ thêm một phần quê hương, mất thêm những phần đời sống: lần trở lại này chưa chắc chú Tư thợ hồ có thể tìm thấy những dấu chân thân quen những hạt cát ngày trước cùng những người bà con của chú nơi ấy.

Chú Tư tần ngần ở đầu con đường vào cái xóm xưa. Đó là một con tỉnh lộ băng ngang qua con đường xuyên Việt. Chú Tư đưa mắt nhìn ra xa và chú thấy ngay cái xóm của chú : một màu vàng kỳ diệu trên một khoảng cát trắng kỳ diệu. Chú Tư tự nghĩ, từ đây tôi trả lại mọi người cái tên Tư thợ Hồ, tôi gọi tôi tên xưa, tên Tư Bằng.

Nhưng không có ai còn ở đây để gọi tên chú. Không ai. Cỏ cây không bao giờ biết gọi tên. Sỏi đá buồn đau nhưng sỏi đá chẳng hề tâm sự với chú. Chú đi

tìm. Nơi đây không còn ai hết. Xóm trên là căn cứ của lính Đại Hàn. Xóm dưới là những chiếc xe ủi đất nằm đấy chờ sớm may ủi nốt những bụi cây còn lại; không còn sinh vật, chẳng còn hơi thở, không còn gì tiêu biểu cho quê hương chú ở đấy : một khoảng vàng của cây cỏ khô khan kỳ diệu trên một màu trắng vô tính của giải cát âm thầm ngàn đời. Nơi đầu cầu mấy anh dân vệ đứng gác xưa kia nay lính Đại Hàn đã gác – nhất định lính Đại hàn sẽ không ăn những khoản thịt bò trôi sông – cái đình nơi đầu làng còn lại đồng gạch vụn, những đoạn đường xe lửa được cất tháo đi, và một con đường mới mở nhưng hiu quạnh nối từ phía cuối mông lên đến đại bản doanh của sư đoàn Đại Hàn. Bên kia sông đời sống có vẻ nhộn nhịp hơn : những quán nước, Những chiếc xe ủi đất màu vàng, những toán lính đi lại và những

bầy con gái ăn vận áo cụt trong quang gánh. Đây là những sinh hoạt tạm bợ trên một vùng đất lẻ loi buồn nản. Chú Tư thợ Hồ đứng trên nền nhà xưa của mình, lúc ấy thoảng bốn giờ chiều. Chú khóc. Chú đi lên ngọn đồi nhỏ : nơi an nghỉ của tổ tiên chú. Nhưng khi đến đó chú ngạc nhiên : giữa không gian phẳng lì không còn một mộ bia, không còn một ngọn cỏ tươi, không phẳng phất một dấu tích nào hương khói xưa kia. Người ta đã ủi sạch những chướng ngại để dễ quan sát những cuộc chuyển quân của Việt cộng. Chú Tư thợ Hồ đi về phía bờ sông : không có một chiếc ghe mảnh nào tấp vào đây, lẻ loi vài cánh buồm được chỉ định đậu vào cái bến dưới xa tít kia nơi có lính Đại Hàn kiểm soát từng người trước khi lên bờ.

Chú Tư định trở lại con đường cái

quan để đón chuyển xe ra Đà Nẵng : lát nữa, đêm đến không biết chú sẽ chết về tay ai – Chú Tư thợ Hồ không thể ở nán lại được : y như một người da trắng không may lạc vào giữa rừng hoang Nam Phi ; nhưng chú gặp một toán lính Đại hàn. Họ hỏi chú những câu chú không thể nào hiểu. Họ đưa mũi súng vào cái hông ốm o của chú và chú Tư thợ Hồ lên xe về doanh trại họ. Suốt đêm hôm đó chú không hề bị đánh đập. Người ta nhét vào cái mồm đói khát của chú những thịt hộp và bánh mì. Lại thịt. Chú ngủ vùi trong những giấc đen và ngẩn ngui. Sáng hôm sau thức giấc chú Tư thợ Hồ được đem đến phòng an ninh để cung khai. Khi ngang qua bãi cỏ chú bắt gặp một khuôn mặt quen quen : đứa cháu gái hai năm về trước chú đến từ già nó để vào Saigon : đứa cháu cuối cùng ở xóm Gò Đậu. Nó nhìn chú và khóc òa. Nó vào xin

thẳng với ông thiếu tá – tình nhân của nó – để chú Tư được tự do. Ông thiếu tá Đại Hàn tươi cười ra lệnh trả tự do cho chú Tư thợ Hồ.

Chú Tư ngồi trên một cái ghế đẩu, con cháu gái ngồi phía trước đối diện với chú, cô ta vận chiếc áo voan mỏng kiểu áo “đình chiến” để che cái bụng đã có phần lớn, chú Tư không quên nhìn vào gương mặt rạng rỡ và đoan trang nhưng quê mùa của đứa cháu gái chú hỏi :

– Cháu à, làm sao cháu lại ở trong cái đồn lính này.

Cô cháu nói :

– Hồi ấy trong làng ai cũng đi trốn giặc, còn mình cháu đi không kịp, một con đường dài mấy mươi cây số cầu cống bị phá hư hỏng hết, cháu không thể đi bộ

được, may sao cháu gặp ông thiếu tá này. Ông nói ông yêu cháu và mang cháu về đây chú ơi, sao chú lại trở về, nghe chú ở trong Sài Gòn làm ăn khá giả lắm mà, chú về đây chú đi lơ ngơ người ta bắn chú chết cho coi.

Tư thợ Hồ nghĩ ngay đến cái chết của mình. Vả chẳng định trở lại quê hương này tìm cái chết : được chết bên cạnh tảng đá nát tan, bên tiếng suối ngàn đời vẫn giữ được lời reo bất tuyệt, tôi chết, mong sao cháy như ngọn cỏ khô vàng kỳ diệu. Tư thợ Hồ đưa mắt nhìn ra xa nghĩ đến một cái dây thòng – nếu không ai bên này hay bên kia chịu khó giết mình, mình sẽ đút đầu vào một sợi dây, trôi nổi trên một cành khô, hai chân thòng xuống, chấm dứt đời ở đó, như cái rễ cây đa thòng dong xuống tận mặt đất. Không làm được đứa con quê hương thì

làm ma hát đời. Đó là cái thú triết lý lếu láo Tư thợ Hồ đã ghe ai nói từ thuở nhỏ, đang ở mãi trong cái đầu óc nghèo bị suy tưởng của chú.

Ăn cơm trưa trong đồn lính xong chú Tư thợ Hồ còn phải đợi lập thủ tục an ninh trước khi trả tự do – hơn nữa ông thiếu tá vào lúc mười giờ sáng bận đi hành quân đến giờ này chưa về. Chú Tư nóng lòng, bởi vì khoản bốn giờ chiều về sau trên con đường hun hút bên dưới không còn bóng dáng một chiếc xe nào hết. Chú trèo lên một mỏm cao nhìn xuống cánh đồng lặng lẽ, từ đó chú ấy rõ ràng con sông Trường giang cách đó năm cây số ngàn. Trong lòng chú bỗng dưng bồn chồn tan hoang : ngày trước từ nơi chú ngồi đây đến con sông kia phải qua nhiều xóm nhiều rừng ; ngày nay xóm

rừng kia chẳng còn, tất cả đã được san bằng và trên cái mênh mông phẳng lì đó chúng ta có thể thấy một dòng sông hay chân núi xám cách xa hằng chục cây số : Chúng ta thấy những miền không còn ai không còn gì, đầy ám ảnh và đầy tang tóc, nỗi đau thương phảng phất vang vọng đâu đó, nơi những linh hồn trong suốt, những linh hồn lạnh lẽo và nóng bức, những linh hồn có lẽ cũng không nên gọi đấy là linh hồn.

Chú Tư cũng ngồi nhìn mấy chiếc xe ủi đất, một vài chiếc xe chạy khó khăn bên kia con đường, chú nhìn mấy người lính Đại hàn con mắt một mí dáng người to lớn, cũng là dân Á châu đấy mà, suốt đời Tư thợ Hồ chỉ nhìn thấy lính ngoại quốc và đi trong những miền xa lạ. Trở lại quê nhà mình như kẻ ngoại lai. Chú là côi xa vắng tột cùng... hồi những con bò

đã chết bên dưới gầm cầu, những con bò thiêng liêng và hôi thối giúp cho đám thổ dân (trong lúc này phải dùng hai tiếng thổ dân hay dân bản xứ) chúng sống qua những ngày cam go, hồi những trai trẻ đã chết ngay trên hy vọng mình, hồi những bãi cát kỳ diệu tự trọng, những con sông vũng dạ không thay màu, những ngọn núi làm đê ngăn chặn bớt những xác người và máu tươi, hãy cảm ơn tất cả và giờ đây tôi đã đến với cái dây thòng lọng này. Tôi sẽ vĩnh cửu... chú Tư nhớ người vợ già chết sinh thối trên cơn bão lụt năm nào, nhớ con đầm lùn và điếc, nhớ tất cả, cái bến tàu đầy cờ và tiếng hô hào tự do của dân da vàng. Cuộc đời đã lướt qua định mệnh chú : cái điểm cố định chịu đựng tất cả ; Và bây giờ cái điểm cố định đó biến thể, nó có quyền di chuyển, nó lướt đi như thời gian, nó có quyền làm một hồn ma hay một công dân ưu tú của

thiên đàng ; dù sao chú cũng đã về đến nơi này : được nhìn tận cùng nỗi cô đơn khắc khoải của mình. Bốn giờ chiều ông thiếu tá Đại Hàn hành quân trở về, đưa cháu gái nói với chú Tư thợ Hồ chú à, cháu xin cho chú cái giấy thông hành, chú về đi. đồn lính này không cho mình ở nữa. chú về đi nhưng chú về đâu mới được chú, chú Tư thợ Hồ trả lời như vậy nhưng chú vẫn cầm cái giấy phép.

Chú ra khỏi cổng đồn đứng ngó mông về phía bên kia sông, mặt sông vắng vẻ, bên đó là vùng thiếu kiểm soát, đêm đến từ đó xua đám dân lành về phía này tấn công vào lực lượng Đại Hàn. Chú ngó trái về phía xóm của chú : ngủ dưới đó đêm nay, không biết sẽ chết vào tay ai. Chú tìm một chuyến xe về Đà Nẵng hay Tam Kỳ : không bóng xe nào qua lại, đường đã cấm. Chú Tư nhìn thao láo về

phía cây cầu gãy, ở đó có mấy quán nước heo hút, nhưng đi bộ liệu có tới đấy không, trời đã xẩm tối rồi. Chú Tư ôm gói hành lý rảo bước.

CUNG TÍCH BIÊN

PHẠM THIÊN THƯ

Chiếc ghế bành nhung đỏ

Dọc theo hành lang của một dãy trụ sỏi đá xám cao vút, những ô gạch men cẩm thạch trầm tĩnh còn đọng lại chút mặt trời ửng lửa cuối cùng từ viền mái cong của tòa nhà, nơi mấy cụm rêu nước màu nâu đậm, dấu vết lỗi thời của mùa mưa đã đổ xuống ở đây; bây giờ tấm rêu xanh ấy đã khô và co lại như một tảng da thú trên cỗ trống bộ lạc, đóng mình chênh vênh trên viền mái nhà với những nét cổ tự lơ mờ từ mấy trăm năm

tuổi tác già nua. Mặt trời dần thẫm lại như một bình rượu dâu ngọt lịm, từ từ hạ xuống bãi cỏ lục và những cội hoa dại tím biếc phía dưới trải dài đến một bờ tường đổ nát, hoang phế đằng trước, bên mình con lạch bèo phiến biếc xanh, mặt trời đỏ xuống đó chút ngấn rượu cuối cùng rồi mất hẳn trong những cụm mây vàng đùn lên từ chân trời, trong chiếc nôi tơ êm đềm giỗ giặc. Bầy tiểu tước rủ nhau về từng đôi với ngọn gió thoảng chút sương lạnh chiếm ngụ từng hốc đá trên hàng trụ cột cao, tiếng hót rụng đều xao xác như tiếng rơi của cơn mưa lá đỏ cuối mùa trong cồn gỗ trơ thân sương muối, chuỗi thanh âm rời rạc đó khiến con nhện đen lảng giềng với khung chân đao phủ kênh càng vội dời vương quốc của mình lẩn vào góc tối ẩn trú. Chiếc cánh phấn vàng như một phiến hoa mùa đông của con bướm từ bãi cỏ hoang phía

trước lạc đường chết trên khung tơ nhện theo ngọn gió lạnh từ con lạch thoáng tới, từ từ đậu xuống nền nhưng đỏ của chiếc ghế bành trên hành lang, đặt hướng xuống phía nhịp cầu sắt bắc qua con lạch nước biếc phía dưới.

Một bên đầu cầu là cội bạch mai với bầy chim khuyên cư ngụ, nơi đánh thức mỗi sáng của dòng sông êm đềm ngay dưới cội hoa; nơi dỗ giấc ngủ bi thảm của những năm xương cốt dưới khu mộ đá ong trầm tĩnh. Thủa trước, đây là miếng đất mả ngụ, nơi chôn lấp mấy chục vạn đầu lâu, chiếc cùm uy quyền của Hoàng Triều nặng hàng nghìn ký sắt, sau này, đồn Pháp cho trục xuống dòng sông mất hút cùng với những ảnh hưởng vàng vọt, từ đó, những đêm nửa khuya nguyệt lạnh, khi con vạc đập cánh xuống mò mẫm ven bờ, không còn nghe tiếng

rên la từ dưới cùng huyết đất. Nhưng, cũng có người không tin rằng loạn quân Lê văn Khôi coi đó là một hình phạt bi phẫn với họ ; cuộc thành bại nào có mấy tắc gang, nắm cát bụi có gì mà oán hận ; cuộc cờ đã xoay xong, con trốt âm dương đã chuyển đi rời rã. Những tráng sĩ với ba thước kiếm oai linh nào thềm oán trách gì ! Phải chăng âm hưởng mỗi đêm thoảng dậy là của bày giun dế dưới hang tối ; bọn nghệ sĩ trữ tình, vô chính phủ phiến muộn quanh đây.

Một bên đầu cầu phía Nam với căn nhà để chiếc xe gỗ đen nhà đòn, bốn bánh gỗ mọt buồn tẻ. Hàng năm mới đẩy đi một lần cho những người thân thích Nguyễn tộc trở về qua con cầu này để đến bên kia đất mộ. Từ ngày gia đình đẩy xe đi lần cuối với áo quan Bàng nguyệt Mai ; người thiếu nữ trước đây có

suối tóc tơ đêm, buộc giải lụa nhung tím và bông xuôi trên bờ vai dương liễu, thường xuống ven sông ngâm đôi tay bạch ngọc mỗi chiều với vòng cẩm đá nghiêng nghiêng. Từ đó, chiếc xe được tháo ra như một ý nghĩa trọn vẹn, không bao giờ dùng thêm, khiến đôi ngựa đen tang chế buồn phiền ; cả ngày lang thang dưới cội bạch mai tuổi tác ; đêm đêm hý lên từng chuỗi gờn gợn da xương; tiếng vó lộp độp đổ mưa trên vách đá mộ.

Chiếc ghế bành đã hơn một năm đứng không. Những đêm trời đầy sao thức giấc, người cha ngồi uống trà trên sàn gỗ bóng từ bên trong một khung cửa gỗ trầm hương, nhìn viên trăng cuối tháng lạnh như cánh hoàng cúc đậu trên nền nhung đỏ :

– BĂNG NGUYỆT MAI ! con đã về đấy ư ! Tấm áo sương bụi con có mang theo

?! Đắp thêm cho cha chút rét buốt nhe con ! Tiếng ngựa hí đợi chủ! Bảo lão bộc tháo xe cho nó ăn cỏ ! Cơn mưa nào đổ trên mộ nguyệt phải không con ?! Cha già rồi ! Còn sống được mấy tác thu đông ! BĂNG-nguyệt-Mai ! BĂNG-nguyệt-Mai ! Con ơi ...

BỔ TÚC TỪ PHIÊN MUỘN

– ..?!

– Nếu anh được phép phát biểu những trâm tưởng lòng mình với Quyên, với Sương về đàn bà con gái, anh sẽ nói rằng : Các cô đứng thềm tranh với bọn đàn ông như những hàng nhi nữ thường tình khác một chút giá trị tâm thường, như giá trị bình quyền chẳng hạn. Các cô hãy tự dọn mình, nổ tung quan niệm

tự thân để trở nên một bổ túc từ cho đàn ông ? Anh hiểu rằng, các cô sẽ nói : Anh này ích kỷ quá và tất nhiên các cô bất mãn vì mặc cảm cho rằng tư thế bổ túc từ là thấp kém, phụ thuộc ! Không phải vậy đâu ! Ngôn ngữ bây giờ thì bất lực quá đỗi ! Nếu đời người là đi tìm cho mình một ý nghĩa trọn vẹn để chấm hết, để chỉ nói một câu thật đầy đủ cho sự hiện diện : chẳng hạn như tôi yêu em, hay em yêu anh, hay anh hy sinh cho nhân loại, em chịu đựng cho loài người thì cũng chỉ là một câu cho cuộc sống với trọn vẹn ý nghĩa. Mỗi ngày, nếu chỉ thức có mười hai tiếng, và như vậy, trong mấy chục năm tuổi sống của mỗi người, thì chúng ta cũng chỉ phải lo lắng xây dựng, tìm ý nghĩa cho hơn mười năm mở mắt. Còn lúc khép mắt dù ngủ hay chết dù mộng hay không cũng đều như nhau ! Từng ấy năm chúng ta chịu đựng nhục

nhân, cam khổ cũng chỉ làm sao để thốt được một mệnh đề vinh hiển nhất trước khi nhắm mắt từ biệt !

Chúng ta còn cô đơn, phần nộ vì chúng ta chưa tìm gặp một bối cảnh sống chung quanh, khả dĩ cùng với ta làm nên trọn vẹn một mệnh đề. Kẻ đặt vấn đề nhiều nhất thường là những kẻ có thú bạo động chinh phục, vì chinh phục cũng là phương thế để giải quyết những dồn dập thắc mắc nội tâm. Cho nên kẻ đặt vấn đề âm ỉ vẫn là bọn tu mi nam tử ; họ thường xuyên là chủ từ nổi bật nhất và làm cơ sở nhiều động từ nhất; chẳng hạn như tôi muốn đặt chất nổ trong tư tưởng nhân loại, tôi viết, tôi yêu, tôi suy tư, tôi tìm kiếm tự thân tôi chạy trốn, tôi du đảng v.v... đó là những mệnh đề còn dang dở, còn thiếu một bổ túc từ làm trọn vẹn hành vi tôi. Tôi còn thiếu cho

nên tôi mới đập phá tìm gặp ! Sở dĩ, có thái độ chạy trốn, nguy tín, cuồng nộ, hay cao hơn là thủ dâm với mặt trời của loài người không mấy lớn mạnh hôm nay đó là biểu tượng của tuyệt vọng, cô đơn, thiếu vắng ý nghĩa trong cuộc sống, thiếu bồi dưỡng cho thế giới tư duy đơn độc, để phải ảo tưởng thỏa mãn chính mình. Tất nhiên các em như Quyên – Sương – Trang – Đào – My – Nguyệt – Viên... cũng vẫn là chủ tử cho chính mình. Ai cũng vừa là chủ tử vừa là bổ túc tử cho tha nhân để cùng tạo nên khúc ca trữ tình ngọt lịm. Một khi tách chủ tử ra khỏi bổ túc tử, để hành động, thì chỉ là bạo động điên dại, cứu cánh của ta cũng chỉ là một ảo tưởng đập phá thế thôi ! Mọi người hãy tìm gặp bản chất tự nhiên của mình như các em hãy là các em, là tình thương vời vợi, là cửa lòng rộng mở bao dung. Với các anh thì bất kham quá

đổi, làm sao nỗ lực được chính mình. Có những kẻ chết đi vẫn chưa biết sống để làm gì ! Con người phải giải phóng mọi định kiến nô lệ, tìm cho mình một giá trị đích thực tròn đầy, minh chứng cho sự góp mặt ý nghĩa. Thế giới sẽ không còn những cơn hồng thủy nước mắt tràn về. Con người một ngày một mới đẹp thêm mãi. Các em và đồng bọn phải là sứ mạng cứu tinh loài người. Đồng đảng các anh đã thất bại. Bao nhiêu não tủy đổ đi, no ấm vẫn chưa về với hạnh phúc loài người !

Chiếc ghế bành nhưng đỏ trên kia, chốt đỉnh trời mù, xin em hãy ngự ...!!

Ý Hải thao thao như muốn vó ngựa dồn về ngọt ngào, khiến nhóm bạn ngồi chung quanh nhúc nhích đầu. Quyền đối tư thế ngồi tới hai ba lần một cách mỗi mệp. Sương mơ màng nghĩ đến nồi cơm chưa

nấu cho mẹ, thỉnh thoảng cười gượng làm duyên. Bọn Thông, Độ bắt đầu lép vế từ sau lần phát biểu bênh vực bọn con gái, lý luận bị tên bạn cổ quái đàn áp thẳng tay, đành ngồi im đờ nổi bất lực nhúc nhối của mình trên đĩa kẹo nghèo nàn thừa thớt. Buổi họp mặt vào sáng chủ nhật trong tuần, ngày mồng một của tháng cận tết dương lịch với chút gió thoảng gờn gợn trên mặt con lạch nước xanh phía dưới, mang lẫn chút ít âm thanh của chim muông cỏ lá hoang dại, khiến thần kinh mọi người chùn lại đờ đốc khủng khiếp. Hải nhớ lại những ngày họp mặt cuối năm trước đây của nhóm bạn hữu anh trước khi mỗi người về ăn tết với gia đình nơi những thị trấn ven biển sương mù, những phố núi bụi hồng, những vùng quê trầm lặng. Bây giờ những khuôn mặt ấy, một lần chia tay rồi mất mát, tan rữa, hốt hoảng... Hải ơi

! Hãy cất giữ lấy trọn vẹn, chắt chiu từng đường nét, rồi ngày mai những ngày dài bất trắc trùng vây, tất cả sẽ trôi qua như những xoáy tịnh thủy dưới cầu. Yên ơ ! Thế mà mày chết gần bốn tuổi rồi phải không ? Tao nhớ nhiều lắm về gian gác hẹp của chúng mình lưu trú trong xóm Phú thọ Hòa ngày xưa. Những tối tao dắt thằng Nhân ra đón mày, đáp chuyến xe buýt bảy giờ từ Nancy trở về, chúng mình kéo nhau vào Liên Chi chiêm ngưỡng chủ nhân, người thiếu phụ mà mày bảo có mái tóc giống Băng nguyệt Mai của mày. Tất nhiên, tụi mình chỉ là những kẻ có thẩm quyền của đôi mắt mà thôi ! Đối với Mai hay thiếu phụ thì cũng chỉ là bóng dáng ngoài tầm tay chúng mình, để rồi, mỗi tối vào giấc ngủ bằng những ảo tưởng thật đẹp ! Nhưng thế mà mình có lợi ! Tự biết mình bất lực nên không thèm chiếm đoạt, mình ngồi nhìn mà

trộn vện nhiên hơn. Tụi nó tranh nhau cướp đoạt nên bị cái dục vọng đen tối làm mờ mỹ quan mất đi. Thế là tụi mình độc quyền thưởng thức. Bây giờ chúng nó có lẽ quên mày rồi và cả Băng Nguyệt nữa.

Mày ra đi một mình vào vịnh cửu. Kiếp sau mày có tái sinh xin chọn làm con mèo của gia đình người đẹp. Ý tưởng của bọn mình ngày xưa như vậy ! Bây giờ tao lại nhắc nhở mày một lần. Còn tao bây giờ nhớ mày thôi ! Mỗi lần tao cầm bút, tao lại nhớ đến mày tha thiết lắm Yên ơi ! Những bài thơ mày làm trước kia, hôm nọ tao tìm ở một cuốn Thời Nay cũ bày trên vỉa hè. Tao gặp thơ mày như bắt gặp chính mày. Chỉ có tao là hiểu mày, chết đi mà chưa biết thế nào là luyến ái, chưa có người yêu. Phải chăng tụi mình ảo tưởng quá nhiều về tuyệt đối, nên rất

thiếu điều bình thường. Tao đang viết tiểu luận, đem đặt chất nổ và khắc đờm vào tuyệt đối, ảo ảnh cứu cánh huyễn hóa con đường thẳng của loài người ; thế giới biểu tượng hư huyễn, tao sẽ đưa con người vào thực tại trần trỗng. Tao sẽ trả thù cho sự sai lầm của ngày xưa chúng mình. Nếu trước đây mình chỉ mong một sự hòa hợp ý nghĩa vừa đủ, thì mày đâu có chết mở mắt, tao đâu có lặn đạn như hôm nay.

Tao thấy cuốn báo đã rách, tao chột phần nộ vô cớ, như người ta đã xúc phạm vào mày.

Một lần tao đạp xe lam đi dạy dưới ngôi trường Quang Trung, tao ghé chỗ mày nằm mới được hơn tuần, mảnh vải tang trắng của mày khóc mẹ còn sống, mà thân nhân đã chặn lên mảnh vải đó những hòn đất xám, ngọn gió nào đã

cuốn vương vào hàng thép gai của phi trường, tao tính nhặt lên đặt lại như cũ, nhưng thoáng nghĩ chẳng muốn làm mày tủi thân thêm, tre khóc măng có gì là ý nghĩa, nên tao lại thôi ! Nôi hoa tím của thân nhân mà Băng Tâm em gái mày đã đặt trên mộ anh, tao cũng đã khêng một tay, tao nhớ lại lúc sống mày nói đùa một lần sẽ chọn tao làm em rể mày. Tao cho rằng ý nghĩ thật đẹp và bao mày châu café đậm Thăng Long với một hộp thuốc lá “ba con năm” bán lẻ ! bốn đồng năm quả Ruby trong đó. Giàn hoa tím sau một tuần đã khô, tao ngắt bông cúc vạn thọ mang về bỏ trong học bàn viết. Tao biết mày cũng thích hoa, nhất là hoa hồng nhưng bây giờ thân nhân chỉ đem đến mày những bông huệ, bông cúc chán nản và những nải chuối xanh chát xít, chắc mày chẳng vui gì, nên tao muốn chia sự tức bực với mày khi nhìn bông

cúc vạn thọ khô héo này.

Bây giờ vào tháng giáp tết, bọn đệ tử tao, chúng nó xông xáo may áo, đóng giày trưng diện, trong khi bốn mùa sương tuyết, tao chỉ có độc thân đôi dép nhựa nâu một trăm đồng. Có đêm trăng tròn như đêm qua, tao dùng chân không đi xuôi bờ sông, trên những hòn cuội đen, trên những nôi cỏ tơ mềm, trên những hang dế ỉ-oi nín bật. Tao thấy trời cho tao cảm giác dưới gan bàn chân cũng như cho tao cái lưỡi để biết ngọt ngào hương vị, tao ân hận vì tao đã bỏ quên giác quan dưới đó quá lâu từ ngày chú bé nông dân tập tục thành phố. Nếu mày còn có thể đi trên ngọn cỏ, thì chắc mày cũng sẽ thú vị ấy và tất nhiên là mày có nhiều điều kiện dong hơi hơn tao. Con người nhẩy từ lòng mẹ vào đời bằng đôi chân không để múa may cuồng nộ, đến

lúc ngã lưng nằm xuống thiếp ngủ trong áo quan cũng lại với đôi chân không sạch sẽ ấy !

Tao nhớ vào dịp tết có lẽ năm 1963 thì phải, mày đóng cho tao đôi giày, tao đem đi. Ôi chao ! Nó chật quá ! Nong hai ba lần, nó vẫn không đủ bao dung hai chổ xể của tao. Thế mà tao vẫn phải khật khưỡng lê đi bát phố, sống cho mấy con nhãi ranh tư bản, để đến mồng một tết, tao thương tích một bên, ngón chân út ung mủ nhức nhối. Tao tức bực nằm nhà, cởi được thói quen nô lệ bọn con gái trong đầu mình. Cuối năm nay tao có ý định ghé thăm di ảnh mày trên chùa Giác Minh và cả Băng Nguyệt nữa. Tao sẽ đặt cho hai đĩa bay ngồi bên nhau hỷ hả, sương chưa Yên ?! Dưới đó, mày đỡ lo được hai bữa cơm và lè phè thuốc hút, khối thì giờ để cho Băng Nguyệt. Vả lại

nàng cũng chẳng cần chi Vespa, xe hơi đưa rước, mà càng hy vọng có cháu hơn.

Hai người con gái trước mặt với Độ đang đưa nhau vào mê cung của ngôn ngữ ; câu chuyện về những đóa hồng bạch. Những kẻ hiện diện chung quanh làm duyên bằng những động tác mệt mỏi, những nụ môi gượng gạo vô duyên. Hải đứng lên xuống nhà. Ngón chân ung mủ thừa nào trở về, chàng bỏ ra con lạch trước mặt đón ngọn gió mát qua hàng trứng cá vèo bay. Đằng sau hậu trường những mặt nạ hào hoa bỏ đi với ngọn gió mát. Buồn ơi bắt tay ! Buồn ơi bắt tay !!!

CHÚC THU TRÊN VÁN THIÊN

– Đấy cậu thấy chưa! Phía cuối ngón tay tôi là mảnh có âm khi ngút vời. Đó là khu đất mộ địa mặt trời ; nơi khâm liệm con nhật nguyệt mỗi ngày rục rĩ; khu ven đồi vi vút hòa âm của bầy sẻ núi và già ca trong những buổi chiều khi đám cờ tang chế rụng xuống vôi vã trên nhánh cây tơ đen. Đó là những phiến lá phong lớn đổ xuống mỗi đợt, đập lên thân tấm mặt trời tịch mặc trần truồng. Nơi còn cây tấm tấp tơ cành già nua, quốc độ thanh tịnh của lũ quạ tứ chiếng tìm về. Đấy cậu nhìn qua ly rượu xanh này ! Cậu sẽ thấy một thế giới của âm vọng kỳ bí. Ngọn đá mộ bia cản cối, tơ lại nhánh tay cổ quái đâm lên chiếc công lửa cuối cùng một tiếng uất ức vỡ tan.

– Bé ơi! Mang nốt cây rượu ra đây cho ông.

– Thôi ! Cậu say rồi ! Chúng ta còn phải vượt qua hơn ba cây số sương núi về nhà.

– Không lo ! Tôi chưa bao giờ say. Tôi dù có uống hết mấy cây rượu đỏ này cũng vẫn đủ trí để hiểu trọn chương Bát Nhã Tâm kinh. Tôi có say bao giờ đâu. Rượu sẽ cho tôi tiếp ngủ cảm quan, để chắt chiu mãi nụ cười tử thi khai quật của người con gái yêu tử họ Phạm về trước gần bốn trăm năm. Ôi ! Muôn nghìn đóa phù dung trinh bạch nào, đã ép lên cánh môi đó, để giữ lại mấy kiếp xuân thu trọn vẹn. Không một kỳ quan nào hơn đánh dấu sự sáng tạo của loài người. Cậu có thể hình dung thôi ! Chiếc quan tài ngọc đá trong suốt, góc cạnh viền vàng, trạm trổ một dãy kỳ hoa. Nằm dưới lằn quách đá mỏng điêu khắc, màu đỏ như chu sa. Cả một tấm chúc thư trăm trăm

nét chữ, xoay ngược tử sinh. đặt lại sự sống bàng hoàng. Cậu đã thấy chưa ! Tôi có say đâu ? ! Nếu say là ru ngủ ý thức để sức tưởng tượng con người nhảy vọt từ vô thức băng khuâng ; nơi cõi nguồn sáng tạo, bắt nhịp cảm thông với nghìn thu diệu vợi, thì cậu hãy say trước khi theo tôi đến cổ mộ tìm đọc phiến chúc thư. Tôi hiểu cậu đang nuôi ý định của một sinh viên khảo cổ, đi kiếm đọc sự vật. Nhưng cậu sẽ thất bại vì chẳng đọc được gì ! Chúc thư không đặt vấn đề, mà cũng không giải quyết vấn đề. Chúc thư sẽ mở trọn cánh cửa cuối cùng của hai bờ tịnh động, Cậu thấy chưa ! Hãy dọn mình đi chứ, trình bạch tâm hồn để bàng hoàng chuyển ngược nhảy vọt vào cõi trùng sinh. Bây giờ cậu lại lắng mà nghe. Tuyệt đối đừng suy nghĩ. Những lời nói tôi sẽ kết cho cậu cây chìa khóa ngọc hồng, chất đá mặt trời huyết dụ để

mở cửa cổ mộ. Tôi muốn nói rằng cậu phải phá bỏ ngữ ngôn. Thoát khỏi cái dụng của ý niệm; cái gọi là tinh thần hợp lý của khoa học thói thường. Để cậu trần trướng trước sự vật. Nhập vào cái tướng vạn hữu mệnh mang. Nhận chìm vào chỗ vô tướng của dòng sinh động miên viễn. Cậu phải khóa chân xuống dòng sinh tử trước khi thể nhập chúc thư.

Đấy cậu thấy chưa, những cơn mây ùn lên từ ngọn Tây núi, nơi đó những bụi sương mai táng muôn đời khâm liệm cổ mộ.

Cậu cứ uống mãi đi ! Cùng tôi cạn cây rượu nâu này. Anh em cách mấy năm gặp mặt. Cuộc đời như bóng mây đầu chợ, mấy lúc hợp tan. Cái nụ cười của vị tiểu thư họ Phạm, đôi mắt thêm thiếp trên muôn ngàn đoá phù dung nghi ngút hơi sương.

Cậu cứ để trọn vẹn óc sáng tạo của mình mà hình dung. Cậu cũng đã vẽ, thì cậu cứ mặc tưởng như một tác phẩm đại nghệ thuật trên đỉnh ngọn sương mù của ý thức loài người.

Vào một đêm kia ! Cậu đã nghe chưa ! Thật đã lắng nghe chưa ! Tôi bắt đầu cuộc chuyện. Hãy uống lấy từng chữ và nuôi cái khát của kẻ giữa cô đơn sa mạc. Mỗi từ ngôn, mỗi âm vọng sẽ dẫn cậu đến tận cùng ngút ngọn thời gian. Vâng ! Vào một đêm kia của một tháng cận năm ! Mảnh trăng cuối tuần như một lưỡi rìu cổ thạch cấ xuống thân cây tịnh lộ khiến con cú giật mình phiêu bay rời rã, lay thức cụm mây hồng bạch lác đác bồng bênh. Tôi trở dậy trong một cơn mộng du, với ngọn mai trong tay, tôi vật vờ tìm theo ngôi sao đá biếc chập chờn đậu xuống cuối bãi cây ven đồi. Lưỡi rìu đá

mông muội bỗng gõ xuống mặt đất nâu những tiếng khô vang. Tôi đào đất tìm ngọn sao trốn biệt dưới địa huyết. Mỗi nhát mai sắc xuống khu đất lân tinh, những mảnh sao trắng vỡ vụn. Khiến từng dàn vĩ cầm tắt phụt dưới hang. Mãi mê đào cho đến khi cung bực cuối cùng tan loãng vào hư không. Rồi, tiếng chim nào đó rúc lên như chuỗi còi sừng leo lét gọi tôi dừng tay. Dưới một huyết mã não rực rỡ chôn cất mảnh trăng cuối cùng. Tôi khật khưỡng trở về gian nhà trọ.

Sáng hôm sau, tôi trở dậy mệt lữ, quên bằng đi cơn mộng du: Cây mai đất núi một bên ! Còn đó với những dấu tích lạ lùng ! Tôi tìm theo vết cỏ tới khu mộ địa hôm qua.

Chiếc hố đất đỏ trên khu bãi phía tây cách nhà tôi một quả đồi cỏ bạc. Ô! Cuộc tìm kiếm nào đây ! Dưới lòng đất hiện

lên tấm đá xanh bi mộ và cửa hầm thăm thăm âm u, heo hút bụi sương trắng. Tôi tìm gặp chiếc dép mình bỏ rơi dưới cỏ. Ngạc nhiên đến cùng tột ! Nhìn xuống quần áo tôi đất cát lem luốc ! Tôi đã đào mộ chằng ?! Trí nhớ hồi sinh từng dấp chồn vờn trên thân gỗ ngọn cây... Tôi đã tìm đến đây đêm qua trong cơn mộng du nào nhập xác.

– Bé ơi ! Mang nốt cây rượu đen ! Cứ cạn đi ! Cậu nhìn xuôi bãi Tây qua cây rượu này. Mặt trời đen khủng khiếp chưa ?! Suối tóc bờ mi thiếu nữ còn huyền hoặc hơn nữa. Một dòng biêng biếc tơ đêm. Khuôn mặt ấy ! Trời ơi! Có phải tôi nằm mộng chằng ! Chỉ một nét môi kiều diễm cũng đủ xoay ngược Đông Xuân.

– Đấy ! Cậu nhìn theo phía này của ly rượu. Mảnh mặt trời còn lại của cồn rừng sương mù cùng với chằng cổ tùng

như một nét đại tự. Cậu chỉ tưởng tượng thêm vài nét ngang phóng bút, cậu sẽ thấy hàng chữ thảo hiện lên “Phạm Tiểu Thư-Chi-Mộ”. Cậu nhìn rõ chưa ?!

Thế rồi cậu biết sao nữa không! Tôi tìm đọc trụ bia đánh dấu niên kỷ hơn bốn trăm năm. Trời ! Sự huyền nhiệm nào đã đưa đẩy tôi ? Hay chính tôi vào đêm qua đã tìm lại phần mộ tiền thân của mình vùi sâu dưới ba thước đất. Có phải tôi thật sự đây chăng ! Thật sự hiện hữu ý thức dưới buổi sáng lửa thơm này ? Hay chỉ là phiến mộng nổi kê giữa bờ huyền ảo. Không tôi vẫn thức. Mắt tôi còn mở thực sự mà ! Có cơn mộng nào đâu ! Ngọn bia mộ Phạm Tiểu Thư như một trụ sương trắng, thổi đá hoa cương lạnh như phiến tuyết băng. Ô ! Hay tôi đang ở trong cơn trường mộng biển dâu, cơn mộng của muôn từng phiến mộng

bồng bênh. Có thể như thế chứ ! Nhưng bây giờ cổ vật là của riêng ta ! Khám phá của tôi sẽ làm dư luận bàng hoàng ! Tôi chắt chiu từng lớp đất cổ như từng lớp cưu mang suốt nửa phần cuộc sống. Tôi dùng mười ngón tay mở rộng địa huyết. Những tảng gạch đỏ như đá son. Ốc mao hiểm lớn theo với sự kỳ thú điên cuồng. Những dấu hỏi mực lên dây như một bấy nắm đại. Tôi bới rộng dần, ngách đá để hở ra một khung cửa gỗ dây mực nát loang lổ lân tinh. Tôi khẽ đẩy, cánh gỗ dờn ra cùng với khóa đồng đúc khổng lồ. Địa đạo để lộ một lối xuống của những thỏi đá tối hun hút. Ngọn âm phong toả lên những tảng sương trắng vật vờ. Tôi mọc ốc cùng mình. Dừng lại ! Ốc tôi thoảng nhanh hình ảnh những hầm mộ chữ kim hiện về với cả một gia sản hàng tỷ ngọc hồng, mã não, những trần thiết nguy hiểm chung quanh, sẵn sàng chụp

xuống đầu kẻ khai quật bất hạnh ; hoặc những khoanh rấn canh giữ bảo vật dài hàng mấy chục thước, nghển cổ nhả nọc phè phè. Nhưng óc mạo hiểm liêu lĩnh thách đố ! Tôi tìm những củi mục, bó lại thành một cây đuốc dài, châm lửa lên, tôi khươ về phía trước lần mò. Cảm giác căng thẳng đến cùng tột ! Tôi bước theo những bậc hồng thạch dẫn xuống con đường hầm hun hút tờ mờ từng vách lân tinh. Đi khỏi địa đạo quanh co chừng vài chục thước, rải rác dưới nền những đốt xương mòn mục rã, chứng tỏ những người xây dựng cổ mộ, hay cả một đoàn mỹ nữ theo hầu đã bị chôn theo. Cuối cùng dẫn tôi đến một cánh cửa đá tò vò trong suốt chắn ngang, nhìn qua khu thạch thất tờ mờ. Tôi dùng tay xô cánh cửa trầm tĩnh, lay chiếc khóa kiên cố. Nhưng vô hiệu ! Tôi dựng bó đuốc hồng vào cửa, và tìm dọc con đường hầm xem

có mấu chốt nào khả nghi để mở cánh cửa cuối cùng chẳng ? Sau một lúc lâu, tôi đang thất vọng thì bó đuốc đổ xuống nền đất, cánh thạch phiến mở tung vào phía trong, để lộ một khu hầm trần thiết kỳ quái. Tôi sửng sốt vui mừng ! Thì ra lúc tôi dựng bó đuốc, vô tình ngọn lửa tạt vào ống khóa khổng lồ, làm chảy lớp chỉ đồ bên trong ra theo những lỗ nhỏ phía đáy, thân chiếc khóa rỗng tụt xuống, hai cánh cửa bật tung theo một cơ quan ngầm trong vách hầm. Tôi dò vào từng bước. Những lu chóa lớn nhỏ và những cổ cắm tượng mầu đá lam bằng ngọc thạch lớn như người thật từng hàng, ngồi đứng chung quanh, như cả một triều đình phong kiến cổ thời. Mỗi pho mang một khuôn diện cuộc sống, có pho trầm tư, có pho cười nụ, có pho thì phần nộ bùng bùng. Những đường nét điêu khắc linh động khiến tôi phải

cung tay thủ thế một cách khôi hài. Ngay giữa thạch thất, trên những phiến đá hoa xanh biếc, bốn chiếc đèn đá đỏ như hổ phách, mang thổi quách đá mỏng chu sa, trạm trổ cả một dãy dị thảo cầm tú chung quanh. Úp trên chiếc quan tài bằng chất đá trắng trong suốt như thủy tinh. Mỗi góc đều bịt vàng rực rỡ trổ từng cụm kỳ hoa ảo lả thiên tài. Tôi tiến lại gỡ từng phiến quách bằng đá mài mỏng chung quanh xuống. Tự nhiên ánh sáng lơ mờ phản chiếu năm. lửa đuốc bùng lên từ năm đóa hồng ngũ sắc bằng ngọc điêu khắc, đính trên ván thiên, mỗi đóa bằng chiếc đĩa tàu cổ. Ánh sáng vừa đủ cho tôi nhận rõ cả một quan tài huyền ảo. Trời ơi !

Cậu cạn thêm ly rượu này ! Chú bé lấy cho anh cây rượu nữa đây ! Anh chẳng thấy Hoàng Hà dằng dặc, nước

trời xuôi xuống biển nào về ! Nay khách
rượu còn đâu ! Sương cồn hạc nội. Cậu
cứ say đi ! Mình sẽ dìu nhau đi tìm những
đôi trăng ả. Xuống núi uống sương
bụi, cảm khoái biết là đường nào !.. Tôi
phải uống thêm mấy cây để mở cửa cõi
giới thực mộng, hình dung đến nàng.
Ôi ! Giữa một nội hoa trắng ngun ngút
sương thu. Phiến tài hoa nào nằm đó,
tuổi chớm mùa trăng, trăm đường mỹ tú
phơi bày dưới tấm nhiễu quần đại hồng.
Đôi vòng cầm ngọc xanh xang trên cổ tay
thạch tượng. Mái tóc cỏ mỹ nhân biêng
biếc, bông bênh một ngọn thiên thai.
Khóe mắt yên ngủ ba đào, thêm thiếp
nội thu. Bờ môi nho chín, sóng mũi ng-
hiêng nghiêng. Nụ cười trăm nở nửa đóa
nhiệm màu ! Tiểu thư ơi ! Bốn trăm năm
sau, biết đâu còn có ta nhớ trộm ! Tiếc
áng hồng nhan mà muốn xoay ngược
âm dương ! Tôi cử động trong một sức

thu hút thân bí, xô lệch tấm ván thiên
đỏ thắm chất đá mặt trời. Ánh sáng năm
màu mờ tỏ, lá chúc thư trạm trở, những
hàng cổ tự lơ mờ dưới nếp sương phong.
Tôi quì xuống ngẩn ngơ uống từng dòng
cổ lụy. Giọt nước mắt vô tình nhỏ xuống
bao giờ. Bỗng dưng nổi lên ngọn gió
lạnh từ chiếc áo quan ngọc đá, hình hài
nữ lang lay động, trở gối xuân thu, ng-
hiêng nghiêng vớt ngọc. Trăm ngàn đóa
bạch dung hơn hở thu phong, âm ỉm sao
trăng lãng đảng. Ngọn đuốc hồng cũng
thu lại leo lét. Tôi nổi ốc cùng mình lùi
dần lại ngách cửa đá. Hình ảnh chiếc
xác ướp nào vất vưởng tìm về trong giấc
liêu trai bưng thức. Vị thiên kim tiểu thư
bỗng dưng mờ dần trong hơi sương ngun
ngút, tỏa lên từ mỗi lòng đóa hoa. Còn
thoang thoảng nụ cười héo úa cuối cùng
trong lòng quan tài mờ昧. Tôi chạy lại
bên áo quan, chột đạp lên tấm ván thiên.

Tiếng vỡ rụng xuống âm khô như cả trái tim tôi tê điếng. Hơi sương tan dần, chỉ còn lại ngấn nước trong veo với đôi vòng ngọc đá biếc lập lờ.

Anh gục rồi ư ! Vừa mới nửa chừng cuộc chuyện. Bé ơi ! Mang dùm bạn ta lên khách sạn. Sau mấy năm dằng dặc trùng phùng, đổi lấy một cơn say kỳ thú. Tuyệt ! Tuyệt ! Ta phải bỏ về rồi đây ! Mảnh mặt trời chỉ còn lại mảnh đá tím, cây chìa khóa đã tra vào cửa đất mộ. Tiểu thư ơi ! Đã thấp lân tinh chưa ?! Cho kẻ này dỗi lối. Ta đã nổ tung mấy lần tâm tưởng, nàng cũng đã nhập cùng vĩnh hóa luân lưu. Hãy chỏ ta vào cánh cửa tĩnh động cuối cùng... Bên cầu đẩy cỗ xe ma – Nửa viên băng nguyệt trên tà áo đen!. Ta còn mấy tuổi trăng khô ư ! Chuyển xe đã chuyển rồi! Ta còn mấy kiếp trăng khô ư !

Trong cơn say mê thiếp của khách, tiếng hát người bạn cũ đập cánh lên vút đỉnh chùng trời cùng mây trắng phiến trôi. Tiếng bước đi lác đác mưa thu “Cậu say rồi, còn mấy cây số sương mù để tìm về cổ mộ. – Tắm chúc thư phiến đá đỏ thần kỳ...?!”

Sáng hôm sau, Quỳnh trở dậy cùng với những ô cửa nắng rực rỡ của buổi trưa. Cơn say đêm qua còn sót lại sự rũ liệt châu thân, đầu óc choáng váng như một con trốt quay cuồng. Hình ảnh người bạn chàng gặp lại chiều qua trên một khu núi cổ rồi kể đến những cây rượu ngả nghiêng trong cuộc chuyện chờn vờn. Bãi cỏ phía tây và phiến chúc thư trên ván thiên khiến anh vụt trở dậy vào phòng tắm, ngọn nước mát khiến anh phục hồi dần sức mạnh. Tiếng chim nào hót ngoài tàn cây ở cửa phía đông.

Tại sao vừa gặp mặt Thái đã vội bỏ đi, không một cuộc hẹn ?!

Từ ngày Thái ra trường, anh bỏ đi biệt, không một tin tức với thân hữu. Có người cho rằng sau buổi chiều anh kéo cỗ xe đen qua con cầu, đưa người yêu đến căn phần vĩnh cửu, Thái hoàn toàn buông xuôi cuộc đời trong nỗi đau nhức yên lặng. Sau này với sự thỏa thuận của Nguyễn tộc, anh đem trồng bên mộ phần Bông-nguyệt cây tâm mai. Rồi từ đó cánh thần diệu vi vút rừng trùng. Người thì cho rằng đã gặp anh nơi thôn hoa của xứ Thái Đalat, anh có vợ và nói tiếng Thái như một bản dân cựu địa... Lần hồi dư luận mọi người cũng cất cánh thiêu thân. Thái kẻ tự chôn mình trong kỷ niệm bạn bè : Đôi lần họp mặt, có người nhắc về anh như một bóng dáng xa lạ. Cho đến chiều hôm qua, con người cũ lại hiện về

như một gã cổ kính với Quỳnh, nốc cạn hàng chục cây rượu tây, không mấy gì chúng tỏ anh bị thần kinh hành hạ,

Quỳnh ngồi đợi bạn, mãi Thái vẫn chưa trở lại ! Cho đến ba giờ chiều, anh nhờ chú bé thuê dùm cỗ xe gỗ ngựa không mui với người xà ích già nua từ khu nhà phía Nam dẫn lại, Anh không còn đủ kiên nhẫn kéo thêm sự chờ đợi. Hai người làm cuộc hành trình với đôi ngựa già về khu bãi mộ địa. Những cơn mây trắng và cội cỏ từng bên đường làm mảnh mặt trời hiền dịu hơn. Qua những lối cỏ núi vàng cháy, những cụm đá mang khuôn mặt chịu đựng trọn kiếp. Những tiếng vó khô rục xuống trên lối sỏi trắng như những roi mưa đầu cơn quất xuống lác đác trên khu núi đầy ải ngổn ngang. Hàng bánh lăn lộc cộc, thân xẻ gỗ bặt nghênh ngựa chòng chành. Thỉnh thoảng

tiếng người xà-ích rúc lên giục đôi ngựa đen đở bước, thoảng lại mất bút phía sau cùng với cơn gió khen khét đá sỏi. Một đôi con cháu thấy động, gại cánh cành cạch lao đi mất hút trong bụi cỏ khô như những vầy đá biếc. Người xà ích già kéo nghiêng vành mũ nỉ gợi chuyện :

– Thầy xuống khu suối đá chơi ?

– Tôi xuống tìm người bạn.

– Mùa này nước cạn, suối trở nên khô, còn lại vũng nước trong hốc đá không đủ tắm !

– Không ! Tôi muốn tìm nhà người bạn. Ở đây dân cư đông không ?

Người xà ích quay lại, khuôn mặt như trái trám khô, nhăn răng cười :

– Gia đình nào dám cư ngụ ở đây !

Các ông ở trên núi thành thoảng kéo xuống chộp mấy viên chức từ các xóm chung quanh mang đến dưới gốc cây kia làm thịt. Đấy ! Ngay trên cành cây đen ấy. Thỉnh thoảng treo một xác banh ruột làm thức ăn cho bầy quạ đen mỗi chiều.

Theo ngón tay chỉ của lão xà ích. Gốc cây trơ những cành đen thui nơi lưng đồi. Một vài cánh quạ đáp xuống như một lá cờ giặc đen tang chế. Mảnh đất Thái chỉ qua cây rệu nâu buổi chiều đã dấy lên ở đấy đôi khóm sương mù. Người phu ngựa tiếp theo với một giọng mỗi mệ :

– Trước đây vài năm còn an ninh, khi những con nước lũ từ rừng đổ về. Khu suối đá mọc lên vài quán lá mời mọc du khách. Sau mấy ông làm dữ quá ! Họ trở về phố hết sạch.

Con đường núi nghiêng nghiêng dẫn xuống một bãi lau sậy, một cồn bông cờ rũ rượi bạc phơ trong sương chiều. Thân xe lộc cộc ngừng lại. Đôi ngựa đen gục đầu xuống trước mảnh mặt trời đậm trong rừng gió lách.

Quỳnh kéo cao cổ tấm áo nhầy xuống, leo lên đồi, nơi cội cây đen đũi như một hàng cổ tự rù rì, thân cây tuổi tác héo hắt, Một đoạn thừng mục vắt ngang đu đưa. Anh nghe da thịt rờn rợn, hình ảnh chiếc xác mở banh lác lư trong bụi sương núi hiện về ám ảnh. Phía sau cồn cây là ngôi mả tàu cổ kính. Một vài khung tường đá rêu và những bụi cỏ hoang xào xạc sương ẩm. Quỳnh rẽ cỏ, nghiêng mình chui qua chiếc cổng mộ tò vò. Một vài nét chữ sơn cũ đánh dấu cuộc tình tự của du khách ngày xưa trên

tường thành. Chiếc bát hương đá cổ đổ nghiêng trên bệ. Trong khu vách mộ, là cả một nội cỏ hoang và cây dại, nơi trú ngụ của bầy chồn cáo tìm về ẩn náu qua ngày. Anh dừng lại hoang mang, không một vết tích quen thuộc lưu lại từ cuộc chuyện. Mặt trời đã chìm xuống một nửa trong lòng con suối khô, còn lại năm lửa tàn thoi thóp. Quỳnh thọc tay sâu vào túi áo lội xuống đường tìm về. Bầy quạ thấy động phía dưới, tiếng cánh vỗ đi chập chờn như bóng đêm bắt đầu từ rúp cỏ rối.

Cỗ xe ngựa trở về phố núi, người xà ích ngồi ngất ngểu trên ghế cao với dây cương trong tay, mắt nhìn lim dim, thờ ào ngọn khói xám tan loãng :

– Thầy đi viếng mộ à ?

– Vâng ! Tôi nghe người ta thuật lại, thử ghé thăm xem sao.

Tiếng vó ngựa đổ mau trên đường tối. Thân xe gỗ lệch thệch về tỉnh như một con thú què. Người xà-ích với tay châm ngọn đèn bão vàng vọt, lắc lư trên nắm tay đồng đóng trên thân xe. Quỳnh bỏ ra sau xe, bỏ chân thòng xuống những ngọn cỏ phía dưới ! Phiến chúc thư ! Thái ơi! Anh trở về giữa cơn thực mộng títt mù ?! Mảnh mặt trời tối còn lại viên lửa xám như chiếc khóa cắm thạch tra vào vách mộ lui dần... lún xuống mãi khu nghĩa địa cổ. Những nhát cuốc đào xới cổ vật cũng mờ dần trong một bụi sương đen huyền ảo tỏa lên choáng ngợp đầu Quỳnh còn lại môi cười héo úa của người con gái họ Phạm trên chót vót sương mù từ bốn trăm năm vàng vọt thu

xuân. Đóa hồng dung rục rở môi nho.
Tác phẩm đại nghệ thuật trên chót đỉnh
sương mù !

PHẠM THIÊN THƯ

NHẬT TIÊN

Trong đêm đen trừ tịch

Đêm ba mươi, bầu trời, cây cối, vườn tược, nhà cửa (nếu còn) đều quện lấy nhau trong đóng tối dày đặc. Đứng ở bất cứ một chỗ nào đó trong cảnh vật cũng đều như lọt thỏm trong cái bao la mù mịt của trời đất, và cái cảm giác bầu vịu được vào chốn quê hương yêu dấu này chỉ còn là cảm giác của hơi sương lạnh, của mùi đất ẩm, xen lẫn mùi thuốc súng phảng phất đâu đó trong đêm đen. Và hoàn toàn yên lặng. Chẳng bao

giờ lại có sự yên lặng tàn nhẫn và ghê rợn đến như thế. Không tiếng võng đưa, không tiếng trẻ khóc, không tiếng chó tru hay tiếng đế râu rĩ trong bồn cỏ. Cũng không cả tiếng máy bay đi ngang qua bầu trời, không cả tiếng súng nổ ầm ì kéo dài suốt đêm thâu hay tiếng bom rền rĩ rung chuyển cả mặt đất. Có một sự từ giã tập thể cái khung cảnh hèn mọn và nhỏ bé, hiền hòa này. Như bàn cờ khi tàn cuộc đã được xóa đi như quang cảnh tan hoang khi cuộc chơi của đàn trẻ chấm dứt. Mọi người đã ra đi. Cán bộ giải phóng, chiến sĩ cộng hòa, những khuôn mặt dân làng quen thuộc, và cả những súc vật lớn nhỏ kể từ con trâu, con bò, đến những con tắc kè thường bung lười trong khóm lá – Bỏ hết. Đi hết, và tất cả đã để lại một sự im lặng nặng nề, ghê rợn như sự im lặng của biển cả sau một ngày bão tố.

Mãi tới gần khuya mới có một tiếng động khua lên. Tiếng kẹt cửa. Cánh cửa gỗ nghiêng ken két trong bản lề rỉ sét ở một căn nhà nào đó còn sót lại. Rồi có tiếng thì thào. Tiếng con trai và con gái. Trước nhỏ, sau to dần dần, đến trở thành một câu chuyện hàn huyên trong đêm trừ tịch.

Giọng con gái : Ai thế ?

Giọng con trai : Tao!

Gái : Sao về trễ vậy.

Trai : Tao qua tuốt bên kia đầm lặn.

Gái : Có gặp ai không.

Trai : Không gặp ai hết.

Gái : Tao cũng vậy.

Trai : Mà đi đâu ?

Gái : Tao vô vườn.

Trai : Dĩ hôn !

Gái : Chi mà dĩ ?

Trai : Hâm chông, mà không ngán
à ?

Gái : Có mười cái hâm, tao thuộc hết.

Trai : Thuộc hết sao có người vẫn bị.

Gái : Ai?

Trai : Bà cụ Tư.

Gái : Bộ mà không thấy sao?

Trai : Thấy chết đứng như trời trồng.

Gái : Hâm chỗ nào vậy ?

Trai : Chỗ lộ cây Gòn.

Gái : Tội không. Chính bà Tư đã đào cái hầm đó,

Trai : Ủ. Mà có nhắc tao mới nhớ. Bữa đó bà kêu nhưc đầu số mũi. Nhưng Ủy Ban bảo vì nhu cầu phòng thủ, đồng bào hãy cố gắng lên.

Gái : Mà còn thấy ai nữa không ?

Trai : Lão Bảy !

Gái : Ui chao ! Lão Bảy hả ?

Trai : Phải. Lão Bảy. Lão nằm co bên hõm bom ngoài đồng.

Gái : Lão còn thiếu tao năm đồng đó mà.

Trai : Tiền gì vậy ?

Gái : Tiền thuê tao nhật mảnh xác vợ lão bữa đó.

Trai : Ủ. Bữa đó lão cũng nói với tao mà điều tao mắc đi gỡ dù trái sáng trong vườn.

Gái : Lão thuê tao hai chục, mà mới trả có mười lăm.

Trai : Tao thì tao sẽ làm giùm.

Gái : Dóc hôn ! Thế bữa Dì Sáu cần, sao mày nói phải thuê,

Trai : Dì Sáu khác. Bả đâu có chôn ai. Bả khùng mà.

Gái : Ủ. Bả Khùng thiệt. Ngày nào cũng bó chiếu vô đồng làm đám táng rồi lại ôm về.

Trai : Tại bả thương mấy đứa.

Gái : Ba đứa,

Trai : Có hai thôi. Còn thằng cu út

nhà bả chết bệnh mà. Hai đứa kia chết lãng xẹt.

Gái : Tại tội nó đi chơi xa quá mới kẹt vô đám bắn nhau.

Trai : Biết chừng nào là xa với gần. Các ông bắn nhau đâu có nói trước. Tao cũng có bận kẹt võ trận phục kích của hai bên sao tao không chết.

Gái : Tại may nhất. Chưa chỉ may đã rúc xuống bùn như trạch.

Trai : Nhất với bạo cái gì. Mạng sống của mình mà.

Gái : May sợ chết lắm hả ?

Trai : Con nhỏ này kỳ cục hôn, chết mà ai không sợ.

Gái : Có người không sợ. Có người thích chết.

Trai : Ai ?

Gái : Chị Sớm đó!

Trai : Chị Sớm thì còn nói gì nữa. Tại chỉ muốn chết theo chồng.

Gái : Mà có chắc chồng chị chết thiệt không.

Trai : Thì có tin từ Cần Thơ đó.

Gái : Tin thì ai mà tin. Phải chị Sớm thấy được tận mắt.

Trai : Mà nói dễ nghe hôn. Ai lại chở xác lính quốc gia vô vùng giải phóng. mà có chở được cũng hết đường thấy mặt. Tao nghe nói có người chết cái xác chỉ còn vừa lọt một cái hũ.

Gái : Thì cũng như con trâu nhà bác Xã chở gì. Chết cháy ra tro rồi có còn được mấy cục tàn than đâu.

Trai : Ý ! Nói đến bác Xã, tao mới gặp bác ta hồi chiều.

Gái : Ở đâu ?

Trai : Gần hố bom, chỗ thầy lão Bảy.

Gái : Ui chao !

Trai : Mà biết gì mà ui chao.

Gái : Thì bác chết, tao thương.

Trai : Chết ở đâu. Tao đâu có nói bác chết.

Gái : Ủa, Sao mà biểu gặp bác ở gần hố bom.

Trai : Ủ, thì tao gặp ở gần hố bom.

Gái : Vậy là chết rồi còn gì.

Trai : Ham chưa ! Bộ mà mong bác chết lắm sao mà cứ rửa người ta hoài vậy.

Gái : Vậy là không sao há.

Trai : Không sao. Mà điều tao ớn.

Gái : Sao mà ớn?

Trai : Bác nhìn tao trùng trùng. Con mắt đỏ như huyết heo.

Gái : Ghê !

Trai : Rồi bác gọi tao là Đại úy ! Tao bỏ chạy. Bác vùng lên đuổi. Vừa đuổi bác vừa la : « Đại úy ơi. Đại úy ơi. Chồng em bệnh thiệt nè. Cho chồng em cái phép vợ để bốn ngày về thăm vợ, thăm con. »

Gái : Sao mà không giả đồ cho phép bác đó đi.

Trai : Tao sợ thấy bà tao đi. Để bác túm được, chắc bác cào tao chết.

Gái : Phải rồi. Tao đã bị người khùng

cào một lần. Xé cả áo tao nữa.

Trai : Rồi tao chạy vô núp trong một hố cá nhân. Bác rượt qua, không thấy, đứng lảm nhảm một lát rồi đi luôn.

Gái : Bác nói gì ?

Trai : Bác la : Tự Do cái con chó, giải phóng cái con chó, trả chồng tao, con tao, nhà tao, đất tao...

Gái : Vậy đúng là khùng rồi còn gì.

Trai : Thì đúng là vậy. Cho nên bác bỏ đi, tao đâu dám gọi lại.

Gái : Đi đâu ?

Trai : Đi tuốt vô đồng.

Gái : Lớ quớ coi chừng lại bị bắn lằm như bọn con nhà Dì Tư.

Trai : Mày yên chí đi, bữa nay hưu chiến mà.

Gái : Hưu chiến là cái gì ?

Trai : Là hai bên tạm thời không bắn nhau nữa. Tết mà.

Trai : Tao nghe nói từ tháng trước.

Gái : Nhỡ rồi cứ bắn thì sao.

Trai : Thì sao hả... Cũng chẳng làm sao cả. Ai dám bắt thường ai. Mà điều vì danh dự chứ.

Gái : Nhỡ có kẻ cứ bắn thì sao.

Trai : Thì thế mới gọi là phải đề cao cảnh giác. Bên này bắn thì bên kia bắn lại. Có hề hấn gì đâu. Tao thấy cả hai bên hình như vẫn hành quân ở mé bên kia Đầm Tròn.

Gái : Được cái từ qua nay im tiếng súng.

Trai : Tao nói không sai mà. Hữu chiến thật đó.

Gái : Vậy mình thắp ngọn đèn cây lên được không.

Trai : Không nên. Nhỡ thấy ánh sáng họ bỏ vào, tườn mình là giải phóng cũng chết mà quốc gia cũng chết.

Gái : Vậy thì rầu ghê.

Trai : Thôi ráng, mai sáng rồi tính. Tao có cái này cho mày đây.

Gái : Cái gì vậy.

Trai : Mày đoán thử coi?

Gái : Vải dù chứ gì ?

Trai : Không phải !

Gái : Đồ hộp Mỹ !

Trai : Trật nốt.

Gái : Thế là cái gì ?

Trai : Một cái đồng hồ đeo tay.

Gái : Ôi cha ! Thiệt đó hả ? Đâu, đưa coi.

Trai : Đó, mày sờ thử coi. Có thiệt là đồng hồ không

Gái : Ờ nhỉ ! Ờ nhỉ ! Mày lấy ở đâu thế ?

Trai : Trên một cánh tay rời. Tao cho mày đó.

Gái : Tại sao mày không xài mà cho tao.

Trai : Xài không được, vì nó hư rồi. Để chơi vậy thôi. Mày thích không ?

Gái : Thích. Tao thích lắm chớ. Nhưng sao mày cũng thích lại đem cho tao.

Trai : Vì tao khoái cái này hơn.

Gái : Cái gì thế ?

Trai : Mày sờ thử coi.

Gái : Đưa đây... ờ.. ờ., cái này là quả lựu đạn chớ gì ?

Trai : Quả lựu đạn còn y nguyên chưa xài đó nhé !

Gái : Chết ! Chết ! Ai biểu mày đại dột đi lượm cái đó.

Trai : Thì đã làm sao. Mày không biết, một quả này liệng xuống Đầm Tròn, cá chết nổi lên, mình no cả tuần.

Gái : Tao sợ nó nổ bất chợt.

Trai : Sợ cái gì. Bộ tưởng nổ được là dễ lắm sao. Phải rút cái chốt này ra nó mới nổ chớ.

Gái : Ngô nó sút ra thì sao.

Trai : Mấy khi lại có cái chuyện đó. Tao biết cách xài mà.

Gái : Tao lậy mày. Mày liêng nó đi là hơn. Tao không ưa mấy thứ đó.

Trai : Hay là tao cắt đi. Chừng nào cần thì mới lấy ra xài.

Gái : Mây cắt ở đâu ?

Trai : Dưới trần bếp được không.

Gái : Ngoài đồng rơm đi.

Trai : Ủ thì ngài đồng rơm. Mày nhát hết chỗ chê. Chờ tao một lát nghe không.

Gái : Ủ, đi lẹ lẹ lên, ở đây một mình

tao sợ..... Này! Khoan đã. Mà có nghe thấy tiếng gì không?

Trai : Tiếng gì ?

Gái : Đó.

Trai : Không có gì cả.

Gái : Mà điếc !

Trai : Ừ ! Có người ngoài bụi Tầm xuân.

Gái : Tiếng người rên !

Trai : Tiếng người sao lạ vậy.

Gái : Tao cũng thấy thế. Hay là ma ?

Trai : Làm gì có ma.

Gái : Có ma chó. Hồi trước Ngoại tao kể như vậy. Ở đây ma chó nhiều lắm.

Trai : Đúng tiếng chó rên thiệt.

Gái : Mày ơi ! Tao sợ.

Trai : Để tao ra coi.

Gái : Đừng ra ! Mày ra nó bắt hôn mày đi luôn.

Trai : Tao có quả lựu đạn đây rồi.

Gái : Thế thì mày đứng ở đây mà liệng ra. Ngoại tao bảo ma chó linh lắm, nó chỉ sợ có ống lệnh hay pháo ống mà thôi.

Trai : Ngộ nhỡ không phải ma thì sao. Tao chắc là một con chó bị thương. Để tao ra coi....

Gái : Nó vờ bị thương. Nó sẽ bắt luôn hôn mày. Thôi đi. Đừng có dại dột.

Trai : Thế thì mặc kệ nó, mai tính.

Gái : Mày đuổi nó đi đi. Kéo đêm nay

ngủ quên nó vào hút máu hết cả hai.

Trai : Vậy tao liệng trái lựu đạn này
nhé.

Gái : Ủ !

Trai : Mày nằm ép sát vào mé tường
đi. Tao nghe lựu đạn nổ ở gần rồi. Lớn
lắm đó.

Gái : Tao bị tai.

Trai : Nhớ nằm sấp xuống nghe khô-
ng.... Xong chưa?

Gái : Xong rồi, Mày cũng phải nằm
xuống chớ.

Trai : Dĩ nhiên. Tao rút chốt đây này.
Trái lựu đạn này sẽ làm ròi đời giống ma
chó nhà chúng bay.

Một tiếng nổ long trời lở đất tung ra

âm thanh xé màn không khí dày đặc, âm vang tới tận sâu cùng của đêm đen trừ tịch. Và như một tiếng pháo lệnh khai hỏa, chỉ trong chớp mắt, không biết có bao nhiêu là loại súng lớn nhỏ thi nhau rên rĩ nhả đạn ở khắp bốn mặt chung quanh. Khoảng đen dày đặc, khối im lặng lạnh lẽo nặng nề, tất cả vụt bị phá vỡ trong chớp mắt để vụt hiện ra muôn ngàn thứ tiếng động ròn rã, chát chúa nổ vang rền trong bầu trời. Trên tầng cao, những ngọn hỏa châu vàng úa xuyên thủng bóng tối, rọi xuống cảnh vật một làn ánh sáng héo úa chập chờn. Đồng quê đổ nát, những mảnh vườn cháy xém, những mái tranh cháy rụi, những thềm đất hoang tàn, tất cả phơi mình một cách đau thương chua xót.

Qua những kẽ hở của vách gỗ ánh sáng lùa vào căn phòng, chập chờn.

Thằng con trai nằm úp sấp bên cạnh
đứa con gái.

Khuôn mặt cả hai đều ngả màu vàng
úa, màu của ánh lửa vàng vọt. Đứa con
gái nói qua tiếng súng nổ ồn ào :

– Tội nghiệp bác xã chắc giờ sẽ kẹt
ở trong đồng. Như thế này thì đâu còn
hưu chiến cái gì nữa.

NHẬT TIẾN

12-1968

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

Hương mật đêm buồn

Buổi chiều chỉ còn lại một đám khói ở trên mái, trời thấp thấp đến nỗi Thủy tưởng như bao nhiêu hơi nước trong thung lũng đã quần tụ cả lại nối liền với những đám mây đen trong đó thơm nức những hương trà, không khí dường đặc sệt hẳn lại, Phượng phải ngھn cao cổ lên mới thở được, nàng nghe rõ từng búp không khí mát lạnh chảy tuôn trong ngực, bên ngoài cửa sổ đêm bắt đầu đổ xuống cùng với một tiếng

chim kêu. Bầu trời rơi chìm vào trong một màu xám xịt những cây dương cao ngất rũ rượi lướt thướt dưới những đám sương đang lan ăn từ ngọn cây này đến ngọn cây khác, gió reo rì rào trong khóm trúc bách điệp, những cây hồng bạch và gốc ngọc lan trên thêm đêm buồn trong những cơn gió thổi bạt hơi ủa ngập rong phòng, Thủy kéo chăn lên tận cằm, lười biếng không muốn trở dậy, những con chim sẽ đã trở về kêu rả rít dưới mái hiên. Một vài ngôi sao yếu ớt mọc phía rừng không trông nghiêng như vừa trôi lên khỏi một mặt nước, trời giống một góc biển lộn ngược, Thủy chóng mặt có lẽ đêm qua nàng đã không thể ngủ, đêm trắng mặt thần tiên nhưng cũng buồn thảm, nàng sung sướng cùng một lúc cảm thấy tan nát cả tâm hồn, cơn xúc động đắm đuối còn ngậy ngất mãi không thôi, chàng ở trên nàng và nàng đã nhìn thấy

trời, nhìn thấy đêm, nhìn thấy rừng, sao, sau mớ tóc rối của chàng, đêm ngào ngạt và mong manh, những mầm hạt vừa đâm ra khỏi vỏ, êm dịu trong tâm trí nàng những vang âm mù mịt không thể nghe, khôn thể phân biệt, rừng cây phủ nàng dù nàng chẳng nhìn thấy, giường nệm mênh mông nàng sợ hãi âu yếm thiết tha cuốn tròn trong lòng chàng, ước muốn của nàng đã lên cao ngất, hơi ấm trên hai cánh chàng quấn riết vai nàng, tim chàng đập dưới làn da nóng hổi, thì thầm như tiếng khua động của một dòng nào cũ kỹ thân yêu, nàng đã nghe thấy một đêm hè được nghỉ học về quê đêm không ngủ nằm nghe tiếng sáo diều, nghe tiếng sóng sông vọng tới từ sau lũy tre dưới vườn, hương thơm của hoa nhài man mát của những vè đá và bùn trong các đồng lầy, những cánh đồng đêm có tiếng cú kêu và hàng vạn con sâu đất lập lòe

lẫn với ánh sáng trắng, nàng úp mặt vào ngực chàng muốn khóc nức nở, nhưng chỉ thốn thức âm thầm, làm sao nà có thể khóc trong phút giây hạnh phúc tràn đầy như thế, hạnh phúc muốn phá ngực nàng vỡ tung, nàng cố giữ hơi thở để đừng đánh thức chàng dậy, nhưng chàng đâu có ngủ, chàng cầm lấy bàn tay nàng, chàng lần đếm từng ngón một, chàng đưa tay nàng lên môi, nàng nghẹn ngào, nàng muốn bày tỏ tình yêu với chàng, nhưng nàng còn làm thế nào hơn được giây phút nàng vừa cho chàng, chàng lau nước mắt cho nàng, chàng không hỏi vì sao nàng khóc, có lẽ vì chàng đã hiểu, chàng phải hiểu như thế chứ, nếu chàng không hiểu thì còn ai hiểu nàng, lúc đó rừng chuyển động âm âm như đang trong một cơn bão lớn, những vách ván chung quanh nhà kêu rắc rắc, các nường trà reo lên một lần, tiếng lá khua động từ xa lại

gần rồi mất hút trong cánh rừng sau nhà và những cơn gió khác lại thổi tới, nghe như muôn ngàn bầy ong cùng cất cánh bay, Phượng nghe tiếng nước chảy róc rách, gió hắt những giọt sương đã đọng thành hạt vào tường vách mái ngói, tiếng mạch nước rỉ trong lòng giếng, tiếng côn trùng là đà trên mặt đất, thấp hơn chỗ nàng nằm, vang lên từng hồi, tấp đi từng chập, Thủy vừa nghe, vừa ngủ, mệt thiếp trong hân hoan, nửa đêm chàng đánh thức nàng dậy, trời rét nhưng chàng không cho Thủy mặc quần áo, chàng lấy tấm chăn len quấn chặt lấy nàng và rủ nàng ra ngoài thêm,

anh điên à

dậy đi xuống vườn chơi

gió quá anh, mà lạnh em

coi chừng mọi người thức dậy
em lạnh quá không đi được
đi được chứ sao
em mệt quá, anh không cho em ngủ
đưa bàn tay em cho anh
em bỏ chăn ra thì gió lạnh chết mất.

Bàn tay chàng lùa vào trong chăn, làm nàng gập người lại chống đỡ, cánh tay chàng ấm áp quàng ra sau lưng nàng dìu nàng bước xuống mấy bậc thêm gỗ, nàng run lấy bầy vì gió rét và vì những xúc động nàng không làm sao kìm hãm được, chàng dẫn nàng đi dưới những cành mận đầy hoa trắng, gió làm tóc nàng bay tung quất vào mặt đau rát, nàng muốn khụy xuống sân, nàng cúi nhìn mặt đất đen, dưới những khóm hồng, hoa rụng

trắng xóa, nàng bước theo chàng không còn đủ sức chống đỡ, chàng kê sát vào má nàng thở hít từng hơi chàng làm, nàng chợt nhận thấy mùi da thịt mình lẫn với mùi thơm của những búp trà non bộ gió làm rập gẫy, gió hất những cánh hoa tuốt đẫm sương rớt trên mặt đất thời lùa vào hai chân nàng, thổi suốt lên bụng và ngực nàng, lưng bùng trong tấm chăn, chàng hôn nàng nên Thủy không làm sao đi được, những cánh hoa ướm dính trong chân nàng làm Thủy nổi gai khắp người.

có những chiếc lá ướm dính trong
chân em, anh lấy hộ em ra

đâu chỗ nào

chỗ trên đầu gối

người anh lạnh như một hòn nước
đá

anh mang em đi đâu thế.

Chàng ngồi xuống kiểm những chiếc lá ướm trên người nàng, chàng hít hà và hôn nàng

anh; anh ơi

Môi chàng nóng bỏng như một hòn than nhưng không đủ sưởi ấm nàng, tất cả rừng cây trước mặt nàng lão đảo trong một biển sương mù, mặt đất ẩm hút chặt lấy guốc nàng, môi chàng áp trên những sợi tơ mềm mại trên người nàng, nàng xiết mạnh đầu chàng vào lòng van xin, chân tay nàng mềm nhũn, nhưng cùng một lúc nàng cảm thấy sinh lực của nàng tiết ra, nồng nàn và khoẻ mạnh, nàng mở rộng tấm chăn và ngồi xuống cuốn riết lấy chàng, chàng đỡ nàng đứng thẳng dậy, Nhưng nàng không thể đứng được một mình, nàng phải dựa vào chàng,

anh đừng làm em sợ quá
cuốn chăn vào đi
em phải giữ chăn mỗi rời cả hai tay
mai anh sẽ để cho em ngủ cả ngày
mà anh định dẫn em đi đâu đấy
coi chừng mọi người thức dậy

Nàng ôm lấy chàng, người chàng khô ráo chỉ có tấm chăn hai đầu ẩm vì sương quá nhiều, chàng dìu tôi qua gốc cây kim ngân, những bông hoa lâm tâm sai chũu chít tới tấp như một trận mưa vàng, nhưng đêm bồi xóa không thể nhìn thấy những hình dáng quá nhỏ, tấm chăn kêu loạt xoạt, nàng không thể nào mở mắt được nữa, gió làm hai mắt nàng cay xé, nàng tự cảm mình như một cái cây trong cơn mưa rũ rượi, mỗi một

nhưng cùng một lúc nàng muốn bay lên, nhẹ nhàng như một chiếc lá, ôi cây cối những ngày mưa phiến muện rét mướt nặng nề những nước ướt xối, cánh tay nàng kể sát bên mình nhưng trời đâu có mưa, những vì sao trôi lênh bênh trên đỉnh núi. quay tròn trong những đám mây vân vũ, chàng đẩy mạnh sau lưng cho nàng bước lên thêm bếp, chàng mở cửa vào bếp thắp đèn kiểm ghế cho nàng ngồi, chàng bật điem châm bếp lấy nước sôi pha trà, trong khi nàng chảy trong chiếc ghế môi và má lạnh buốt, chàng uống những giọt trà trên môi nàng, ngọn đèn cháy tỏa ánh sáng trên nàng, chàng quỳ bên gối nàng ôm ấp hai đùi nàng khép chặt, nàng cọ má trên mặt tấm chăn mềm bó sát trên người nàng.

thôi trở về phòng đi anh

em thổi tắt đèn cho anh

anh đừng anh

để anh để tách trà lên đây cho ấm

bóng em.

Chàng hôn nàng hoài nàng không
chịu nổi nữa, nàng xuống kê miệng lên
tóc chàng van xin,

thôi anh, em van anh mà

Nàng nhặt những bông kim ngân
mắc trong tóc chàng, người chàng thơm
nức mùi thơm của nàng, chiếc đèn treo
trên cao, chàng không chịu buông nàng
ra, nàng phải đứng thẳng dậy vịn nút
bắc tho đèn tắt, nàng vươn mình và mặc
cho chàng vuốt ve, nàng gỡ chàng ra
nhè nhẹ, cuộn lại tấm chăn, vị đắng chát
trên lưỡi, bây giờ đến lần nàng dỗ dành
chàng đi, nàng mở cửa bước ra ngoài
thêm, tiếng chân nàng và trên thêm và

chàng bế nàng lên tay, nhưng nàng đòi đứng xuống, nàng muốn khóc thật sự, những cây mấu đơn lả tả ngọn trên má nàng lúc nàng chập choạng bước xuống sân, hơi nước giá nhiều, cây ngọc lan đổ cái bóng ủ rũ xuống tận chỗ nàng đứng, ánh sao không đủ sáng làm cho những đám sương thành xanh biếc, nàng không thể biết được chính những lá gió thổi làm lọt ánh sáng xuống những bóng cây hay chỉ là những đám sương bay qua, nàng vùng khỏi tay chàng chạy thật nhanh vô phòng,

Thủy

Tiếng chàng gọi sẽ tạt trong gió, mỗi bước chân nàng đều hằn sâu xuống mặt đất ẩm, nàng cố sức chạy mau hơn nhưng những chân nàng như bị trút sâu xuống mãi, nàng loạng choạng để rớt tấm chăn xuống đất nhưng nàng cứ tiếp tục chạy,

chàng nhặt tấm chăn chạy theo nàng và chàng ôm lấy nàng lúc nàng tới bên mấy bực thêm gỗ, nàng òa khóc vì rét quá, chàng đã làm khổ nàng, nàng tức tưởi nghĩ vậy, nhưng chàng cũng biết thừa không phải như vậy, và vì thế nước mắt nàng cứ ứa ra mãi, chàng ghì xiết nàng trong tay thì thấm bên tai nàng,

em làm sao thế

anh

thôi đi về ngủ

Nàng vẫn khóc mùi mẫn bước theo chàng, nhưng chỉ về đến cửa phòng là cái tạnh đã làm cho nước mắt nàng khô ráo hết, chàng đặt nàng xuống giường, phủ lên nàng như một cái cây nặng nề, rồi chàng lại làm cho nàng ướt đầm như một cơn mưa, sau đó nàng ngủ thiếp đi,

nàng thức dậy rất muộn, ăn bữa ăn sáng trong phòng, bỏ bữa cơm trưa, nàng ngủ tiếp, thức dậy mệt nhọc, nàng muốn ngồi dậy đi tìm chàng trong phòng đọc sách, dưới vườn hay ngoài mương trà, nhưng nàng vừa nghe thấy một tiếng chim kêu và đêm bắt đầu buông xuống ngoài cửa sổ, thế nào chàng cũng sắp trở vào với nàng, nàng hôn hển ngồi lên...

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

PHAN LẠC TIẾP

Rừng bên kia sông

Hòa ngói bên cửa sổ. Gió thổi từng đợt vào mặt nàng lạnh giá. Những mảnh cỏ cao, xanh ngắt mọc trong giữa lớp rào kẽm gai, rạt xuống từng đợt như sóng. Phía ngoài là cồn cát. Một con lạch nhỏ sáng trắng chảy vòng vèo phân cách bên này đến, và bên kia là rừng phi lao. Từng giải mây dài lướt thướt vương mắc tận trên đỉnh trời. Nắng hong vàng lãng đãng. Tất cả đều im vắng. Chỉ có tiếng gió cuốn hút từ phía rừng vọng lại.

Đạm đã ra đi từ sớm khi Hòa còn say ngủ. Nhìn lại căn phòng trống, đôi dép của Đạm để dưới chân ghế, khiến Hòa cảm thấy vừa cô đơn, vừa bất nhẫn với chồng. Hòa nhìn ra khơi. Màu biển biếc, im lìm. Những cánh buồm câu lác đác ngoài xa. Chẳng còn gì hết. Cả con tàu Bệnh viện hạm cũng đã nhỏ neo đi trả lại cái vắng lặng của một duyên đoàn heo hút. Không biết con tàu ấy giờ đã đến đâu. Sự ồn ào, vui nhộn của đoàn tâm lý chiến mang đến ào ạt như một cơn mưa. Những bộ mặt của Saigon, nụ cười Saigon, giọng nói của bằng hữu, tiếng hát, ánh đèn, những chuỗi cười bát ngát trong đêm liên hoan..., tất cả như còn vang vọng đâu, về đây trong trí nhớ của Hòa. Và Khải. Đúng rồi Khải đó, anh Khải của chị Dung. Phải rồi giữa đám đoàn viên của duyên đoàn. Tiếng nói của Khải như trải rộng ra, vừa đủ

ôm ấp những người ngồi bao quanh... Vẫn giọng đầm ấm đó, nụ cười đó cách đây 8 năm về trước anh Khải đã nói với chị Dung... Khi ấy thì Hòa còn bé quá. Hòa đã nhìn nụ cười của chị Dung e ấp ngượng ngùng. Bây giờ anh Khải vẫn như hồi đó, có phần điềm đạm hơn đôi chút, nhưng không kém đầm ấm thiết tha trong tiếng nói. Nhưng Hòa thì khác. Hòa đã lớn. Hòa đã có chồng và anh Khải không thể nhận ra. Khi buổi liên hoan chấm dứt, trời đã khuya, lạnh gắt, Khải ngồi lại ở ngoài hàng hiên nói chuyện với sĩ quan tình bằng hữu. Hòa có ngồi tham dự. Cả mấy cô ca sĩ cùng ngồi đó. Đêm đã khuya lắm, nhưng câu chuyện mỗi lúc mỗi đậm đà. Trung úy Tâm có khen cô ca sĩ hát thật hay, hay lắm, nhưng cô hát chưa đủ. Ông muốn cô ta hát một bài nào đó về miền Trung. Cô ca sĩ cúi xuống e thẹn, nhưng rồi cô

cũng hát. Tiếng hát nhỏ mộc mạc theo tiếng đàn điện đơn độc, nhưng thật hay. Mọi người ngồi nghe trong sự thưởng ngoạn đích thực và rất bạn bè. Có lúc tiếng hát bị chìm lấp bởi tiếng gió thổi. Hòa bỗng thấy mình như bị khóa lấp trong sự im lặng lắng nghe, và tâm hồn như lãng đãng theo lời hát. Tiếng hát thực buồn ở những cuối câu, khi ngân vang chìm xuống. Mọi người vỗ tay nhẹ sau khi cô dứt tiếng. Khi ấy anh Khải ngồi ở đầu bàn đôi mắt như mờ đi sau làn kính trắng. Điều thuốc cháy từng đọt, khói tỏa mung lung. Hòa thấy anh Khải như vừa xa, vừa gần. Hòa muốn được kêu lên vừa để anh Khải nghe: anh Khải anh có nhận ra em không..., anh có còn nhớ tới đứa bé tên Hòa cách đây 8 năm về trước không... Nhưng Hòa vẫn ngồi im. Tiếng nói trong ý định như còn văng vẳng trong không gian mờ nhòa huyền

hoặc. Khải cúi xuống, dụi tàn thuốc lên chiếc vỏ đạn để trên bàn, rồi chậm rãi nói... Tôi thật tiếc không lưu lại đây lâu được với anh em. Khi đến thì đột ngột, bỡ ngỡ, nhưng khi sắp đi bao giờ cũng bùi ngùi. Đó là điều buồn cho chúng ta, nhưng có lẽ cũng là phần thưởng thật quý cho chúng tôi, cho đoàn Tâm lý chiến của chúng tôi, ... Khải vẫn êm đềm nói. Tiếng nói vừa đủ nghe, nhưng thật rành rọt và quyến luyến vô hạn. Khi anh vừa nói thì Trung úy Tâm tiếp lời : Anh Khải à. Ở đây không còn là công tác nữa, mà chỉ còn là bè bạn. Anh là đàn anh của tụi tôi, anh đến đây tụi tôi mừng lắm. Bỏ ra ngoài hết mọi chuyện, tôi muốn được từ lúc này cho tới lúc tàu nhổ neo, chúng ta phải uống với nhau cho đã. Phải say, say là ngủ, rồi anh cho tai tôi nghe giọng ngâm thơ của anh... Tâm nói đến đó thì mọi người vỗ tay, và kêu lên hay lắm hay

lắm... Nhưng Khải vẫn ngồi im. Anh nghiêng đầu, dụi dụi tàn thuốc, một hồi lâu mới ngẩng lên, lấy tay đỡ làn kính trắng, anh nói trong nửa nụ cười... Tôi đến đây mang theo một số anh em nghệ sĩ, riêng tôi thì không phải là nghệ sĩ. Tôi là một người chỉ huy, tôi không bao giờ là một người trình diễn... Anh nói tới đó thì ngừng lại, không khí tưởng như sắp được cởi mở vui tươi, bỗng như tắt lại, ngọt nhạt. Nhưng trên môi Khải, anh vẫn giữ nửa nụ cười. Rồi anh tiếp... Tôi đã không còn ngâm thơ từ cách đây lâu lắm. Từ ngày rời khỏi quân trường đổi đi một đơn vị ngoài hải đảo nên xin anh em đừng bắt tôi làm công việc đó ở đây. Hơn nữa trong chuyến đi này tôi có một điều khó nói, một việc riêng mà lẽ ra tôi không muốn nói với ai... Mọi người như đã dần hiểu, và bỗng như cuốn hút vào tâm sự của anh. Anh, tiếp... tôi xin được

giấu tên và địa điểm của sự việc trên..., đó là nơi mà tôi đã gặp lại một người đàn bà, vâng một người đàn bà, mà cách đây có tới gần 10 năm tôi không hề gặp lại. Anh cúi đầu. rồi tiếp ngay : Tôi phải nói lại cho đúng, tôi mới gặp lại khuôn mặt hệt như khuôn mặt mà cách đây đã lâu tưởng như đã mờ nhòa quên lãng, khuôn mặt y hệt, nhưng tất nhiên không phải người xưa, với cương vị của tôi hiện tại, với những dữ kiện rất dễ hiểu lầm, tôi đã không dám tìm cách xác định xem sự tương đồng giữa hai khuôn mặt ấy có liên quan gì với nhau không. Tôi đã không dám làm công việc đó và có lẽ cũng không bao giờ tôi làm công việc đó. Cũng bởi thế tất cả đã làm tôi có đôi chút bàng hoàng, ngỡ ngàng. Có lẽ còn hơn thế nữa, tất cả đã gọi lại cho tôi thật nhiều điều, thật nhiều hình ảnh, cả một quãng thời gian xa mà tôi đã sống... cho nên tôi đã thực

sự chìm ngợp trong những tình cảm vừa như tội lỗi, vừa như êm ả thiết tha.., Hòa ngồi lắng nghe. Hòa tin rằng như thế Khải đã nhận ra Hòa. Nhưng giọng nói của Khải lơ đãng cuốn hút tưởng như đó là một chuyện xa lạ hẳn với Hòa. Hòa lấy đầu que diêm đã cháy vạch băng quơ trên mặt bàn. Tiếng nói của Khải vẫn êm đềm trôi. Đêm xuống nặng thêm.. Đôi mắt của Khải thấp thoáng trong làn kính trắng, Hòa thoáng nhìn và tưởng mình là chị Dung. Hòa muốn nhìn thẳng vào đôi mắt ấy. Hòa muốn nói : anh Khải ơi, em đã buồn khổ đến chừng nào. Biết bao lâu chờ đợi em đã khóc một mình trong những đêm thâu. Em muốn gặp anh, dù chỉ một lần để được nói với anh một vài điều. Nhưng Hòa vẫn ngồi im. Khải úp hai bàn tay, xò rộng ngón trên bàn, rồi nói : Thôi, chúng ta nên chấm dứt ở đây... Tôi phải tiếp tục phân phát thanh chiêu

hồi đêm nay. Hòa tỉnh dậy sau một giấc ngủ ngắn đầy mộng mị. Bên ngoài vắng lặng có lẽ đã gần sáng. Ánh trăng chiếu qua cửa sổ, in thấp thoáng bóng cành dương đu đưa trên một góc tường. Hòa xò tay lên mặt nệm. Một cảm giác êm mát, và trống không trên phần giường của Đạm. Hòa kéo chăn lên kín ngực hơi ấm áp ủ toàn thân. Ấp tai trên nền gối. Hòa lắng nghe... Có tiếng đàn độc huyền từ nơi nào xa vọng lại tiếng đàn thấp thoáng mỗi lúc mỗi gần, dội lại từng đợt. Sau đó là tiếng nói êm êm đầy tha thiết của người đàn bà... Hòa lắng nghe và sự nhớ ra đó là chính tiếng nói của Hòa. Anh Khải đã nhờ Hòa đọc vào cuốn băng ban chiều trong chương trình chiều hồi của anh. Khi thu thiết vất vả. Xóa đi xóa lại. Nhưng bây giờ nghe lại, từng đoạn cách quãng với một điệp khúc đàn buồn, Hòa nghe như tiếng nói đó không phải là

của Hòa. Tiếng nói như phát xuất trong giữa từng gió thoảng chạy lướt thướt trong hàng phi lao, ném vút xa vào thình không mờ mịt. Tiếng nói mỗi lúc mỗi gần hơn. Hòa lắng nghe từng tiếng, từng đoạn, và bỗng thấy xót xa vô ngần. Đêm càng vắng, tiếng nói càng như những mũi nhọn đâm xoáy vào khoảng không. Cả những lúc im lặng, tiếng nói đó như còn lướt thướt ngân vang. Hòa thấy như một người nào trên thình không đang nói với nàng, với hoàn cảnh cô đơn của nàng. Tiếng nói lại nổi lên xa dần, lúc mất lúc còn. Hòa ân hận đã làm công việc này. Rồi chính lời nói muốn mang vào vùng bên kia, kêu gọi những cán binh địch trở về đoàn tụ với gia đình...,

Hòa đã nghĩ tới sự cô đơn của những người vợ trẻ, con thơ, mẹ già mong đợi.... Ruộng vườn bỏ hoang... Sự tang thương,

tàn nhẫn vì chiến trận... Hòa đã xúc động thực sự. Hòa đã khóc ở những phần cuối của những bài nói ấy. Và anh Khải đã tần ngần, lắng nghe lời nói của Hòa. Khi thu xong, Khải đã bưng vui và nói : hay quá..., thật vô cùng xúc động... Bây giờ chính những lời thiết tha ấy, giọng nói pha nước mắt ấy đang bao trùm lấy Hòa, và Hòa đã khóc như chị Dung cũng đã khóc. Vì quanh Hòa, quanh chị Dung và rất nhiều những người như Hòa, như Dung trong đất nước này chắc cũng đã khóc vì chờ đợi, vì cô đơn và tang tóc... Tiếng nói xa nữa và tắt ngấm trong đêm trăng huyền hoặc. Hòa thấy anh Khải làm công việc này thật tế nhị, nhưng cũng thật khó khăn. Khó khăn trên chính bản thân mình. Hòa nhớ lại, nhớ lại như in những lần anh Khải cúi xuống, xòe bàn tay sạm nắng lên mặt bàn. Môi cắn vào nhau rồi khẽ nói... cuộc chiến thật buồn.

Chúng ta chìm đắm trong sự đau buồn đó từ hơn hai mươi năm qua ... ngôn ngữ của chúng ta hầu như chẳng còn hiệu lực, Người bên này và bên kia cùng nói chung một danh từ nhưng nhiều khi hiểu khác hẳn nhau tôi nghĩ không biết có cách gì làm chúng ta hiểu được đích thực ý muốn của chúng ta ... Hận thù mỗi ngày mỗi làm chúng ta xa cách... Có lẽ chỉ còn có tiếng khóc... ; tiếng khóc của đổ nát, của người mẹ khóc con, của vợ khóc chồng ... Có lẽ chỉ có tiếng khóc là có thực đang bao trùm lên khắp đất nước chúng ta.

Đêm càng vắng Hòa càng cảm thấy cô đơn. Nước mắt Hòa chảy dài thấm qua làn tóc mai lạnh giá... Vâng có lẽ chỉ còn có tiếng khóc là có thực. Hòa đã khóc vì khiếp đảm khi máy bay sà trên đầu và

đạn trùm xuống dòng người tị nạn. Hòa mới lên năm tuổi... Hòa đã nhìn thấy người chết vì chiến tranh trước khi nhìn thấy sách vở ở nhà trường... Và mới đây, mới mấy tuần qua, cũng tại duyên đoàn này, Hòa lại phải chứng kiến sự khiếp hãi và đau buồn nữa ... Tiếng đạn rít trên thình không, ánh sáng xanh lóa mắt và tiếng nổ kinh hoàng làm Hòa ngất xỉu... Khi tỉnh dậy, Hòa nằm trong vòng tay của Đạm... Đạm nói có sao không, có sao không. Rồi sau đó nhìn sang bên khu gia binh, tất cả chỉ còn là một đống tro than. Chị vợ anh tuần viên ôm một bọc than cháy xém, nhìn kỹ đó là thi hài đứa con nhỏ của chị. Chị ngồi nhìn xác con tần ngần không còn nước mắt. Mặt chị tái xanh... Và bên ngoài hàng rào, những thân người nằm vắt trên hàng kẽm gai... Tất cả cứ đảo lộn quay cuồng trong trí nhớ của Hòa. Hòa muốn hét lên, muốn

bật khóc, muốn bám víu vào vai một người thân như Đạm, như mẹ, như chị Dung..., nhưng tất cả đều im vắng. Hòa mở mắt, đỉnh màn thâm thẫm màu đêm. Mặt nệm trắng nhờ nhờ mênh mông, Hòa cắn môi và khóc trong cổ họng. Nước mắt chảy mặn chan hòa bên gối của Hòa, Hòa muốn đốt đèn lên, muốn ngồi nhìn ra ngoài bìa rừng, nhìn ra vùng biển, nhưng Hòa không dám. Phần vì sợ, phần vì có lệnh cấm không được đốt đèn, sợ bị lộ mục tiêu. Hòa đành co mình, phủ kín trong chăn. Một hồi lâu sau đó, tiếng nói của Hòa, tiếng nói như từ lưng chừng trời, hay trong giữa niêm mênh mông trong trí nhớ của Hòa lại vang lên êm ả... *các bạn hãy trở về... các bạn hãy trở về chúng ta hãy cùng nhau làm lại tất cả...* Hòa muốn thêm, Đạm ơi, anh hãy trở về, anh Mười ơi, anh hãy trở về... Chị Dung, chị cũng hãy trở về nếu chị còn

sống. Em mong chị còn sống... Chúng ta sẽ làm lại từ đầu. Mẹ sẽ mừng biết bao nhiêu nếu chúng ta cùng tề tựu. Chắc mẹ cũng sẽ khóc vì sung sướng. Chúng ta cũng sẽ khóc, khóc một lần chót để từ giã những chia ly, đau khổ. Và lúc đó Hòa sẽ có con. Có thể Hòa sẽ cùng Đạm tìm một việc vào đó ở miền này. Những buổi chiều Hòa sẽ dẫn con đi trên triền cát dưới hàng phi lao. Đạm sẽ mắc võng nằm giữa hai thân cây. Anh sẽ đọc sách hay nhìn vắn vợ ra ngoài khơi mà nhớ những ngày lên đênh cũ,

Nghĩ thế và Hòa thiếp đi với rất nhiều ao ước.

*

Mặt trời đã hiện lên ở chân trời, tỏa nắng rực rỡ. Mặt biển ánh hồng như mạ vàng. Nắng lao xao trên những đợt sóng, Con tàu neo ở ngoài xa đen thẫm. Đoàn văn nghệ đang lục đục xuống ghe để ra ngoài chiến hạm. Từ núi cát, mấy ông trung sĩ đang đôn đốc khiêng máy điện lên ghe. Mấy cô ca sĩ đứng trên mỏm đá, đội nón rộng vành, đang nheo mắt nhìn ra biển nắng. Khải đứng mãi trên bờ đất cao. Nhắm đếm lại

[thiếu trang 134, 135]

Con tàu đã quay mũi vào hải đảo.
Vệt nước trắng xóa kéo theo sau.

Khải còn đứng trên đài chỉ huy, dõi mắt về phía bờ mờ mịt trắng lấp loáng với làn nước phản chiếu ánh mặt trời. Trong khoảng không mờ mịt đó, Khải còn nhìn theo mãi. Ở đó có khuôn mặt buồn của Hòa, và tiếng nói của nàng như còn vang vọng đầy trong không gian. *Các anh. Các anh hãy trở về. Tất cả hãy trở về.*

PHAN LẠC TIẾP

SỞ DẠ HƯƠNG

Hồi bắt đầu đi làm

Ba Xuyên, khoảng thời gian viếng thăm thành phố hồi bắt đầu đi làm, những năm tập sự đầu tiên của cuộc đời một gã chuyên viên kỹ thuật làm việc ngày hai buổi tại một ty Trung Ương cơ xưởng chuyên lo sửa chữa, tu bổ những máy móc và đồ dùng kỹ thuật bị hư hỏng từ các nơi gửi về, lâu lâu, tùy theo nhu cầu công vụ, được biệt phái đi các đài địa phương để giúp đỡ mấy người trưởng đài (thường chỉ là những hiệu thính

viên, chỉ biết sử dụng nhưng không biết và cũng không có phận sự phải lo sửa chữa máy móc) về một vài trở ngại kỹ thuật cần phải điều chỉnh cấp tốc tại chỗ để tránh những chậm trễ có thể tạo nên những phiền nhiễu những khiển trách, những trở ngại có tính cách chuyên môn đại loại như là máy nhận tin bỗng nhiên yếu, rè, nhiễu nhiễu loạn, khi nghe được khi không hoặc là máy phát tín cháy, phát nổ, ngừng phát tín hiệu v.v... tất cả những rắc rối tương tự như vậy thường chỉ mất một, hai ngày làm, do đó thời gian trừ tính cho mỗi chuyến đi thường trong khoảng trên dưới mười ngày, nhiều lắm tới nửa tháng, trừ những ngày vừa mới tới bắt tay ngay vào công việc tìm kiếm, sửa chữa, những ngày còn lại của chuyến đi được dùng vào công chuyện viếng thăm, tìm hiểu thành vật có hạn kỳ, cuối cùng chỉ còn nhớ mơ hồ về những

thành phố đã một hai lần ghé qua, một vài ngày ở lại đó những nỗi nhớ mơ hồ về một lần đầu tiên trong đời, về một bài học đầu tiên (những tiếp xúc, đụng chạm và sau cùng là sự khám phá chiếm đoạt thân thể một người khác phái, ở đâu, bao giờ, trong một trường hợp như thế nào, những tò mò, thắc mắc, những tưởng tượng lần đầu tiên có được một giải đáp tương đối thỏa đáng) hay những chi tiết vụn vặt không liên quan, không ăn nhập vào đâu cả về một hình thể, địa thế, vị trí của mỗi thành phố (hình như) cách kiến trúc phẳng phất giống nhau, khu trung tâm thành phố thường gồm có một tòa hành chánh, một chợ nhỏ được vây bọc bởi một vài khách sạn chệt, một vài quán nước tiệm cà phê hủ tiếu, quán bi da, banh bần, những buổi sáng thứ hai tất cả, mọi người đều phải đứng dậy để chào cờ theo lệnh của những chiếc

loa phóng thanh được đặt ở những nơi công cộng (thành phố lúc đó có một bộ mặt trang nghiêm tức cười, những thực khách đang dùng điểm tâm vội vã đứng dậy miệng vẫn còn mẩu bánh mì chưa nuốt kịp, dáng lúng túng của mấy bà già nghênh ngang chưa hiểu chuyện gì đang xảy ra...), tiếng hát vọng cổ khoảng chập tối hay trong khi chập chờn ngủ – phố – một thành phố không có gì đáng nhớ, (khi cố gắng muốn nhớ lại) có một người trưởng đài khổ người loắt choắt nhưng tánh tình thật niềm nở, lịch sự, đã lập gia đình, trong những lúc ăn cơm vừa xong hay những khi rảnh rang công chuyện, người chồng (người trưởng đài) ưa kể cho khách nghe về quãng đời đã qua của ông, (những năm còn trẻ, những năm phiêu lưu giang hồ, những mơ ước những tham vọng hồi đó, những năm phục vụ trong quân đội viễn chinh Pháp,

lý do giải ngũ, nguyên nhân tại sao lấy vợ, những mơ ước còn sót lại...) hỏi khách tốt nghiệp đã lâu chưa, hỏi còn ở ngoài Bắc quê hương thuộc vùng nào, khi đã gần hết câu chuyện để nói hay để hỏi, như sự nhớ tới hiện tại, ông khuyên khách đừng nên thuê phòng ngủ tốn tiền, đừng nên đi chơi quá xa vượt ra ngoài phạm vi an ninh châu thành, cười cười nói đùa khi thấy người vợ ít nói đứng cùng lũ con – lui vào nhà trong, ở đây chỉ có những cô Mai Liên, phải nghĩ một lúc lâu khách mới hiểu chủ nhà định nói tới những cô gái nước da ngăm đen của vùng này.

Hết hai năm tập sự, được đổi sang làm tại một đài chuyên duy trì những đường dây liên lạc viễn ký, viễn ảnh và vô tuyến điện thoại giữa Saigon và một số thủ đô các nước, không còn có dịp ra khỏi Saigon, quên dần những chuyển

đi xa, những cuộc phiêu lưu được âm thanh của một cây đàn tây ban cầm phụ họa, từ một đám đông tụ tập trong một quán cà phê ở phía trước mặt khách sạn theo gió lọt vào căn phòng ngủ nghe như những thở than tĩnh lặng của một linh hồn nhỏ, như một lời từ biệt chưa kịp nói của cô gái lúc này vội vàng rời khỏi căn phòng, chân đi đất không gây nên một tiếng động, nàng đã lén lút tới, im lặng đồng tình chịu đựng rồi lén lút đi khỏi giống như con mèo đen không biết tới nằm trên thành cửa sổ từ lúc nào, mắt xanh biếc trong đêm tối, tiếng nước nhỏ từng giọt đều đặn ở phòng tắm kê bên hình như một người khách đã vô ý không vịn chặt vòi nước, tiếng còi xe hàng đánh thức giấc ngủ khoảng ban mai, đánh thức luôn cả mùi ẩm mốc của căn phòng, hình như toát ra từ bốn căn tường loang lổ, từ chiếc nệm giường mục

nát, vẻ tiêu tụy của căn phòng thường gây nên một nỗi trắc ẩn vô duyên cớ, một cảm giác bức bối, buồn bã không đầu ...

Trở lại Ba Xuyên khi được tin đứa em trai chết. Tử trận.

*

Gia đình gồm bốn anh chị em tất cả, một chị, ba anh em trai. Bố làm nghề dạy học. Ông là hiệu trưởng trường tiểu học năm Pháp thuộc và hồi đầu 1945. Nơi sinh của bốn anh em đều khác nhau bởi vì nghề nghiệp của bố không cố định ở một nơi nào. Đứa em trai tử trận sinh tại Gia Khánh, Ninh Bình. Nơi tử trận của nó: một quảng sông nào đó thuộc địa phận xã Trường Khánh, tỉnh Ba Xuyên. Trong báo cáo một một quân nhân

(CLQ/BP) tử trận (chết) do bộ chỉ huy tiểu đoàn... ngày 23 tháng 11 ghi rõ:

Họ và tên:

Cấp bậc : Chuẩn úy. (CLQ)

Số quân :

Chức vụ : Trung đội trưởng.

Ngày và nơi sinh : Gia Khánh (Ninh Bình) năm 1942.

Tên cha : ... (Chết)

Tên mẹ :

Gia cảnh : Độc thân.

Ngày chết : 23 tháng 11 năm 1967.

Trường hợp chết : Trong cuộc hành quân... chạm súng với địch xã Trường Khánh, quận Long Phú, tỉnh Ba Xuyên,

bị trúng đạn, tử thương lúc ro giờ.

Ngày và nơi mai táng : Được thân nhân xin thi hài về mai táng tại nghĩa trang Quân đội, Sài Gòn, ngày 25-11-1967.

Địa chỉ cấp báo thân nhân : ...

KBC ngày 23-11-1967.

Đại úy...

Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn.

(Gia Khánh. Trường Khánh, Có thể có tình cờ giữa hai tên gọi hai địa danh, một ở miền Bắc, một ở miền Nam, có thể có một mối liên lạc, không thể nào giải thích nổi giữa hai địa danh, hai ký hiệu gần như vô nghĩa nhưng lại liên quan đến định mệnh của một con người ? Có thể như vậy không, hai địa danh như hai

dấu báo của một định mệnh ?...)

Bố mất tích đúng ngày ba mươi tết năm 1945, năm bắt đầu của tất cả những biến động. Khi đó ông đang làm hiệu trưởng trường tiểu học Việt Trì, một quận lỵ ở bên kia ngã ba Hạc thuộc sông Hồng Hà, bên này sông là nơi ông sinh ra, lớn lên, học tiểu học trường làng rồi sang học trung học bên kia bờ sông, sau đó thì vô trường sư phạm, tốt nghiệp được bố đi làm giáo học, dạy học ở nhiều nơi, nơi sau cùng là Việt Trì. Những mẩu chuyện dính dáng đến sự mất tích của bố hồi đó thật nhiều. Thoạt đầu ông bị nhóm người chiếm giữ quận lỵ hồi đó bắt giam không chịu theo phe chúng. Người chỉ huy cuộc bắt bớ này lại là một học trò cũ của ông. Cuối cùng nhóm người chiếm giữ quận lỵ không chống cự nổi với lực lượng tiến đánh của Việt Minh

và bỏ chạy, Bố mất tích từ ngày đó. Sau này người thì nói ông được giải thoát và theo bạn hữu qua Tàu theo kháng chiến chống Pháp, người thì nói ông bị chính người học trò cũ của ông thủ tiêu bằng cách cột đá vào người rồi đem thả xuống sông. Bốn anh em và một người mẹ bắt đầu sống chuỗi ngày khổ cực kể từ ngày bố mất tích đó. Ba mươi tết năm 1945, Năm thứ nhất của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

SƠ DẠ HƯƠNG

NGUYỄN THỊ HOÀNG

Đất hứa

Cột khói xám bông bênh thẳng góc với chân trời ngoài khung cửa sổ rộng lại nhắc nhở những ngày cuối năm ngập ngừng và bần khoản. Hình dáng lom khom của mấy ông cha quanh đống rác cao ngập đầu điểm từng chấm đen li ti linh động lên vòm mây trắng và mỏng tản mát theo chiều gió cuốn. Mùi thơm của giấy, cỏ khô và đồ đạc cũ, diêm bào bị đốt cháy trộn lẫn xông khắp không khí lắng tĩnh đợi chờ. Tôi vừa sợ vừa thích

mùi thơm đó. Mỗi năm chỉ một lần. Và mỗi một lần cột khói nhóm lên, mỗi một lần tôi lại nhắc tôi kỳ hạn của một quyết định cuối cùng, bỏ đi hay ở lại. Cột khói cũng cày sâu trong trí tôi hình ảnh bập bùng của những ngày xuân rộn rã đời sống dưới kia, nơi gần đến nhắc chân mở bung cánh cửa sổ sau của căn phòng là có thể nhìn ngó thấy, có thể mỉm cười với, có thể vẫy tay chào, nhưng cũng xa đến nỗi có đi trăm dặm hia thân cũng chẳng bao giờ tới nơi.

Bây giờ là năm thứ mấy. Thứ hai hay thứ ba. Tôi vẫn không xóa mờ được ám ảnh của những vầng hồng sáng sủa của phản chiếu bình minh vọng lên từ khung cửa sổ sau, khung cửa sổ đời sống, và vẫn không dứt hẳn ý nghĩ mơ hồ mình chỉ là người khách lỡ đường ghé qua ngọn đồi tạm nghỉ một thời gian, thời

gian vay mượn trước khi tìm được một con đường nào đó. Quan hệ gì những cái một tháng năm. Nhưng mà nhắm mắt, nhắm mắt hay đóng kín các cửa phòng vẫn còn nghe và nhìn thấy, bước chân xôn xao của bọn học trò nội trú bên Viện Thần Học nao nức, đi xuống triền dốc thoai thoải của ngọn đồi cỏ non để trở về nhà, mang theo những bài học buồn rầu, những bữa ăn đạm bạc, những mẩu chuyện rạc rời lạnh lẽo trong khung giường quanh năm đóng giá tháng ngày khổ hạnh. Chúng nó cũng mang theo những mẩu chuyện nghịch ngâm kể lén cho nhau thường tạt đến phòng tôi nhờ một ngọn gió tình cờ nào khuấy động tất cả giác quan tôi và đánh rơi trong tay tôi những quyển kinh dày ảm mốc. Chúng nó cũng mang về dưới đó tất cả những niềm nao nức nóng bỏng tôi âm thầm nhả gởi theo cùng. Và còn nữa. Giờ

dưới những ghềnh đá tím thoai thoải bên bờ sóng đánh, những đọt nho xanh uốn éo vươn lên ngơ ngác giữa những chú cỏ non èo uột cũng tìm đường hút thở khí trời, vươn lên khỏi các kẽ ngách xanh rêu của ghềnh đá. Cái cuống tím hồng nhạt và yếu của cây nho, mảnh mai và dịu dàng như một thứ dây trang điểm kín đáo của đàn bà, Những trái xanh tròn nuốt và láng bóng màu cẩm thạch gợi nhớ hàng răng ngời sáng cắn sâu, rợn lên trên môi người mừng tượng thứ nước chua thơm ngát và lạnh ngắt đến rùng mình nghe lắng. Cái gì cũng nhắc nhở, đánh thức và kêu gọi được tôi ra khỏi vùng âm u của kinh cầu, tiếng chuông và bóng tối, của trầm ngâm suy tưởng. Như những thân cây vàng nõn ấy vắt ngang khoảng sân cát trắng mịn màng trước sân trại mộc bây giờ chắc hẳn ngổn ngang và vắng ngắt vì mấy

ông cha mê mãi xuống làng phân phát thức ăn cho người nghèo xóm lười. Tôi chỉ mê được cái trại mộc lúc vắng người, với những dụng cụ ngổn ngang đó đây, những đường mặt cửa màu nâu như thứ bột sữa rắc sẵn sùi trên lối đi yên tĩnh, những dây diêm bào xoắn tròn, vàng và lóng như những lọn tóc thanh quý của đàn bà mới uốn rớt rơi trên một phiến gỗ ngà, cạnh một đám cỏ xanh, lẫn lóc giữa vũng nước đổ trong vắt soi thấy mây trời. Cái gì cũng là dấu hiệu. Đàn bà. Không. Không hẳn chỉ họ. Tôi nghĩ đến một người nào đó thôi, không hẳn thuộc về, giống nào. Một người để xác nhận sự có mặt của mình ở đời sống hiện tại và để mình kiểm điểm lại những bước đi trong đời sống đó, thế thôi. Một bóng hình nào đó, đừng xấu xí đến làm chán ngán, nhưng cũng đừng đẹp quá để phải ngỡ ngơ. Tôi muốn gì. Không muốn gì hết.

Có thực không. Chẳng có gì chắc chắn. Nhưng trong chiêm bao thì lại khác. Tôi thường mơ thấy, những ngày cuối năm, từ đâu bay về một giải mây ngà. Giải mây thành chiếc khăn lụa thơm nức mùi nước hoa là đà bay xuống cổ tôi. Và khi đưa tay lên mân mê, chiếc khăn đã là cánh tay nuột nà mát dịu vòng quanh hai vai mình chết ngất, rồi chỉ một thoáng xoay người nhẹ nhàng, cánh tay đã trở thành con rắn lóng mướt vắt mình lên mặt tôi. Con rắn. Rắn nào, ở đây không bao giờ có rắn, các ông cha phát bờ dẫy bụi hàng ngày quanh viện, và hàng cây ngăn cách vùng đời với nơi tĩnh mặc thâm u này cách xa cửa sổ phòng tôi đến hàng cây số. Cũng chẳng thoáng bóng đàn bà. Người ta cấm đàn bà vãng lai từ biên giới của tu viện. Nhưng thỉnh thoảng, như trên trời mở hội tung bùng và một bóng dáng lạc đường từ khoảng mây thưa nào rơi

xuống, ngoay ngoắt sau bờ hoa tím của lối đi bên kia một cánh áo trắng mơ hồ. Cánh áo trắng và giải tóc đen.

Chỉ thế thôi. Không kịp thấy gì hơn nữa. Ông cha cùng phòng đã vội vàng đóng cửa sổ, liếc xéo về tôi ra dấu ngấm ngấm, đe dọa và khuyến cáo, rồi ngồi vào bàn, cuốn Kinh trước mặt lại mở ra. Tôi vẫn cười về cử chỉ lấp liếm trấn áp của ông ra. Nhưng cười cả tôi. Bởi mỗi lần như thế, tôi đoán chừng nhiệt độ nổi loạn nơi ông ta, và nhận ra, ở người bên cạnh cũng có một chất gì giống hệt mình. Chính cái chất tương hợp đó kéo tôi lại gần ông ta. Phòng tôi có hai cửa sổ và ba người. Mỗi cửa sổ mở xuống ghềnh đá bờ biển nơi sóng không bao giờ ngưng tiếng gọi kêu, một cửa sổ ở phía đối diện nhìn xuống con đường cát trắng quanh co giữa hai bờ dương liễu xanh thưa dẫn

xuống vùng ngựa xe đời thấp thoáng đi về. Một ông cha là tôi. Một ông cha là người dẫn đường lắm cảm thương vác kinh xuống phòng nguyện giảng cho các bà già của xóm lưới, ít khi có mặt trong phòng. Và ông cha ngồi kia, Ông ta còn trẻ, mập và hồng, vì thế mồm mím dễ thương. Đôi khi tôi nhìn ông ta như nhìn con búp bê. Và muốn vuốt má. Đã có một lần như thế. Ông ta hoảng lên, chạy ra ngoài và đóng bật cửa phòng sau lưng. Tôi bị nhốt nửa ngày trong phòng. Nằm nghĩ đến ông ta. Phải chỉ ông ta rắn rỏi và quyến rũ đôi chút trong con mắt nhìn. Ông ta không có gì cả, giản dị và thật thà, hai đức tính mà tôi ghét cay ghét đắng trong mọi thứ tính kỳ quái của con người. Tôi vẫn mong chờ ở ông ta một điều gì đó, và trong những lúc ngồi gẩn, tôi thử tản mạn gợi chuyện, đánh thức ở ông ta một vài lao xao của người đời. Bởi

vì tôi đang như thế và ích kỷ muốn có bạn đồng hành với tôi. Ông ta vùn vằng, gắt gỏng, và thường lên giọng chỉnh lại. Cái vệt khói đã đứt quãng thành những mảng xám rả rời theo chân mây. Những ông cha cũng tản mát vào trong viện. Chỉ còn những tầng lửa than sáng rực trên mặt đất. Ông cha xấp cuốn kinh hỏi tôi nhìn gì dưới đó. Tôi trả lời, lửa. Ông ta nói, nhìn đâu cũng thấy lửa cả sao. Tôi cười, tại vì nơi nào cũng có lửa, vậy cha muốn tôi nhìn lửa ở cửa này hay lửa ở cửa kia. Ông ta âm ừ như muốn nói điều gì. Tôi quay lại. Mặt ông ta lúng túng đỏ gay. Hình như ông ta định làm gì ở khung cửa, cho nên hết nhìn tôi lại nhìn ra khung cửa sổ mở xuống đời. Khi tôi đứng gần lại khung cửa, ông ta bất thần nhòm dậy và kêu lên. Nhưng không kịp. Tôi đã nhìn thấy. Bờ cây xanh hẵng ra một khoảng trống từ bao giờ. Và từ khoảng

trống, tôi nhìn thấy rõ, sao thế, nhìn thấy rõ khung cổng rộng có lính gác của cái đồn quận gì đó, với dãy nhà mái trắng, tường quét vôi vàng nhạt, với từng khung cửa nhỏ đóng kín hình vuông. Tự nhiên tim tôi đập loạn lên, trong trí những sợi dây nho màu tím, giải khăn quàng trắng của chiêm bao, những lọn tóc diêm bào, cột khói lên chân mây, cùng với cánh áo trắng chập chờn trước đó. Áo trắng và tóc đen trước đó. Người con gái đi, mặt cúi và người lao đao, từ khung cửa sổ vuông của dãy nhà mái trắng đến cửa đồn như một bóng ma lảng vảng. Có cái gì lạ lùng xảy ra nơi người gái. Hình như một giọt nước mắt, một cơn xúc động, hay là một ngọn lửa nào đó. Tôi khoanh hai cánh tay lên thành cửa sổ. Ông cha hỏi, tôi cảm thấy cha không yên. Tôi nhìn người gái bước chân lên tới con đường nhựa và bây giờ thì có thể trông rõ mặt nàng hơn,

vâng tôi không yên. Cha bỏ đi à, ông cha hỏi. Tôi nói, không phải tùy tôi. Thế cái gì. Tôi lặng yên để tự trả lời, có thể vì cái bóng trắng dưới kia.

*

Thêm một chiếc xe đò nữa rời bến. Đám đông nhôn nhao lùi lại phía sau. Không biết là lần thứ mấy rồi, từ cổng đồn đi hết, con đường phố chật hẹp đông đúc, đầy bụi, người, xe ngựa, hàng quà, qua khoảng đất hoang và đến bến xe này, đứng dưới nắng mênh mông đau mắt, nhìn và không thấy gì xung quanh, nghe ngọn lửa hừng hực còn bốc lên nồng nàn xác thân tâm trí, mừng tượng thấy những hình ảnh lu mờ qua lại xung quanh, nghĩ và không đi đến một ý tưởng dứt khoát rõ rệt nào, chao chộng mông

lung trong thứ hơi ẩm ngun ngút mịt mù nóng hổi và rồi cuối cùng chỉ còn màu đỏ màu vàng trộn lẫn bốc mù hai mắt nhắm nghiền khép kín ảnh hình vừa vội vàng và đón đau bỏ lại đằng sau, cảm giác thấy một phần người bỏ quên, gởi lại, phó thác, chôn vùi bên trong cánh cửa phòng sơn màu xám nhạt phảng phất mùi ẩm mốc và thuốc súng ấy. Còn mang theo khắp trên quần áo mỏng manh mùi vương vất của mồ hôi, cát bụi, hơi nóng và những thứ mùi không tên của đời lính. Và hình ảnh chàng, như một tượng tạc giữa công trường nào, yên tĩnh và bất biến, im lìm và tràn ngập những điều không thể nói ra. Và Chiêm đã để cho chiếc xe thứ nhất, thứ hai rồi thứ ba rời bến trở về thành phố bên kia ngọn đèo hiểm nghèo hình khuỷu tay quanh co. Như tất cả những lần trước. Và đứng im trước những mũi nhọn mắt nhìn thiên hạ. Hình ảnh đã

quen. Và họ vẫn nhìn, như ruồi nhặng không bao giờ buông tha một đồng rác. Đối với họ, Chiêm cũng chỉ là một đồng rác. Họ biết hết. Chiêm đã bỏ nhà từ một năm nay, về một nơi khác, xa lạ, để thỉnh thoảng, tìm về cái đồn lính đìu hiu buồn tẻ đó thăm một người đàn ông, thăm và ở lại một giờ. Một buổi. Vội vàng. Lo ngại. Ray rút. Không bao giờ được một ngày. Một ngày no đầy cho một đời sẽ đói khát không nguôi.

Bọn con gái bán nem và bưởi ào ào chạy tới như một đàn ong vây quanh Chiêm la lối mua cô nem cô nem ngon cô. Chiêm nhăn mặt đứng yên. Ngọn nắng buổi trưa xoi mòn dần trên nét mặt ngỡ ngàng đờ đẫn những ám ảnh bông bênh còn lại. Và chiêm thấy rõ, như sau giấc ngủ vùi nhiều ngày, từng khuôn mặt xoi xĩa nhìn lại phía mình thì thào. Những

người buôn bán. Mấy đứa học trò. Và vài người giáo viên, hương sư trong quận. Thường lệ thì Chiêm chống lại những mũi nhìn nhọn vất đó bằng cách ngênh mặt lơ đi, hoặc bằng một thản nhiên lạnh lẽo. Bây giờ thì không. Không còn gì trong lòng, kể cả sự thù ghét không đâu, nỗi ấm ức ngấm ngấm, và sự chống đối, phương tiện cuối cùng để tự vệ. Chiêm mỉm cười. Với đám đông. Với sự dè bủ mỉa mai khinh miệt. Và không với một người nào. Một điều gì cả. Chỉ khoảng không. Khoảng không ấm và thơm như vùng tối mờ đóng kín cửa căn phòng sau đó.

Đàng sau, những chuyến xe vẫn âm âm tấp nập lại qua. Chiêm nghe tiếng réo gọi vang lừng của một đoàn lính không biết trở về hay lên đường. Và Chiêm nghĩ đến Hậu. Bây giờ có lẽ cũng ra xe,

và sắp qua cái cổng rộng sơn màu nâu lam nham căng cái bảng vàng nghệ kẻ sơn xanh ba chữ gì nhơm nhếch không bao giờ Chiêm đọc thấy. Ba chữ buồn rầu và héo hắt như những buổi hẹn hò bấp bênh vội vã, những hạt hơi đuổi bắt chút lửa tàn của mặt trời chiều không biết phút giây nào lịm tắt. Bỗng dưng Chiêm cảm thấy sợ hãi đến xoắn lên trong lòng những cơn cào kỳ dị. Những phút giây vừa rồi choáng đến như một làn chớp sáng, bây giờ đã mất tăm dấu tích, không còn gì ngoài những cảm xúc lặng lẽ buồn rầu còn vương vất trên tóc da những cảm xúc mỗi lúc một lu mờ dần và Chiêm lắng nghe nỗi buồn tan vào cõi không nào trống lốc. Cho đến một lúc nào đó rồi sẽ mất hết, không còn gì nữa. Không còn gì ngoài khoảng trống đó, cái khoảng trống tan hoang không còn một lần được làm đầy như cũ. Có

thật không. Điều đó thật dễ dàng, mau chóng. Như lần nào trở lại đây, cổng đồn còn mở cánh cửa phòng vẫn khép hờ chờ đợi trong ngày hò hẹn, nhưng người bên trong không phải là Hậu, hay không một ai. Và đến khi đi qua cái cổng đồn buồn rầu đó lần nữa chẳng bao giờ còn được mang theo cảm giác bàng hoàng cơn sốt mê man mù lòa tâm thể. Và rồi thì suốt đời không bao giờ nữa... Một phần nào đó tê điếng nín câm, một phần nào đó ngùn ngụt thiêu đốt, nóng và lạnh, tỉnh và mê, Chiêm nghe cơn sốt dị kỳ sóng cuộn dâng lên, cùng với hình ảnh của khoảng trần nhà quét vôi lam nham mờ trắng, những đọt nắng chích qua khe cửa long đình, những tiếng động xa xôi bên ngoài lao xao vọng tới, hơi thở ấm áp bỗng xa lạ sau những ngày tháng chia lìa của Hậu. Và những nan chông chông đẩy chìm nàng xuống, nâng bổng Chiêm

lên trên khoảng không lơ lửng chơi với không tháng năm không nơi chốn không ảnh hình màu sắc gì hết. Với nỗi đau đớn không cùng thâm lặng trong say mê ngiên ngẫu, nỗi linh cảm dấy lên từ ngọn cây xanh hạnh phúc nắng tràn về chia xa trong đoàn tụ; giây phút giữa dài lâu, tang thương trong bất biến, bất an trong êm đềm. Cảm giác đó vẫn chen lấn, thôi thúc, dồn đuổi Chiêm lẫn mình vào cơn say ngất ngây mê sáng của những lần tới đó. Như khi cánh cửa mở ra, mặt trời đổ xuống, mặt nhìn thấy rõ nhau là hết. Một đời sống khác lại vén lên, có thể tươi sáng và có thể âm u, không biết trước, nhưng chẳng bao giờ là giây phút thiên đường của một đôi môi chết đuối trên môi, một cánh hôn chập chờn theo hôn, và vòng tay chằng chịt muôn đời cổ thụ vây bủa rừng tình thăm thăm nữa. Có thể là sự chết, có thể là tai họa, có thể là

bất cứ gì xảy đến. Nhưng hãy đừng cảm tưởng trống không hụt đường ghê khiếp đó. Mà bây giờ nó đến. Nó đậu khắp trời như những đóm chim đen. Nó râm rập bổ cánh xuống tim óc Chiêm. Nó làm rợp trời bóng tối nghìn đời ma quái. Nó che đường em đến tìm anh. Nó ngăn mất lối hạnh phúc rọi ngời. Nó làm cho tôi mù lòa mọi mê, mất dấu không nhìn thấy tôi.

Chiêm mở to mắt nhìn đám đông xung quanh, như mới lần đầu tiên trông thấy và hoảng hốt như người bỏ quên báu vật trên chuyến tàu tốc hành khi xuống sân ga, lão đảo trở lại quảng đường phố hẹp. Loáng thoáng trong mắt Chiêm những cành mai còn nụ, Những chiếc bong bóng màu chớp chơi đầu sợi dây mong manh, lũ trẻ con mặc áo mới chạy tràn ra đường Tất cả đảo điên quay

cường, tản mát và quay tít để cuối cùng tụ lại thành một điểm đen thăm thẳm âm u hai con người chàng xuyên qua khắp hình hài tôi giây phút nào gần.

Tiếng pháo giật từng dây thần kinh căng thẳng của Chiêm treo lên cao, giật từng cơn chót vót nhức nhối. Tiếng người lính gác cổng cười nghe hăng hắc như mũi nhọn xoắn vào tim. Cảm giác bất an lại trườn lên khắp thân trí. Đã từ lâu như thế, mỗi lần đến với chàng. Và bây giờ cảm tưởng lan rộng thành âm thanh, thành tiếng động vang lừng bốn phía.

Người kiểm giấy quen mặt hỏi Chiêm bằng cái cười nửa miệng, cô lại quên gì trong đó nên trở lại sao. Chiêm cười cho qua đi, vâng vâng, tôi bỏ quên. Và hai chân thoăn thoắt cuống quýt tui mừng như đã lâu ngày chưa tới đó, chưa

gặp mắt người tình, Chiêm phóng lên những bậc thềm xi măng nóng bỏng, gõ cánh cửa khép hờ, không chờ cánh cửa mở, nhào người vào trong đó, và lùi lại một bước, đứng im trân trối nhìn lên. Hậu đó. Hậu đang mặc áo. Chàng ngừng những ngón tay trên hàng nút và thản nhiên dịu dàng mỉm cười, vẻ dửng dưng điềm tĩnh trấn an của người đàn ông vẫn làm người đàn bà đòi hỏi những bày tỏ nồng nàn sững sờ phải hờn dỗi:

– Em còn trở lại nữa sao.

Chiêm buông hai tay, hai con mắt vẫn mở to với những giọt mồ hôi viền quanh hàng mi dài.

– Anh muốn em ra về hẳn.

– Em vẫn nghĩ ngược lại điều anh muốn nói. Đàn bà như thế không sao sung sướng và an tâm.

– Thì vì thế mà em trở lại, không an tâm.

Hậu vùi đầu tóc Chiêm vào khoảng ngực áo chưa gài:

– Thế em sung sướng không.

– Càng sung sướng, càng không yên tâm. Và chính vì không bao giờ được an tâm nên mới cảm thấy được tận cùng sung sướng. Sao hai điều đó lại mãi hoài đi đôi với nhau anh.

– Chỉ đi đôi trong tâm trí như em. Anh không bao giờ. Mỗi một cảm tưởng đều biệt lập tách rời. Và nếu chúng tìm đến nhau, ta phải tách rời chúng, nếu muốn hưởng đầy phút sung sướng.

Chiêm đẩy Hậu ra, vuốt lại mái tóc rối:

– Bây giờ thì em không ao ước một niềm vui, một hạnh phúc nào nữa hết. Chỉ cầu xin được mãi hoài như thế, thỉnh thoảng một lần về thăm anh, và anh còn đó, nguyên vẹn.

– Em muốn nguyên vẹn trong nghĩa nào, xác thân hay tình cảm.

– Bình thường thì mong cả hai, ai chẳng thế. Nhưng bây giờ, từ những chuyến đi bất định bấp bênh, em chỉ cầu anh đi và về, nguyên vẹn như hôm nay, còn thì, anh nghĩ đến một người nào, anh thuộc về ai, em cũng không cần nữa. Miễn là còn anh đó, miễn là đừng bỏ ngõ một khoảng trống nào trong tháng ngày em.

– Hôm nay em ăn nói thế nào...

– Bỗng dưng em cảm thấy mất một

cái gì, vĩnh viễn không tìm thấy nữa, và để những chuyến xe rời bến đậu, em trở về với anh.

– Anh sắp đi rồi, còn được năm phút nữa với em.

Chiêm sà xuống ôm ngang đầu gối Hậu :

– Năm phút thôi sao. Năm phút cuối cùng cho một thời gian dài chờ đợi nữa. Không biết khi nào thì hết đợi chờ.

– Sắp yên rồi, lần này thì anh giải ngũ, chúng mình đem nhau đi vỡ đất hoang.

– Mất của em một phút rồi vì dự trữ viễn vông của anh.

Hậu kéo Chiêm lên. Lửa trút qua môi hương nồng tẩm áo, họ nhắm mắt

đi nhau lên cao chơi vui trên đỉnh trời ngập tràn màu đỏ chót vót của cảm giác. Thoáng ru ngủ say nồng bay vút qua mau cho tay rời tay môi lia môi và Hậu nói như lần đầu nào tìm đến.

– Để cho anh ra khé cửa sổ, người ta đi qua nhìn thấy chúng mình kia.

– Đừng anh, để cho trời ngó thấy, em muốn cho trời và mọi người cùng ngó thấy, em hết sợ gì nữa rồi, khi một sợ hãi lớn lao nào tới, tất cả những pháp phòng lâu nay đều vô nghĩa hết.

– Em sợ gì nữa, anh đã nói chuyện đi tới sẽ là cuối cùng, và chậm nhất là mồng sáu Tết, mình lại gặp nhau.

– Mồng sáu năm nay hay mồng sáu năm nào khác em vẫn còn can đảm và kiên nhẫn tin đời mà chờ. Nhưng cảm

thấy lần đi này như xa và lâu, đến không biết bao giờ mới gặp lại nhau, hay là...

Ngọn gió tình cờ nào đánh bật cánh cửa sổ, thổi tắt ánh sáng cuối cùng cho căn phòng mờ tối làm khoảng đêm tạm bợ ngậm ngùi và hai người lại lăn vào nhau.

– Nói thật thì ... em sợ không còn thấy anh về nữa.

– Thà như vậy. Bây giờ bọn đi đánh chỉ mong hoặc trở về, hoặc không còn hơn, khi yên giấc rồi, trong lúc người ta nháy nhót vui chơi, mình không còn tay để ôm, không còn chân để tung tăng... Tưởng tượng anh còn trở về, nhưng một ngày nào không còn hai tay ôm em như hôm này nữa. Hay tệ hơn, còn những điều khủng khiếp và đáng thương hơn, cho người đàn ông, cho đàn bà mình dấu

yêu còn chờ đợi đó, nếu... em nhớ một truyện Hemingway không. Như thế đó. Hết giờ của chúng mình rồi, anh phải đi.

Chiêm trở mắt đứng nhìn Hậu cài lại những nút áo trước ngực. Những nút áo như khép lại một lần cho đời đời trên khoảng da ngậm ngùi đầu tựa môi hôn. Những băng đạn vòng quanh lưng. Chiếc mũ đong che khuất gần nửa mặt. Lựu đạn và súng. Đôi giày khổng lồ buộc dây chằng chịt che kín bàn chân. Hậu biến thành một người khác trong mắt Chiêm bây giờ hao hụt thảng thốt nhìn lại, một người nào cách biệt và xa lạ.

Tiếng một người nào gõ cửa. Hậu nói:

–Tôi ra ngay đây.

Chiêm níu cánh tay Hậu bây giờ cứng nhắc, nặng trĩu xuống với cây súng:

– Hết rồi, phải không anh.

– Mông sáu anh về.

– Nếu còn được một phút cho em, chỉ một phút thôi, em sẽ sống hơn tất cả những lần đã trải qua với anh. Nhưng phút đó sẽ không bao giờ tới nữa.

– Em ra trước đi.

Hậu không nhìn thẳng Chiêm. Trong một thoáng, tiếng Hậu bây giờ xa lạ, như của một kẻ nào chưa phút giây gần. Như hai người đã lững lờ chảy qua một dòng sông rộng. Bên này và bên kia. Mờ xóa hết những dấu chân bờ tình trùng điệp diu nhau những ngày đã khuất.

Chiêm đi mau ra khỏi khung cửa, khỏi cổng đồn. Tiếng rồ máy của những chiếc xe mười bánh đuổi theo ra tận con đường tới chợ. Chiêm áp bàn tay lên má,

hai mắt mở lớn trên những cành mai càng thắm qua đường, mong sáu anh lại về với em, chỉ mong sáu thôi mà, có mấy hôm.

Đầu gối trên hai tay, hai tay ôm choàng bờ đất có non bờ đất cỏ non chạy dài thẳng tắp lên đỉnh trời vàng hoe nắng chói, nắng trong như lọc từ ánh trắng xanh nào một đêm thật lặng thật sâu không mây gió không thanh âm, Chiêm nằm như một con thằn lằn áp trên vách lạnh, và nức nở khóc. Khóc bằng hai con mắt nhìn lên sáng rõ khát khao đỉnh trời trong vắt trên kia không bao giờ tới nơi, gần đó mà xa vời không cùng, mà cách biệt muôn trùng, cho nước mắt chảy dài loang lổ những sườn đất hồng ướm mịn dưới kia, nơi dấu chân ngày tháng điêu tàn vết tích của một thời dĩ vãng hoang đường. Những móng tay dài tước máu –

cao mãi hoài không nguôi ngoai luồng đất mềm cầu xin trườn lên một đời dài lỏng lẻo lê thê. Cho tôi lên chết ngắt trên tòa lầu bằng kính vỡ rành trong suốt đó. Ánh sáng xanh ngắt của trăng thanh lồng nắng lụa nào long lanh chập chờn qua từng làn kính thủy tinh óng ả. Và bốn bề hoa lá xanh ngắt thời gian buông rèm hư không. Không ai trên đó, nơi yên tĩnh và mênh mông ngự trị. Tôi khóc bằng nước mắt một đời ước vọng không nguôi những mộng mơ dạt dào, những thiết tha ngưỡng vọng, những hấp hối van xin. Không được gì cả. Những ngón tay trần trụi mù lòa gài sâu trong đất, không ngoi lên được một nhích động thân hình trên khoảng sáng. Thôi buông tay. Nhưng hồn không buông mây. Mây bây giờ trôi về trắng xóa. Cho tôi lên trên ấy, Chiêm khóc những giọt nước mắt dài. Khóc những giọt nước mắt tròn. Khóc

những giọt nước mắt tình yêu và sự chết, mừng tủi và khát khao cái gì không có trong tay không có trong đời không có ở nơi đâu.

Người đàn bà nào đi qua, áo màu lông keo thăm thẳm, tóc đen dài chảy suốt triền miên xuống sườn non cỏ biếc, và hỏi như ngày xưa tiên hỏi vì sao em khóc. Chiêm nói cho con lên trên đỉnh trời, vào trong lâu đài thủy tinh chói nắng kia. Người đàn bà nói ngày xưa tôi cũng từng ao ước thế.

Và rồi tôi đi qua đất hứa. Qua đất hứa và rồi em sẽ có tất cả những điều gì đang khát khao kia. Chiêm nói em không bao giờ tới nơi đất hứa. Người đàn bà nói tôi dẫn em đi. Và cánh tay Chiêm trong tà áo bà ta bay lên thình không. Những trứng thấp và sườn cao, những đỉnh trời và vực thăm bay vút dưới chân nhấp nhô như

muôn trùng sóng lượn. Và họ dừng lại. Đó là khoảng đất bằng phẳng trắng ngát trên một đỉnh non cao ngất lòng mây. Những người con gái mặc áo trắng xếp hàng đứng yên chờ đợi. Người đàn bà chỉ ngón tay hồng lên mô đất trắng. Hai vầng chữ đỏ máu hiện lên trong hình tròn như con cờ tướng. Chiêm đọc thấy hai chữ đất hứa. Bà ta nói em bước qua đất hứa đi. Chiêm nói nếu qua đó để đạt đến những điều cầu mong, con không bao giờ đạt tới, hoặc đạt tới không điều kiện trao đổi nào. Con chết vì khoảng trời trong vắt trên kia, nhưng không vì thèm sống đến đi qua đất hứa. Người đàn bà nói, hàng đoàn con gái đến cầu xin ta cho qua đất hứa để đạt điều khao khát, nhưng ta chối từ, sao em lại ngược họ. Chiêm nói, vì con không là họ. Vì điều khao khát họ ở trong đời, và của con ở ngoài đời. Và cũng không ở đâu cả.

Nước mắt trôi xuôi mờ xóa hai chữ đỏ máu và mặt đất bỗng quay tít lu mờ. Chiêm nghe mình rơi xuống khoảng không, đầu úp trên cánh tay, sườn đôi cỏ non vẫn dựng đứng lên đỉnh trời chắt ngát tòa lâu đài thủy tinh chói vàng nắng sáng. Những tiếng nấc đánh thức giấc chiêm bao bây giờ đã dứt với ngày vàng rực nắng lên. Tiếng pháo bốn bề rời rạc nổ muện. Chiêm bước qua cổng đồn. Mấy người lính đổi phiên canh chằm ngòi pháo lẻ năm tung lên quảng về phía Chiêm muốn nói, tội bây coi chừng, ông trung úy phạt bây giờ. Nhưng Chiêm cười với tiếng nổ và mùi cháy khét lẹt dưới chân. Ngòi pháo chằm thủng một phần tà áo trước. Chiêm ngẩn ngơ đứng dừng lại. Mấy người lính sững sờ cuống quít gọi nhau, cháy áo người ta rồi tội bây ơi. Chiêm ngẩn ngơ một lúc nhìn khoảng áo cháy xem bằng bàn tay, thần

trí đắm chìm theo giấc chiêm bao và bỗng đứng tiếc quắt quay đã không chịu đi theo người đàn bà qua bên đất hứa. Bây giờ thì muộn rồi, dù chỉ là thoáng chiêm bao.

Nhưng em có cần đất hứa đâu, cần anh thôi. Chiêm lại mỉm cười và bước thẳng vào trong đồn.

Chiếc xe hồng thập tự viện trợ màu trắng kẻ chết thập đỏ nằm im huênh hoang trong sân. Chiêm ngửi thấy mùi tanh của thuốc lẫn máu Một thoáng rùng mình, nhưng Chiêm nghĩ cái chết luôn luôn thuộc về những người cô quạnh lẻ loi. Và nàng thản nhiên như những buổi hẹn hò chai lì với mắt nhìn xung quanh, với vực sâu linh cảm, với phập phồng lo âu, bước lên thêm căn nhà mái trắng. Cánh cửa mở vào căn phòng trống không. Chiếc giường thiên đường ngắn

ngủ đã dời đi nơi khác. Không một dấu tích trong góc phòng mờ tối vắng tanh. Những cánh cửa sổ lắc lư gió đánh. Tiếng của một người nào ma quái sau lưng:

- Có phải cô hỏi thăm ông Hậu.
- Ông là ai, bạn Hậu?
- Không. Là bác sĩ quân y.
- Hôm nay có phải là mồng sáu.
- Vâng mồng sáu, anh ấy hẹn về với cô mồng sáu.
- Tôi đúng hẹn mà, mà anh ấy đâu.
- Sai hẹn rồi.
- Và ông đến thay thế khát hẹn giùm sao.
- Không tôi làm phận sự.

– Với một người không bệnh hoạn.
Ông tưởng tôi đau.

– Rồi cô sẽ đau. Và rồi với chữa chạy
tận tình, sẽ lành.

– Tôi không đau, hoặc đau và chẳng
bao giờ lành. Tôi cũng như chiến tranh.

– Chiến tranh làm chết người, cô
không.

– Ông nói gì thế.

– Về ông Hậu. Cách đây vài giờ ông
ấy còn nói với tôi là...

– Sao lại còn, còn cùng có nghĩa là
hết.

– Vâng, là hết, xin lỗi, tôi không phải
là y tá, mà bác sĩ. Bác sĩ thì chữa, y tá an
ui. Tôi thiếu đức tính của y tá.

– Việc gì vậy, xin đừng quanh co, tôi cảm thấy...

– Cô cảm thấy đúng, để tôi ra.

– Anh ấy đâu.

– Cô muốn nhìn anh ấy không.

– Không. Tôi muốn gặp.

– Đôi khi nhìn cũng là gặp, và gặp cũng chỉ là nhìn thôi. Cô đi với tôi. Cô khỏe chứ.

– Đi đâu xa sao.

– Phòng bên kia. Nhưng sẽ xa cả dặm đường.

Chiêm lẩm bẩm:

– Sao mình đã không bước qua bên kia bờ đất hứa.

– Cô nói gì vậy, coi chừng cái bậc thêm xuống. Hình như cô không thấy gì nữa cả.

– Vâng, tôi bước trong ánh sáng, và trong bóng tối một lúc nên không thấy gì hết.

– Đất hứa nào.

– Trong chiêm bao, tôi không qua đất hứa.

– Hứa gì.

– Hứa cho đạt đến điều khát khao.

– Khát khao gì.

– Trong chiêm bao là đỉnh trời có lâu đài thủy tinh. Bây giờ là anh ấy. Anh ấy đang làm gì đó ông.

– Đang mặc chiếc áo cuối cùng cho đời người.

Hai chân Chiêm chụm lại và lão đảo nghiêng xuống sân nắng.

– Tôi dẫn cô đi, nhé.

– Ông có thấy áo tôi rách không, dấu tích của ngày Tết. Rồi tôi sẽ thay áo, chiếc áo cuối cùng cho đời người, như anh ấy. Nhưng tôi không tin những điều ông nói đâu.

Lối đi bằng phẳng lối đi quanh co lối đi sáng tối Chiêm không biết. Cánh cửa một căn phòng xa lạ mở ra đóng lại. Chiêm nhắm mắt, và mở mắt. Những hàng băng ca sát nhau trên đất. Những tấm ra trắng thùng thành phủ lên trên, ngòi pháo nào nổ toang trong mắt, và trong thần trí Chiêm mông lung quay tít Chiêm nhớ, hôm nay mồng sáu Tết.

Người bác sĩ nào đó nói, băng ca thứ nhì, bên trái, cô đến thăm, rồi tôi dẫn ra.

Chiêm quì gối xuống vị trí định mệnh chỉ dẫn. Cánh tay người thầy thuốc vươn dài như loài rết cây trong nghĩa địa nhiều ma gỡ tấm khăn trắng kéo hẳn xuống. Hai bàn tay Chiêm vội vàng úp mặt. Tiếng thét nổ bùng như pháo lẻ. Hôm nay mồng sáu Tết. Tiếng pháo cuối cùng. Nổ cho cháy thiêu hình ảnh. Ngòi pháo lẻ cũng đốt cháy mặt anh như đốt cháy áo em sao Hậu. Và thân hình nữa. Hai tay hai chân đau. Mặt mày môi má tóc tai da thịt đau. Đau. Đau. Đau.

Chiêm nhào người lên, lao vút ra khung cửa nắng. Nàng chạy vào căn phòng cũ. Mở toang những cánh cửa. Nhìn xuống nền nhà vắng. Tìm kiếm những dấu chân, những dấu tay, những vết tích khuất chìm. Muốn đập vỡ bốn bức tường. Muốn lật tung mái nhà. Muốn đục sâu mặt đất. Hậu ơi Hậu. Hậu trốn

đâu. Người nằm bên kia không phải. Phải không. Không phải. Phải. Người đàn bà áo lông keo biếc trong chiêm bao. Người bác sĩ. Những người lính gác. Tiếng pháo nổ. Những cánh mai vàng. Bong bóng. Trẻ con áo đỏ áo xanh. Tá cả bay vút lên trời hết rồi,

Và tôi nữa, cho tôi bay vút theo cùng với. Chiêm chạy. Tóc xõa tung trong gió lên. Áo rách tả tơi lật hai tà đằng sau quãng đường bụi đỏ. Trước mặt là con đường ngựa xe rời rạc, bóng người nhấp nhô. Cuối con đường là dòng sông. Và chiếc cầu gỗ Hậ Hậ ơi. Em chờ ở chiếc cầu gỗ, hãy tới. Dù chậm trễ, dù muộn màng. Hãy tới. Mông sáu vẫn là xuân, mông mười vẫn còn Tết. Còn cả đời dài và bao nhiêu lần Tết, hãy tới, anh thôi, không một người nào khác. Tới với ngọn pháo lẻ đã châm ngòi cháy nám mặt mũi

tóc tai. Trời ơi, pháo, không, súng, bom, mìn, hay gì đó. Chuyển đi đầu năm, chuyển đi cuối đời, và ngòi pháo ngu xuẩn nào đã mù quáng nổ tung lên.

Không cách nào ngủ được nữa đã mấy đêm nay. Chẳng phải vì mười mấy tách cà phê không đường liên tiếp buổi tối. Mà những tiếng gõ cửa chập chờn, xa lắc. Tiếng gõ cửa chậm và đều, đôi khi rời rạc, vào trí óc bao lâu ngậm ngùi đóng kín cho một ép xác tự ý và vô ích. Bây giờ thì thấy rõ là mình muốn gì rồi. Ra khỏi nơi đây, và thay đổi cái áo. Nếu không thì trở nên lỗ bịch vô cùng, với xung quanh, và chính tôi. Tôi đã hiện rõ lên từng nét sau màn sương mù trắng của chiêm bao. Chỉ tôi biết tôi cần gì và muốn gì. Phải đi – Bất cứ đâu – Phương tiện nào. Còn lý do. Nhiều mà cũng có thể không lý do nào cả.

Lẽ ra phải quyết định từ những ngày cuối năm. Từ cái bóng trắng loáng thoáng của đôn bên đó. Nhưng mà công việc lằng nhằng níu kéo tôi lại thêm những ngày đầu năm, đầu năm và cuối cùng của một quãng đời bỏ phí vô nghĩa. Thật ra thì cũng là nơi trú ẩn. Vì tôi sợ tôi, quá sợ nên đã tìm cách chôn giấu chính mình suốt những năm qua. Bây giờ thì không nữa. Ngòi pháo đã nổ tung. Chứ sao. Tự đốt và nổ tung. Tại sao cha Viện Trưởng lại nhờ cậy những việc lạ lùng đến thế trong ngày tết, như đem đến một cơ hội tình cờ cho quyết định tôi. Đi ra phố. Thăm một người bà con của cha, một người đàn bà, tặng quà và kiếm một cành mai. Đã lâu tôi xa đời sống. Tôi luống cuống đi xuống đó. Nhà người đàn bà ở trong quận, gần cái đôn. Tôi đến đó trước khi đi tìm mua cành mai. Và bỗng

nghe được khúc nhạc rơi đã từ lâu quên lãng.

Khúc nhạc gì chẳng nhớ. Nhưng mà nhạc là chết, âm thanh vờn tôi, như con mèo tinh ranh vờn chuột trước khi nuốt chửng. Tôi đã tưởng ngắt mê đi. Bởi vì nó rỉ rả, nỉ non, và thì thào những ngày đã cũ, Hè phố nắng vàng. Những bước chân vùi qua. Khung bàn tròn trải khăn trắng với cốc rượu hồng, không, hai cốc rượu hồng. Tuổi nhỏ bỗng bệnh tóc sống. Những con đường dài không dứt và hàng cây thấp nắng trên đầu. Những chuyến đi. Những hò hẹn. Những suốt đêm say. Những suốt ngày mê. Hư hư thực thực. Và màu vàng của những nếp áo. Màu ngà của những cánh tay. Khoảng nỏn của từng chiếc gáy thon rợn từng lứa thưa tóc rồi. Hai con mắt đen muội. Những chiếc mũi thon và thơm mùi kẹo

chanh. Đôi môi nhênh nhếch gọi mời. Nhiều thứ đã chết đi, đã chồm dậy quay cuồng trong mồ kỷ niệm. Tiếng hát vất lên, như con rắn trườn qua cỏ trong chiêm bao. Nó siết tôi đến nghẹt thở.

Cho nên tôi không nhìn thấy một cành mai nào ngoài phố, chẳng hiểu cành mai không có hay có và tôi lòa không bao giờ nhìn thấy nữa.

Khi trở về Cha Viện trưởng có vẻ không bằng lòng. Tôi hứa sẽ đi Cam Lâm một ngày nào thuận tiện, Cũng chẳng hiểu thuận tiện là thế nào, để tìm một cành mai nở muộn trong rừng cho cha. Rừng đó nhiều mai vàng mọc hoang, bọn mọi trảy về bán trước Tết, bây giờ chắc hẳn còn ít ra cũng một cành cuối cùng trong rừng sâu. Cha Viện Trưởng nói tôi cần một cành mai vào mồng sáu Tết để biếu một trưởng phái đoàn tôn giáo từ Ý

sang, món quà tượng trưng. Tôi nói với mình, cơ hội đã tới.

Những ngày cuối tôi thường đứng cửa sổ sau nhìn xuống. Ông cha cùng phòng lên giọng, cha chờ gì sao. Tôi không giấu diếm, chính vậy. Ông ta lắc đầu, ngán ngao. Thấy nhiều hình ảnh kỳ lạ trong trí tưởng mình những giờ đứng yên cửa sổ nhìn xuống. Hai chữ Cam Lâm nhắc nhở những vùng quanh đó. Người gái cũng từng đi qua. Với người đàn ông nào trong đồn ấy. Họ đã đưa nhau đi chơi khắp trước khi bị ràng buộc vào những hẻm hò eo hẹp đó, chắc chắn. Chiếc đèn tròn và nhỏ rẽ khoảng nước xanh lục chìm đắm rong rêu và ánh sáng qua. Thủy triều với những rặng dứa cong soi mình xuống nước. Chiếc sà lúp chằng chịt những dây chảo nhỏ những thùng dụng cụ thực phẩm và mùi cá

tanh qua Bình Ba những ngày bão lớn. Khoảng nước trong vắt xanh leo lẻo như chế phẩm của đầu cầu Ba Ngòi. Những cành khô gãy guộc chơ vơ dưới màu trời buồn thiu mây vắng của Đồng Lác Đống Trăng. Họ làm gì ở đó. Biển và sóng. Đảo và cát Những giọt nước lấp lánh trên da nâu. Mặt trời quay tít trong mắt nhắm nghiền lắng nghe thú dữ kêu gào trong chân tay tê liệt. Người gái mặc áo tắm. Họ đuổi bắt nhau. Những dấu chân chập chùng suốt bãi. Và đêm sập xuống. Bóng tối đọng đưa những vầng sao ru họ trong vũng mê man. Bây giờ thì hết. Họ đến tìm nhau ở đó. Cánh cửa và căn phòng thật nhỏ. Tôi nghe thấy tiếng một khuy nút bóp bật lên thật nhỏ thật vang. Cái tiếng nút áo bật ra đó. Nhảm, thật nhảm. Con sâu trắng nào bò chậm trên da. Áo giác. Không. người gái có thể là chị em của người nào trong đồn. Tại sao nghĩ tới,

triền miên suốt mấy hôm nay. Không phải là chị em đâu. Cái lối đi ra lão đảo và ngắt ngậy sờ sững đó. Cành cây sau bờ gió động, con chim bé bỏng sau cơn mưa vùi. Mình nghĩ đến cái gì vậy. Bậy bạ. Tôi không còn là tôi nữa.

Tôi mua được của người mọi cành mai gần rừng Cam Lâm. Cành mai đã mở tung tất cả những cánh mong manh vàng rực. Cho nên khi trở về đến quận những đốm vàng đã rụng gần hết. Chỉ còn những nụ non. Những nụ non xanh mướt dịu dàng. Chiếc xe thả tôi xuống bên kia chiếc cầu gỗ để tách về bến đậu, và tôi nghĩ đến quãng đường dài từ phố trở về viện. Tôi đi mãi miết qua cầu gỗ và dừng lại với cảm tưởng một trở ngại đột ngột chặn đường, cành mai vướng đây tay ôm muốn rơi xuống dòng nước chảy. Người gái đó. Nàng quần áo xốc xếch

tóc tai bơ phờ hai mắt đỏ hoe đứng quay lưng về cầu nhìn xuống dòng sông.

– Thưa cha.

Tiếng người gái kéo mắt tôi nhìn xuống chiếc áo. Như cô ta nhìn xuống dòng sông vừa rồi lững lờ trôi chảy đó mà trong tận cùng bất biến lặng im.

– Thưa cha có biết đất hứa ở đâu?

Người gái nói gì tôi không hiểu. Nhưng rõ ràng trong hai con mắt đen trong long lanh ngấn lệ tôi đọc thấy niềm tuyệt vọng và thống khổ không cùng, nhưng đồng thời một tìm kiếm ngấn ngờ mà tin cẩn. Cho nên tôi nói liều tôi cũng đang đi tìm đất hứa. Người gái thắp hai vì sao trong đáy mắt đen muôi còn ướm dẫm, vậy thì xin cha cho con đi theo. Tôi ném cành mai rả rụng cánh vàng từ bao

giờ xuống dòng sông nước chảy. Người gái vẫy chiếc xe hàng sắp sửa chạy qua cầu gỗ và bước lên. Tôi lên theo. Chiếc xe thanh thản xa dần con đường dẫn về tu viện.

LỮ HỒ

Thất tình

Thưa bác. Chắc con phải chết mất.

Dũng nói chậm rãi, đôi mắt vẫn không rời những giọt café đang giỏ chậm trong cốc như những giọt lệ đen.

Ông Phúc không trả lời. Ông bình tĩnh nhồi thuốc lá vào pip. Thong thả rút chiếc quẹt hơi, châm lửa, hít sâu, phun khói...

– Làm sao chết được ?

- Dạ con sẽ tự sát ?
- Tự sát bằng cách nào ?
- Con uống thuốc ngủ.
- Bao giờ uống ? Định chết ở đâu ?

Dững cau mặt. Hai bàn tay dẹt vào nhau :

– Con xin bác đừng đùa giỡn trước sự đau khổ của con.

– Đùa giỡn. Chính con đã đùa giỡn với bác. Đùa giỡn với sự sống. Đùa giỡn với sự chết. Chẳng lẽ, chỉ vì con Thúy đó lấy chồng mà con tìm cách chết hay sao ? Thất tình mà tự tử là lối giải thoát lạc hậu và hạ cấp nhất. Cách trốn đó chỉ nên dành cho kẻ vô học. Con là một sinh viên cao học luật, con đỗ Tú tài Triết học, lẽ nào con lại nhảm nhí thế được.

– Nhưng thưa bác, con không chịu đựng được nữa.

– Chịu đựng. Chịu đựng thế nào ? Con chưa đau khổ lắm đâu. Đau khổ mà còn khóc được là chưa đau khổ. Vui mà cười được chưa phải là vui cực độ. No mà còn ăn thêm được... thì sao lại gọi là no ? Con lãng mạn quá ! Bồng bột quá ! Hãy nghĩ xem. Nếu Thúy bỏ con thì đó là điều may cho con. Một người có máu phụ tình trước sau gì họ cũng bỏ mình. Thà họ bỏ mình sớm khi chưa cưới hỏi, chưa nên vợ nên chồng. Chứ sau khi lấy nhau rồi mới bỏ nhau thì mới nguy khốn. Nàng bỏ đi sớm là may cho con. Hãy mừng đi, đừng nghĩ bậy.

– Nhưng thưa bác, đây là mối tình đầu của con.

– Ai chẳng biết, yêu một người mà

không lấy được là khổ, nhưng đâu có khổ bằng phải sống trọn đời với một người mà mình không yêu. Con có thể khổ sở một phần vì sự ra đi của Thúy. Nhưng với con người tham danh, vụ lợi như thế, coi nhẹ tình yêu như thế, liệu con có thể sống chung đến bạc đầu hay không ? Nó bỏ con sớm là may cho. Nó đã thành thật khi nhận thấy gia cảnh của con không đủ cung phụng cho thói xa hoa của nó. Thúy đã làm một việc phải, không dối trá. Con nên biết ơn nó và... quên đi. Con cũng đừng cho là bác chủ quan. Trước kia, bác cũng đã gặp chuyện linh kinh như thế. Bác đã định tự sát... Và sau cùng nhờ một duyên may, bác đã không chết và sống tới ngày nay với một vợ bốn con và con thấy đó. Rất hạnh phúc.

Dũng ngược nhìn lên. Ông Phúc vẫn đứng ở cửa sổ. Mái tóc hoa râm. Cái pip ngậm chéo lên miệng. Sau lưng ông, cả một khoảng trời cao xanh vút. Đám mây trắng nhẹ nhàng trôi qua. Dũng cảm thấy phờ phớt như mái tóc của Thúy... của người yêu đã mất. Đôi mắt Thúy bỗng hiện ra trong hình ảnh linh động. Nó sâu thẳm và đăm đúi, thêm một chút đần đo. Tia mắt ấy đã có lần xuyên sâu vào trí tưởng Dũng. Đọc được những tâm tưởng đam mê đầy vị kỷ của anh. Ông Phúc đã có lý khi nhận xét về tâm tình của Thúy. Lời an ủi của ông vẫn chưa đủ sức mạnh giúp cho anh hết đau khổ. Trên thực tế, Dũng, đứa con mồ côi từ ba tuổi, lớn lên dưới sự đùm bọc của ông bắc nhiều từ tâm và học thức. Ông Phúc là người lạnh lùng nhưng lại có những tình cảm bao dung và sâu sắc. Dũng chưa hề được giận hờn ông. Cả những khi bị trừng phạt vì

có lỗi. Bà Phúc, người mẹ lăm lòi và ích kỷ như hầu hết các bà mẹ cũng không hề hẹp lượng với Dũng. Bà đã dành hết sự cố gắng vào việc lo lắng cho chồng, cho con và Dũng cũng no ấm nhờ lòng ích kỷ cần thiết đó. Dù Dũng là em trong gia đình nhưng vì lớn tuổi hơn bấy con ông Phúc nên cả nhà đều coi anh như anh cả.

Sự thật, Dũng đã hiểu ông Phúc như thế nào mới dám đem chuyện tình duyên dang dở của mình mà than thở. Với người khác, chắc chẳng bao giờ anh dám thổ lộ. Biết đâu người ta chẳng chỉ vào mặt anh mà nói : “Mầy là thằng nhỏ vô lương tâm, vô giáo dục, cha mẹ mầy mất đi, ai nuôi nấng mầy nên người. Bây giờ, lớn xác mầy đã trả ơn cho ai chưa mà lại chỉ đi lo hạnh phúc riêng mình...” Nghĩ tới đó, Dũng cảm thấy mình có lỗi với ông Phúc, bà Phúc, với đàn em. Đành

rằng, chẳng bao giờ ông bà Phúc sơ hở khiến cho Dũng phải tủi phận.

Nhưng trong cái bông bột của tuổi trẻ, Dũng đã quên mất. Anh quên rằng, ngoài thân thể, tất cả những gì anh có đều do ông bà Phúc đem tới, kể cả tình yêu với Thúy. Thúy là cháu bà Phúc, Thúy là con một đại thương gia ở Ba Xuyên. Thúy trợ học nhà bà Phúc, dì ruột của nàng. Cảnh sống chung qua bốn năm tại đây, Dũng và Thúy đi vào tình ái mà không hay biết. Đến nay, Thúy bất ngờ về quê nhận lễ hỏi của một thiếu tá quân y. Dũng mới cảm thấy mình đã yêu sâu sắc và thất vọng nã nể. Cốc café thứ bảy còn giở giọt trước mắt. Ông Phúc với gương mặt lạnh lùng cố hữu vẫn im lặng đứng tựa cửa sổ nhìn anh. Dũng chợt thấy xấu hổ ghê gớm. Dũng không hề có những dẫn vật dễ dàng như người

khác. Tâm hồn anh cô đọng lại, kết tinh lại như làm tắt mọi cảm xúc. Ông Phúc vẫn đứng nguyên ở vị trí. Ông hiện hữu trước Dũng như một nhà tu hành lắng đợi lời thú tội của tín đồ. Thái độ im lặng của ông làm tăng thêm tấm lòng quảng đại của người cha, một người tôn trọng tự do tuyệt đối của tha nhân. Trong lúc này, người khác có thể la hét mắng mỏ. Ngược lại, ông Phúc có một cái nhìn xa xăm như muốn lắng nghe những tình cảm đang đổ vỡ, xô ngã trong lòng Dũng dưới nhát chém sắt bén của lý trí. Chẳng phải vì ông sợ nặng lời khiến Dũng có thể liều lĩnh. Không. Dũng hiểu ông bác lắm. Từ lâu, ông đã tự coi mình là người bạn lớn tuổi của đứa cháu. Ông vẫn coi Dũng là một con người, một người trưởng thành với trí tuệ, lương tâm và có ý thức trong mọi hành động. Ông đã không mặc cảm, đem những thất bại về

công danh, tình ái trong đời mình kể rõ cho cháu nghe. Đôi khi Dũng chỉ trích, công kính thẳng thắn, ông vẫn bình tĩnh và kết thúc bao giờ ông cũng nói : “Đấy chú mày cứ nói thánh. Để rồi xem”. Và bây giờ thì anh đã nếm và đã thấy. Anh nhớ câu này ông Phúc đã nói khi anh bị rớt năm thứ nhất : “Đời là một bi kịch cho ai mới nếm phải nhưng cũng chỉ là một hài kịch cho ai nghĩ lại mà coi”. Bên cạnh cái sắc bén về các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa ; ông Phúc còn luôn luôn ca ngợi tinh thần siêu thoát của Lão Trang. Ông thường nói với Dũng : “Nguyễn công Trứ quá nhập thế nên chật hẹp, Cao bá Quát quá xuất thế nên vu vơ. Nếu cộng cả hai thì vừa. Nếu cộng cả hai thì hóa ra Chiêu lý... tu sĩ, thi sĩ, tráng sĩ... tuyệt diệu”.

– Thế nào ! Nhất định phải chết chứ?

Câu hỏi bất ngờ của ông Phúc nổ vào tai Dũng như một hỏa châu toé lên trong đêm. Dũng đỏ mặt, Thì ra, những tư tưởng cũ đã trở lại xâm chiếm tâm hồn anh và niềm đau khổ của anh đột nhiên xa vắng. Dũng nhận điều thuốc lá châm sẵn từ tay ông bác. Ông Phúc đi ra, đóng cửa. Dũng mệt mỏi, gát hai chân lên bàn, nhìn đăm đăm làn khói vươn cao. Bất giác anh nín hơi, thở ra những vòng khói tròn nổi nhau bay cao, bay cao và... tan biến.

Dũng xuống phòng ăn, cả nhà đã đủ mặt. Vừa trông thấy Dũng, Liên lạnh chanh :

– Ô, anh Dũng. Anh vẫn chưa chết à ?

Bà Phúc chưa kịp mắng con gái liếng thoảng thì ông Phúc đã lên tiếng.

– Chết thế nào được. Anh Dũng của con đâu phải là người khác. Vả lại, việc gì mà phải chết vội chứ. Mỗi một chúng ta đều lãnh án tử hình của tạo hóa từ khi mới ra đời, Trước sau gì cũng phải chết. Có ai sống mãi. Có điều là ta chưa biết bao giờ thì tạo hóa sẽ hành hình, chưa biết ta sẽ bị chết bằng cách nào. Trong đôi tay âu yếm của vợ con, giữa lời than khóc của bạn bè, trên chiếc giường êm ả của tuổi già, ngoài chiến trường, trên đại lộ với một tai nạn lưu thông... ai mà biết được?

Bà Phúc vẫn còn sợ câu nói vô ý của Liên có thể làm cho Dũng phật lòng.

– Ông này thì chỉ được cái triết lý lẩm cẩm.

Tuy nói thế nhưng trong lòng bà vẫn mừng thầm. Bà đang ở vào một tình trạng

phải xử trí : Bà không muốn Dũng chết nhục vì cháu bà. Bà cũng không muốn Dũng cưới Thúy. Thật vậy, mỗi lần nhớ tới thuở xuân thì, bà đối chiếu với thực tại của mình, bà không khỏi kinh hãi. Một ngày xa xưa nào đó, dưới giàn hoa thiên lý, trăng sáng lung linh, gió hây hây thổi, bà đã xúc động trước cốt cách hào hoa, ngôn ngữ sâu sắc bay bướm của ông Phúc, lúc bấy giờ còn là một sinh viên Cao đẳng sư phạm Hà Nội. Thuở ấy lòng bà đã xúc động thực sự, Tình yêu đến tràn ngập như ngọn sóng thần dìm bà vào hạnh phúc. Bà đã kết duyên với ông Phúc không suy tính. Bà ngập trong ánh sáng chan hòa của hạnh phúc. Một, ba, sáu năm, Liên, Quý, Lộc lần lượt ra đời. Nhưng tình yêu ngày xưa dần dần mất vẻ kiêu diễm. Tình mẫu tử bao la, rộng lớn đã đưa bà từ tuổi mộng trở về thực tế. Nhữn tư tưởng sâu xa của ông Phúc đối

với bà vẫn còn hay đổ những đối chiếu với thực tại nó trở thành lạc lõng làm sao ấy? Bây giờ đây, miếng cơm, tấm áo, tiền học, tiền nhà từng ấy thực tế đã khiến cho lòng bà ngừng lại như giòng suối đổ vào sông lớn. Nó đã hết những lúc lượn quanh bờ cỏ biếc, hết long lanh dưới ánh sáng bình minh, hết suy tư vào lúc chiều tàn. Nó đang đổ dần vào sông lớn để tan vào biển cả. Vấn đề lớn của bà hiện giờ là sự sống và tương lai của con cái. Mỗi đêm dưới ánh đèn mờ, nhìn mái tóc của chồng ngã dần màu bạc, nhìn đàn con lớn lên trông thấy, bà bắt đầu sốt ruột vì tình thế ngày một thêm rắc rối, gia cảnh ngày một khó khăn.

Xót xa thân phận mình, bà không muốn cho Thúy, cháu bà phải chịu cảnh thanh bạch. Bà muốn Thúy phải có chồng giàu, phải có chồng quyền thế. Mà nghĩ

đến điều ấy, chắc chắn là Dũng – cháu và con nuôi của bà không thể nào đem tới được. Khi Nghe Liên nói Dũng có ý định tự tử, bà phải cầu cứu ông Phúc. Bà giác ngộ rằng trong trường hợp này, ông Phúc sẽ hữu dụng hơn bà. Bà hồi hộp chờ đợi. Cho đến khi ông Phúc từ trên gác xuống phòng ăn với một cái nháy mắt, một nụ cười tươi, bà mới an tâm. Nghĩ lại, bà không khỏi cười cho cái bông bột dại dột của tuổi trẻ. Ai đời, đem chuyện thất tình, ý định tự tử của mình mà nói với con bé bẻm mép tinh quái như con. Liên cơ chú ! Rồi với trực giác ngoại lý của bà, bà vui mừng vì thấy Dũng yêu mà chưa đến nỗi đam mê. Tình thế ấy có thể cứu vãn được. Đêm qua, bà còn ở ngã ba đường. Để cho Dũng, con bà thất vọng thì bà không nỡ. Để cho Thúy, cháu bà đi vào con đường bán bạch của bà, cũng không nỡ. Suốt đêm bà nghĩ ngợi

nhiều vẫn không tìm được lối giải quyết. Sáng nay hỏi ông Phúc thì ông chỉ cười ruồi. Bà tức muốn lộn ruột. Lúc nào ông cũng cứ tỉnh như không. Lửa đốt đến lưng vẫn cứ nhớn như như thường. Bây giờ thấy Dũng xuống phòng ăn, bà mới thấy phục ông chồng lý thuyết của mình. Thì ra, đối với việc đời, đầu óc thực tế đôi khi đã trở thành bất lực. Nó chỉ giúp cho bà tính toán những cái vụn vặt, tụn mún mà chẳng bao giờ có ích đối với các việc nan giải. Có lần ông Phúc đã nói với bà : “Đàn ông thường có óc tổng hợp nên chỉ chú ý những gì tổng quát, những tương quan. Trái lại, phụ nữ hay nghiêng về phân tích. Óc phân tích chỉ để ý những gì thực tế, vụn vặt. Cho nên, trong gia đình người vợ chú tâm đến chuyện nhỏ. Thức khuya dậy sớm, chăm sóc từ miếng cơm tấm áo cho chồng con. Công việc ấy người chồng không thể nào

giỏi bằng vợ. Cũng bởi đó, người mẹ nào chẳng nói với đàn con cái, ‘Bố mày quá là vô tích sự’. Cái vô tích sự ấy đôi khi lại có mãnh lực ghê gớm. Khi đưa con bất ngờ bị kinh phong, chân tay giá lạnh, hơi thở ngắn dần. Lúc đó người mẹ chết ngất đi, vì sợ hãi. Và cái tính điềm tĩnh của người cha lại cứu được hai mẹ con khỏi chết. Đối với bà, sự hiện diện của ông đôi lúc thật vô vị. Nhưng nếu vì công vụ, ông đi xa độ một tuần thì cả một khoảng trống rộng lớn bỗng xâm chiếm lấy gian nhà ấy. Lắm lúc bọn trẻ trở nên bướng bỉnh mặc cho mẹ nó quát tháo suốt ngày. Lắm khi ông Phúc làm cho bà bực mình nhưng lòng kính nể chồng của bà cũng không vì thế mà suy giảm, ông Phúc gàn dở thật. Ông không chịu học tiếng Mỹ, không chịu nhảy đầm, không chịu ôm vợ giữa đám đông. Ông không chịu đi vào cái nếp sống ô ạt của hiện tại.

Nỗi sợ hãi của bà Phúc tăng thêm khi trực giác được Dũng có những điểm gì khá giống với chồng bà. Nếu Thúy thành hôn với Dũng thì không hiểu với óc tân tiến sôi nổi, nàng chắc chắn không thể nhẫn nhục như bà. Và chắc chắn cả hai đứa đều sẽ đau khổ. Nghĩ thế bà nhất định phải ly gián. Khổ một nỗi, bà không thể chỉ lo cho Thúy mà không đùm bọc Dũng, Nếu Dũng đại dột liễu mình thì lỗi của bà, niềm ân hận của bà càng to lớn và còn mang tiếng với họ hàng bên chồng là tàn nhẫn với cháu chồng. Từ một tuần nay, mỗi lần nhìn gương mặt thiếu não lăm lì của Dũng bà đã đọc được nhiều ẩn tượng hiểm nguy có thể xảy đến cho cháu bà, cho gia đình bà. Có lẽ ông Phúc cũng đã thấy điều ấy nhưng ông vẫn lăm lỳ theo đuổi công việc mình hầu như không lưu ý, không coi đó là quan hệ. Thoạt tiên, bà có ý ngờ là ông

chông đã coi thường việc đó. Bọn con Liễu, con Lộc thì ghê gớm lắm. Chúng xâm xì bàn tán to nhỏ suốt ngày.

Chúng nó vẫn yêu thương Dũng. Chúng vẫn coi nhau như anh em ruột. Bà không sợ chúng chia rẽ mà bà cũng không muốn đám trẻ con sớm hay biết về những điều tình ái vu vơ kia, Bé Liên thì ranh mãnh quá. Nó chỉ chờ cơ hội để trêu ghẹo Dũng. Dù vậy, gương mặt nghiêm lạnh của ông Phúc đã làm cho mọi người trong gia đình dẫu hết mọi sự biểu lộ qua ngôn ngữ, cử chỉ.

Tiếng cười trong trẻo của Liên vang lên giữa khoảng tĩnh mịch :

– Tại sao thất tình, người ta lại không đi tu nhỉ ? Đi tu thích lắm chứ.

Bà Phúc hỏi :

– Con học ở đâu thế ?

– Dạ trong tiểu thuyết, báo hàng ngày đó.

Ông Phúc nhìn Liên mỉm cười :

– Thôi đi, bà cụ non. Nhà chùa, nhà thờ không phải là nơi trốn tránh của kẻ chán đời đâu.

– Thế tại sao người ta cứ nói mãi về các vụ cạo đầu đi tu vì thất tình hả ba ?

– Thì có gì lạ đâu ? Ở đời này, thất bại còn có người thương chứ thất tình chỉ tổ cho thiên hạ đàm tiếu. Nếu ta đem chuyện thất tình mà thổ lộ với bạn thì chúng lên giọng dạy khôn dạy dại cho mình, nếu không thì mỉa mai trêu chọc như bé Liên vậy. Khi đang đau khổ mà bị đùa giỡn thì càng đau đớn. Tâm trạng của người thất tình thì bao giờ cũng

muốn xa đám đông. trốn thực tại. Và con xem. Người ta đi vào nhà thờ. Trong gian nhà thênh thang vắng lặng, trần nhà cao vút, thanh vắng vô cùng, ở đây, không ai mia mai, không ai trêu chọc. Quỳ nhìn lên. Ôi đôi mắt Đức Mẹ từ bi, hai bàn tay buông nghiêng như vỗ về đôi vai đang đè nặng đau khổ. Đôi môi xinh Đức Mẹ nở nụ cười, mắt dịu như san sẻ bớt nỗi tủi hờn. Sau lưng pho tượng là những dàn hoa huệ trắng muốt vươn cao như mỗi tình tình khiết vừa tan vỡ. Trước bàn thờ, những hàng nến trắng cứ từng giọt, từng giọt rơi xuống như nước mắt của Mẹ hiền khóc cho tình cảnh éo le của đàn con dại. Thật cảm động xiết bao ! Và tiếng chuông chậm rãi vang lên tan dần vào hư không như chuyển mối sầu của ta ra bốn phương tám hướng. Đau khổ vơi dần, vơi dần. Thế là người ta nghĩ ngay

rằng tu viện có thể là nơi trú ẩn của kẻ thất tình.

Liên reo lên :

– Nghe ba nói, con muốn được thất tình để đi tu cho sướng?

Bà Phúc mắng :

– Con bé lạ nhỉ ! Mồm cứ leo leo.

Ông Phúc cười :

– Đừng vội con ạ. Con nên nhớ rằng, thất tình là sự tuyệt vọng của tình cảm. Tình cảm ở trong ta, Ta càng trốn vào nơi vắng lặng thì nó lại cấu xé tâm hồn ta dữ dội hơn. Thế nào cũng có ngày không chịu đựng nổi rồi cũng phải trốn ra và khi đó kẻ thất tình sẽ hóa thành thất chí. Từ thất chí đến truy lạc không phải là xa xôi gì mấy ! Đấy con thấy không ?

Anh Hạnh đó! Khi không nào vô đi tu. Rồi chịu không nổi cảnh thanh tịnh lại nhảy ra, rồi bây giờ thì nằm bẹp bên bàn đèn thuốc phiện. Tôn giáo luôn luôn là nguồn an ủi cho nhân sinh. Tuy nhiên, cảm tình tôn giáo không phải là lý trí tôn giáo. Cảm tình tôn giáo là giọt nước lành dương tưới thơm lên những tâm hồn đau khổ. Cảm tình là thế tục. Còn lý trí tôn giáo là ngọn đuốc soi đường đi về giải thoát tìm chân lý. Phải là những vị chân tu tâm trí trong suốt như pha lê không vấy hạt nhỏ bụi trần mới đủ minh mẫn để chứng quả. Còn con người chất chứa khổ đau ray rứt mà đòi suy tưởng đến chân lý là chuyện phi lý. Một chuyện trái cựa. Con hãy coi, ai cũng biết đạo Phật là con đường đi tới giác ngộ. Dù Đức Phật đã chỉ rõ con đường đó, người tu hành vẫn phải tu hành, vẫn phải tìm tới mãi, mới có thể tới được. Phật chỉ

cho chúng sanh kho tàng hạnh phúc, con đường hạnh phúc và con người với ý thức tự cứu phải dứt bỏ để đi tới. Phải bỏ tất cả mới được tất cả. Cuộc hành trình tới chân lý xa xôi, diệu vợi lắm. Mang lấy cái cơ thể đầy nhu cầu vật chất đã nặng nề rồi, còn nói gì mua chuộc thêm tình yêu, tài sản, quyền lợi. Người tu hành đi vào đời, dù để cứu thế cũng không tránh khỏi hương đời bám bụi phong trần vào tâm khảm. Tu là đi tới tuyệt đối, giải thoát mọi đối đãi. Cho nên, làm nhà tu hành chân chính không phải là tham vọng của kẻ ham muốn hạnh phúc ở cõi đời này.

Tu thì phải học, học rồi phải hành. Tu không phải chỉ mang màu áo, ở chùa, gõ mõ, tụng kinh. Phải tập hủy diệt nhu cầu, hủy diệt bản thân, hủy diệt tâm tưởng.

Liên lại xen vào :

– Ba nói gì. Con không hiểu gì hết. Đau khổ là đau khổ. Nó ray rức, đay nghiến mình từng phút, từng giây. Con hỏi ba chân lý là thực tại hay đau khổ là thực tại ?

– Thực tại là cái có thật, hoặc biết được bằng giác quan hoặc bằng rung cảm, bằng suy tư. Nhưng cái ta cảm giác, cảm xúc, suy tư chưa hẳn là có thật. Con hãy nghĩ xem. Nếu bây giờ ba nói : « Cha con ta chưa bao giờ thấy nhau, chắc con cho ba là điên. Rõ ràng là sáng nào ba, mẹ, các con cũng đều ngồi ở bàn ăn này. Thế mà ba bảo chưa bao giờ thấy nhau thì con cho là phi lý, mâu thuẫn chứ gì ? Con nên nhớ tất cả những gì ta thấy đều là ảo giác hết. Thật vậy, mọi vật hữu hình, vô hình đều biến động, chẳng có vật gì đứng yên. Con đã học vạn vật rồi thì chắc con phải biết là cứ mỗi giây,

trong cơ thể ta hàng triệu tế bào chết đi và hàng triệu tế bào khác sinh ra. Có thể, cơ thể ta mới gọi là còn sống, mới có sinh lý. Hết thay đổi là chết. Hết thở, tim ngừng đập, máu ngừng chảy, cơ thể hết thay đổi là sự sống chấm dứt. Thế thì sống, là đang chết từ từ. Ta bắt đầu chết từ khi mới ra đời. Cái gọi là chết chỉ là chấm dứt sự chết. Thân thể con thay đổi không ngừng. Có thể mới sống được, có thể mới trẻ, mới lớn, mới già. Trước mắt ta, con chỉ là một chuỗi hiện tượng luôn luôn biến đổi. Và, con chịu khó nhìn vào lòng con xem. Có phút nào trong lòng con không dồn dập ý nghĩ, tình cảm. Lòng ta trôi chảy như một dòng sông trong cái thân thể là bờ sông, lòng sông, bãi cát. Liên hôm qua không thể là Liên hôm nay và Liên không bao giờ là Liên cả. Cái tên gọi Liên là một ngôn ngữ còn lại bên chuỗi đổi thay của sinh lý, tâm lý.

Con lại đã học vật lý, địa lý thì con phải biết cái bàn này là một điểm trên Sài gòn, Sài gòn là một điểm trên mặt đất. Có lúc nào quả đất ngừng quay và xoay quanh mặt trời không ?

Chúng ta là những điểm di động trên mặt đất. Mặt đất di động mãi trong không gian. Có bao giờ mặt đất quay ngược lại đâu mà đòi trở lại chỗ cũ ?

Sống là đi tới, đi tới mãi đến chỗ phải đi tới. Không bao giờ có hai giây phút sống giống nhau trong cuộc đời. Không bao giờ gặp lại hồn ta sáng nay. Cô bé Liên sẽ là cô thiếu nữ Liên, cô thiếu nữ Liên sẽ là cô thiếu phụ tên Liên, thiếu phụ tên Liên sẽ là bà cụ Liên. Sống là lớn dần, lớn là chết từ từ. Sống là chuẩn bị liên tục về sự chết.

– Nếu đúng như vậy thì từ nay Liên

sẽ không sợ ba nữa, vì ba có thật là ba của Liên đâu ? Liên sẽ không chào ba mỗi khi đi học về, Liên sẽ không hôn ba trước khi đi ngủ. Vì ba đang trôi chảy ba có nhận ra Liên đâu ?

– Thế thì ba đang nói chuyện với Ai đây ? Ai vừa trả lời ba đó ? Có Phải là Liên không ? Vì chúng ta còn u mê nên sống bằng ảo giác, mà ảo giác không phải hoàn toàn là hư vô. Ba chỉ muốn nói, ta không nên cố chấp vào hiện hữu. Cái hiện có là cái đang mất chứ ba có nói là không có đâu ? Nếu có ngu bảo cái thân thể này không có. Con thử mời họ nhào đại xe hơi đang xả hết tốc lực xem sao ? Con nên nhớ rằng ba đổi thay, con đổi thay mà vẫn thấy nhau, nhận biết nhau. Biết nhau trong sự biến đổi. Giả thử bây giờ có hai chiếc xe lửa chạy trên hai đường sắt song song. Tàu bên này mở một cửa

số, tàu bên kia mở một cửa sổ. Có hai người yêu nhau tha thiết đang chống tay nhìn nhau, con biết sự gì xảy ra không? Chàng và nàng đi vào tâm thức. Họ quên hết. Quên rằng mình đang ở trên hai con tàu khác nhau đang di chuyển quên thời gian, quên không gian, quên hết... Họ là chúng ta, mọi người đó. Ai cũng đang ở trên chuyến tàu của mình trong hòa điệu của vũ trụ. Ta quên hết. Chỉ khi nào một trong hai chiếc xe ngừng lại. Người yêu vụt qua. Người ta mới tỉnh giấc và đau đớn vì thấy ý niệm thời gian, không gian về trở tại. Người này biết là đã nói chuyện với người kia lâu hơn ba tiếng đồng hồ, đã di chuyển hơn 120 cây số. Vì kèm theo đó là chuỗi tình cảm đau đớn vì chia ly, cách trở mất mát. Chúng ta cũng vậy. Ta tiếp tục sống. Không hay biết. Chỉ khi nào trong gia đình có một người chết. Một chuyến tàu đời dừng lại,

ý niệm sống từ vô thức mới trở nên ý thức. Một thứ ý thức đau đớn; chán nản. Mọi cuộc chia ly đều buồn, dù thấy rõ, dù mong ước. Nhưng đừng quên. Đó chỉ là tình cảm. Nó đi ngược với lý trí. Lý trí chỉ nhắm tới đích. Tình cảm dính liền với hoa thơm, cỏ lạ hai bên vệ đường đời. Hãy bình tĩnh mà sống với can đảm mà chờ cái chết. Ai cũng trực giác được điều đó. Chỉ khác là họ không lý luận, không chứng minh nổi điều đó thôi. Hiểu được ý nghĩa biến dịch của sự vật, ta nhất định sẽ sống lại cuộc đời có ý nghĩa. Biết rằng vạn hữu vô thường, ta sẽ không bao giờ luôn cúi, nịnh hót để cho có danh vọng, để có tiền tài, địa vị, sắc đẹp. Ta sẽ không kiêu ngạo vì biết chắc là nó sẽ mất đi. Điều ấy sẽ giúp cho tâm hồn ta được bình yên, thanh thản. Ai biết đời đổi thay sẽ không bao giờ thay đổi. Ai tưởng đời không thay đổi, lòng

dạ thế nào cũng đổi thay. Yêu một người đẹp ta biết trước một ngày kia nàng sẽ già, sẽ yếu. Đến khi người yêu già yếu, ta vẫn có một mối tình già. Nếu lầm tưởng người đẹp sẽ đẹp mãi, đến khi người yêu không đẹp nữa tất nhiên phải nảy ra ý tưởng phụ rẫy, ngoại tình. Đã sống thì không thể để cho người khác dẫm lên đầu mình, nên ta phải làm việc để có tiền, có tài, có tiếng. Có tiền, ta sẽ giúp được bản thân, thân thuộc, đồng loại. Có tài, ta sẽ hướng dẫn kẻ khác giác ngộ ý nghĩa cuộc đời, đem vui bớt khổ cho kẻ sống. Có tiếng, ta mới được mọi người kính trọng. Được kính trọng ta mới truyền bá được tư tưởng cao thượng của mình. Xã hội ngày nay đã lâm trọng bệnh hình thức. Cho nên, con người ta không thể hiện hữu ngoài các điều kiện hiện hữu của xã hội. Khi còn trẻ thì phải học tập trau dồi tài năng, trí tuệ. Lớn lên phải có

một chỗ đứng xứng đáng dưới ánh sáng mặt trời. Già nua phải truyền lại cái sở đắc độc đáo, cái kinh nghiệm vinh quang chua xót của mình cho kẻ đến sau. Nghĩ như thế, ý tưởng yêu đời sẽ tràn ngập hồn ta, ướp thơm sự nghiệp ta. Cho đến khi ta mất đi, sự hiện hữu của ta trong sự nghiệp, trong tác phẩm vẫn bất diệt. Cái quý giá của con người phát minh, triết học, khoa học, văn học, của con người sáng tạo nghệ thuật là ở chỗ đó. Sống mà không cố gắng sáng tạo là tự hạ nhân phẩm xuống hàng động vật, thảo mộc. Mẫu người lý tưởng phải là suy tư đạo đức, hành động và sáng tạo. Trên thực tế, không phải ai cũng có thể sống như thế vì đời có nhiều chướng ngại. Nhu cầu, tình ái, hoàn cảnh đều là chướng ngại chính. Biết bao người không cất đầu lên nổi vì thiếu miếng cơm, manh áo. Biết bao người thất chí vì không thoát khỏi lưới

tình. Biết bao bậc anh tài ngã gục tàn đời trong ngõ hẹp vì thiếu hoàn cảnh. Vượt qua mọi nhu cầu của tình ái, hoàn cảnh ta mới có thể sống thật với mình, thật với chân lý. Gia đình ta, nhờ tài đảm đang, tính nhẫn nhục của mẹ con, ta đã vượt qua được chướng ngại nhu cầu, Bây giờ anh Dũng đang cố thoát khỏi lưới tình. Ba hy vọng, chúng ta sẽ thoát nỗi sự khắt khe của hoàn cảnh.

– Làm sao thoát được hờ ba ?

- Đó là vấn đề kiên nhẫn thực hiện chứ không thuộc phạm vi lý luận.

LỮ HỒ

KIỆT TẤN

Khi nhớ tới Anne Frank

Vì khuôn khổ hữu hạn của số báo, chúng tôi chỉ giới thiệu được sau đây, phần đầu bài thơ dài của nhà thơ Kiệt Tấn. Phần sau sẽ được giới thiệu tiếp trong Vấn Đề số Đầu Xuân.

L.T.S

Nhớ tới Anne

giữa khi chiến dịch mùa Mưa lại mưa
lửa thép xuống xứ sở dột nát của tôi

(không còn nhớ nổi lần thứ mấy)

và khi hàng 600 chiến xa (loài rùa
mắc cạn trên xa mạc Sinai)

đang ngún cháy những vụn sắt cuối
cùng

giữa hỏa ngục sốt nằng

bên quê hương hoài vọng của Anne

Hãy cho tôi gọi em bằng em

hỡi Anne tội nghiệp

(con vịt nhỏ khó thương, em tự ví)

vì trong tâm khảm mỗi người

em vẫn muôn đời là cô thiếu nữ Do
Thái 15 tuổi

(cũng như trí tưởng mỗi người Việt

thời gian vĩnh viễn bất lực trên nhan
sắc của Kiều)

Hãy cho tôi gọi em bằng em

hãy cho tôi nắm tay em chạy trên
đồng cỏ ấm Palestine

hãy cho tôi nhật biểu em những hòn
đá vôn bên bờ Địa Trung Hải

hãy để tôi đưa em đến thăm bà con
trong Jérusalem

hãy để tôi đưa em đi trốn nắng dưới
chân thành phố mộ đạo

Và trong bóng im tôi sẽ kể em nghe
một chuyện cổ tích của những năm
rất gần

Ngày xưa, có tên phù thủy độc ác
(thêm một lần nữa) đã dùng quỷ
thuật chiến tranh

biến Anne thành con chuột nhắt

xong hấn khắc sâu vào trán Anne
nổi khiếp đảm

Anne kinh hoàng chạy tìm chốn ẩn
thân...

đó là những tín hiệu liên tục

Phải không em

đó thật là một giấc mơ khủng khiếp

và cũng chính sau những giấc mơ dữ
tợn như thế

mà một buổi sáng nọ

khi tỉnh giấc

Grégoire Samsa thấy mình ngo ngoe
biến thành :

một con Bọ

Và con Chuột nhắt đáng thương của
tôi

đã cuồng chân chạy quanh trong chỗ
ẩn tù túng

không ngớt buông ra những tiếng lít
chít thương tâm

SOS... SOS... SOS...

giữa hai hơi thở hẹp

giữa hai tiếng kinh cầu lấp bấp

đánh đi khắp nhân loại đến Chúa
đến Thần Thánh

đó cũng là những giọt lệ lén lút

không ngừng rỏ xuống lỗ núp tối
tăm của mình

suốt hai năm trường ròng rã
mà không một ai nghe lọt bên ngoài
Tôi biết những người khóc lẻ loi
không nguôi một phút
những người khóc lệ không rơi ngoài
tim mình
em biết không
lệ là những viên đá xanh [Thanh Tâm
Tuyền]

Nhưng chiến tranh không chỉ biến
riêng mình em thành chuột
mà cả cha em mẹ em chị em
cả dân tộc em
hằng hà sa số chuột

Định mệnh khắc nghiệt vung móng
chụp phủ lên thân thể Do Thái

Bằng một ngôi sao vàng

chúng đánh dấu trên ngực đồng bào
em như ấn kim khí nung lên mình súc
vật

Chúng đã thực sự lừa chở họ

chật cứng trong những toa xe súc vật
bon bon trong đêm mộng

xác đổ xuống lò sát sinh

đổ xuống trại tập trung

(quái thai không ngừng ám ảnh thế
kỷ 20)

Chúng gọt đầu chúng nhổ răng

chúng lấy tóc đồn ghế ngồi chúng gỡ
vàng làm trang sức

Chúng xả súng phun lửa vào đàn bà
trẻ nít

Bức thờ tràn ngập Giờ thứ 25 bất tận
của Gheorghiu

của Iohann Moritz bị đập vụn chắp
thành hình nhân Picasso.

của con cái đi học về mẹ cha không
còn gặp

của nhà cửa niêm phong gia đình
thất tán

chúng lục soát chúng bắt hết làm tù
nhân

(ngay cả bà lão gù lưng bại xuội)

Trường học lạnh dần như ly nước rỉ
hơi

trẻ con bắt đầu đi ăn xin những vụn
bánh mì

đầu trần quần áo mong manh lang
thang chân đất

giữa Hòa Lan căm căm

lập đông

Có bao giờ em ăn đủ no

hở Anne

với nạn chợ đen bành trướng trùm
lên khâu phần giảm thiểu

Vài manh áo sồn được luân chuyển
che thân

(chiếc xú chiên trở nên quá nhỏ với
thời gian)

Và đe dọa vẫn khua vuốt thường trực
đâu đó quanh chỗ ẩn

tiếng động đột ngột ở cửa
tiếng còi cảnh sát rú ngoài đường
ánh đèn mỏng vội khuất che
cơn cảm ho vùi chôn nhanh dưới gối
tùng cọng rác con không dám để lộ
bài tiết hạn chế
tắm rửa hạn chế
nói cười hạn chế
Nhưng rất lặng lẽ
hy vọng vẫn mở cửa về đêm đêm
quanh các bản tin bắt lén
từ Nữ Ước từ Luân Đôn
nhen nhúm thắng lợi của Đồng
Minh

khắc khoải các dự toan đổ bộ
hay những tin tức ấm lòng
về một quê hương đang hình tượng
phát ra từ Tel Aviv
Ngọn đồi xuân Palestine
chốn quê hương hoài vọng ấy của
Anne

Là vết ung thư không ngừng bộc phá
giận dữ căn phần Do Thái lở khoét
cuộc đời Anne

sấm sét như quả táo trời vụt xuống
lưng Bọ Grégoier

hút chặt không rời

rỉ thối thành độc tố không chữa nổi

Còn lại vai kia em cúi nhận căn phần
tuổi xanh băng hoại

không gian rộng đóng cửa

cỏ cây bát ngát nắng thênh thang bị
khước từ

bao nhiêu bạn bè thân bị cướp sạch

chỉ còn mỗi một bạn lòng :

Nhật ký Anne Frank

Để quên ngục tù em ẩn thân trong
huyền thoại Hy La

Và thường xuyên em vẫn phải cười

để đuổi xua sợ hãi

em phải cười thành tiếng

để khỏi nghe lũ đại bác âm ỉ réo gọi
nhau thường nhật

em vẫn phải cười để kíp ngăn mình
khóc

những buổi trưa im nắng

đội lại tiếng liên thanh

xả lên đầu lên ngực các con tin

dưới chân tường lỗ chỗ

ứa nước mắt

ngó trừng miệng súng loe

chết điếng!

Em vẫn thường xuyên phải cười phải
cười

ôi Anne !

người con gái đã nhận tặng phẩm
của loài người

là hai căn phần lửa than

hừng hực trong hai bàn tay nhỏ nhoi
tội nghiệp

Hỡi Anne!

có bao giờ em dám ước tưởng

sẽ có ngày nào

chàng Persée nghe thấu lời em kêu
cứu

vội vã yên cương giục Ngựa Cảnh
Pegase

lướt gió tung mây không nghỉ cánh

đến kịp lúc giải thoát em

Andromède của chàng

bằng một đường gươm vung

chém bay đầu loài thủy quái

Nhưng giấc mơ đó làm sao em mơ
nổi

vì Chimère trấn ngự hoàn toàn giấc
ngủ em

mỗi lần đuôi rồng vẩy khua đầu sư
tử nhá lửa

là hoá hoạn bùng bùng mộng dữ

là bắt bớ là giam cầm

là tù đày là thất lạc

là trại tập trung

là bạn bè hiện lên tiêu tụy áo quần
tơi tả nước mắt đầm đìa

là người thân trở về gãy nhóm mặt
mày hốc hác

Đương đầu núi lửa bạo cuồng

em xử dụng món vũ khí thô sơ độc
nhất

là những lời nguyện cầu run run giờ
khuya khoắt

thầm thì thầm thì

tủi thân ôi những lời nguyện không
bao giờ được hồi âm

Hàng chục ngàn hàng trăm ngàn
người vẫn tiếp tục bị xô lừa về trại lao tác

hàng triệu cánh tay dù hàng triệu lá
ngực khô vẫn tiếp tục mỗi sức mòn hơi

cúi đầu làm bom đúc súng

(chúng sẽ mang đi bắn ném lên đồng
bào họ)

hàng triệu người vẫn phải tiếp tục
cung cấp cho lũ cuồng nazi

phương tiện kéo dài chiến tranh

kéo dài ngục tù

Ngày hậu chiến !

nào khác lâu đài cát trên xứ sở Tây
Ban Nha

hỡi Anne !

thả trôi dạt dờ trong ngày tháng mới

không ngày qua không ngày mai

không còn dám tin dĩ vãng mình đã
từng có trời xanh trường học bằng hữu
cỏ hoa nụ cười

em nào dám tin

Làm sao còn dám tin

phải không Anne

suốt hai năm không một lần mở đón
mặt trời

hai năm cười nhỏ nói nhỏ khóc nhỏ

hai năm hít thở bịt bùng

hai năm cố nuốt đậu trắng đậu đỏ

hai năm khai trừ khỏi cuộc sống

hai năm động tác buồn rầu

hai năm tim không nằm yên trong
ngực

hai năm xanh mặt

hai năm chờ Gestapo đến bắt

hai năm đợi bom rớt trúng đỉnh đầu

(còn biết chạy đâu ?)

Làm sao em còn dám tin

khi những trận mưa bom hằng ngày
càng lúc càng thác lũ

trẻ con càng lúc càng khóc to bởi tìm
mẹ cha trong đống gạch vụn

người chết không kịp la

máu đổ không kịp băng

(trên làn sóng điện bọn nazi vẫn
không ngừng ngợi ca thương tích

người cửa chân không thuốc mê

kẻ bị thương không chỗ ngồi

thi thể không kịp chôn

Bệnh dịch mại nanh trên thành phố

Hãy trả đây bầu không khí đây !

mở cửa dặt sáng trắng về ngủ

thở lòng nó ở ngực nhăn nheo

thét la hồn nhiên trên đồng trống

nói cười tự do hơn nước lũ

yêu đương gió luyến không trói chân

Hãy ngược cổ non nhận đón dậy thì
hồng hào căng má ửng !

nhựa ngọt mới nguyên mơn trớn
đầu vú thơm

nghe không bí mật rất đàn bà dịu
dàng trong cơ thể thân mật

Hãy mơ giấc mơ có người yêu !

Mắt bồi hồi thăm sâu chìm đắm đuổi

má quyến mềm luyến má nhưng
lông tơ

đặt trên môi lạnh tràng hôn địa chấn

thoắt lệ đầy hơn hở rừng màu nhiệm
ôi tình yêu đó sao nở khước từ ?
Hãy trả đây tuổi trẻ bị cưỡng đoạt !
mùa xuân đang về ai ngăn nổi
mùa xuân tươi tốt trở nhánh cường
tráng tim đau
nứt chồi non thương tích từng số thịt
da mượt còn cào nhựa xanh lữ xiết
mùa xuân hồn nhiên trời đất
sao trong sạch máu cầm tù ?
Hãy mở toang trùng trùng cửa đóng
!
vỗ cánh chim xuân đến nơi hò hẹn
gặp gỡ bằng hữu tự do

trường học vườn cây trở trái sai oằn
đạp xe trên đường mòn cỏ hoa quen
thuộc

huýt sáo họa mi

khiêu vũ nhịp ba choáng váng vòng
ôm ngất ngất ngất ngây ngây ngây

cởi trả cô đơn không còn bao giờ
nhắc tới

chuyện trò về thời tiết áo quần dạ hội

về tình yêu nụ cười đồng tiền má lúm

về những ngày không giặc giã

về thực phẩm về khí trời về sách vở
về sự cảm thông và vui sống

thèm thương điên cuồng

vui sống ! vui sống ! vui sống !

Thôi đừng nói nữa

Anne !

nếu không em sẽ phải rút nở

sau khe cửa kín bưng

thở trọn chút mùa xuân bên ngoài

nghe ngào ngực nhức

ôi những người khóc lẻ loi một mình

đau đớn lệ là những viên đá xanh (2)

KIỆT TẤN

DOÃN QUỐC SỸ

Khe mây

Đó là lần thứ hai Huy đi Detroit, một thành phố kỹ nghệ lớn miền Bắc Mỹ chỉ cách Gia nã Đại có khoảng hồ nhỏ.

Đây là lần thứ hai. Phải, lần trước chàng cũng dời thành phố Nashville (Tennessee) vào giờ này. Chàng đưa mắt nhìn người tài xế xe buýt, có thể vẫn là người tài xế chuyển trước. Vô cơ chàng mỉm cười. Hành khách ai nấy đã an vị từ

lâu, người tài xế đã ký xong những giấy tờ ghi nhận lật vật trong khi người công nhân khác vừa rửa xong chiếc kính chắn gió rộng mênh mông của xe buýt. Người tài xế ngẩn nhìn đếm số hành khách một lần cuối rồi đèn trên trần buýt tắt, xe bắt đầu chuyển bánh đúng lúc 22:35 y như muôn ngàn lần trước, đúng tác phong Mỹ.

Huy rùng mình thật thoải mái tựa như sự rùng mình của một người đã nằm yên trong chăn ấm mà còn cố tưởng tượng cảnh rét mướt bão tuyết bên ngoài. Xe qua cầu sông Cumberland, ra ngoài thành phố, tuy nhiên hai dãy đèn đường còn sáng rực như một thái độ tiễn đưa hay đúng hơn thái độ muốn chứng tỏ uy quyền một cách dai dẳng của thành phố đối với vùng ngoại ô phụ cận.

Huy đã cho ghé ngả về phía sau, đôi mắt nhắm như ngủ nhưng kỳ thực chàng đang ôn thâm một cách sáng suốt từng chặng đường sẽ vượt : chỉ hai giờ nữa xe buýt đã bắt đầu vào địa phận của tiểu bang Kentucky, tiểu bang có cỏ xanh sông mát nổi tiếng về chăn nuôi ngựa ; xe sẽ qua Louisville thành phố lớn cuối cùng của Kentucky để rồi lướt qua địa phận tiểu bang Indiana mà tới thành phố lớn đầu tiên của Ohio là Cincinnati. Xe buýt cứ thế mà lướt đường thiên lý... lướt đường thiên lý cho tới khi nào người tài xế báo trong máy phóng thanh “Toledo” thì có thể coi chỉ còn trong gang tấc nữa chàng đã được gặp Crystilla (chàng gọi nàng ngắn gọn và thân thiết là Crys).

Từ Toledo sang địa phận Michigan tới Detroit chỉ phải qua cầu con sông nhỏ Mrumee và một thành phố nhỏ Monroe

! Lần này đi thẳng một mạch nên Huy sẽ gặp Crys vào lúc hai giờ chiều ngày hôm sau, chứ như lần trước vì dừng lại nửa ngày thăm bạn ở Cincinnati mà khi chàng tới Detroit vừa ba giờ khuya. Chao ôi, ba giờ khuya dưới trời giá lạnh của một thành phố cực bắc Hiệp Chúng Quốc !

Máy xe nổ dều dậu, Huy ở vào trạng thái nửa thức nửa ngủ, nhưng ý nghĩ bám riết vào kỷ niệm lần tới Detroit chuyển trước vào lúc ba giờ khuya giá lạnh. Có lẽ khi chàng tìm đến tòa building 10 tầng nơi Crys ở thì cũng đã bốn giờ sáng rồi, Chàng chỉ mới vào lọt có lần cửa tiền để tránh cái băng giá bên ngoài, còn cánh cửa mở để lên thang lầu thì khóa kín. Huy ghé nhìn bên trong : không có người gác cổng ! Chàng chỉ còn biết đặt chiếc va-li nhỏ của mình xuống

mặt thảm vì nhìn quanh, bên tả là một khung bản lớn ghi từng số phòng và tên người ở, bên hữu là những hộp nhỏ của riêng từng phòng. Chàng đứng loay hoay như vậy chừng năm phút qua chưa biết tính sau thì may sao bên trong có người ra, thế là chàng vào lọt. (Bên trong mở cửa ra thì được.) Chàng bước vội vã lên lầu bốn không muốn mất thì giờ tìm nơi có thang máy. Tới phòng 410 chàng hồi hộp khẽ gõ cửa. Tiếng Crys đúng là tiếng Crys vọng từ trong ra để sưởi ấm trái tim chàng : “Ai đó ?” “Huy đây !” Lập tức có tiếng Crys tung chăn nhảy xuống giường đồng thời với tiếng thốt vừa êm nhẹ, vừa ấm áp, vừa thiết tha : “Trời ơi Huy !” Rồi cửa phòng mở tung như cửa lòng chàng và chàng bước vội vào căn phòng là hiện thân của ấm cúng của thiên đường, của hạnh phúc đó. Chàng ôm lấy Crys trong vòng tay, hai bàn tay xiết chặt lấy khoảng

cánh tay trần của nàng, bộ đồ ngủ bằng lụa rộng thùng thình còn gợi cảm gấp ngàn vạn lần hơn là nàng khóa thân.

– Sao anh đánh điện cho em bảo là đến vào lúc hai giờ chiều ?

– Tại bất chợt anh đổi ý, dừng lại ở Cincinnati thăm người bạn thân mất nửa ngày.

– Anh làm em thất vọng muốn khóc ở ngay ga xe buýt !

– Anh xin lỗi !

– Anh làm sao vào được cửa ?

– Anh đợi chừng năm phút thì gặp người ra.

– Em quên không viết thư dặn anh là anh có thể nhấn chuông đúng vào số buồng em, trên này em chỉ việc bấm nút

điện là cửa đó tự động mở.

– Nhưng đến bất ngờ với chút ít trắc trở như thế này mới thật lý thú, em có thấy không ?

Crys cười khẽ và gỡ tay chàng rồi thoăn thoắt nàng kéo chiếc ghế lớn ra thành chiếc giường nhỏ ; vẫn thoan thoắt nàng trải nệm giường, lồng áo gối và lấy chăn tung ra. Lúc đó Huy vừa đi vào rửa mặt thay đồ vừa kín đáo mỉm cười.

Chàng mỉm cười để riêu thăm cái bản năng tự vệ hầu như cố hữu của bất cứ người đàn bà nào trên thế gian này chẳng phân biệt Đông hay Tây. Người đàn bà luôn luôn thức tỉnh cặm cụi xây thành để tự vệ, bức thành trông có vẻ nguy nga đồ sộ, kỳ thực là bức thành bằng giấy. Đây đâu có phải là lần đầu tiên Huy gặp Crys ! Tuy nhiên quả thực lần này chàng sẽ

được hưởng hương vị tự do đặc biệt. Lần đầu khi Crys từ miền Bắc xuống thăm chàng, cả hai đều có được tự do tuyệt đối, cùng ở với chàng còn một anh bạn roommate khác. Lần này thì Crys vừa thuê được căn phòng riêng này, nàng chỉ mới dọn tới đây có một tuần, hai người sẽ được hưởng tự do tuyệt đối. Chao ôi, thụ hưởng ái tình trong tự do tuyệt đối như con đại bàng thần thoại mặc sức vỗ cánh tung mây lướt gió coi khinh núi, rừng, sông, biển bên dưới thì quả đó là đạt tới tuyệt đỉnh của hạnh phúc. Crys đã làm xong chiếc giường nhỏ cho chàng lúc đó, nhưng chàng đã ghì chặt lấy nàng dìu nàng nằm xuống chiếc giường lớn : hai chân nàng còn thông xuống đất. Chàng hôn nàng, đúng hơn hai người hôn nhau trong cái hôn dài như bất tận, cái hôn đầu tiên của hai người bao giờ cũng vậy, bởi đó là lúc tinh thần đi trước làm đờ

khai vị đúng với thủ tục muôn đời của thế gian họ rót hồn sang nhau bằng cái hôn dập vùi ý niệm thời gian đó...

Khoảng mười hai giờ trưa khi hai người đã trở dậy để sửa soạn ăn sáng, chiếc giường xinh được gấp trở lại thành ghế ngôi, vị trí y nguyên như vậy cho tới bảy ngày sau khi Huy rời Detroit, những ngày của tình yêu được vùi trong tự do tuyệt đối ! Khoảng Crys vắng mặt hai ba giờ để đến trường, Huy nằm lười lỉnh trên chiếc ghế dài nghe hồn mình trôi nổi (cũng lười lỉnh) trong hạnh phúc, hay nghe hạnh phúc bình bông trong hồn mình cũng vậy. Huy thấy cần được sống như vậy để quên biết bao những tủi hờn bực dọc mà hàng ngày chàng phải cố xua đuổi mỗi lần đọc báo hay xem TV về tình hình đất nước. Có thể đó là một thái độ tinh thần trốn tránh ươn hèn, ích

kỷ, nhưng cũng có thể đó là thái độ của một người biết mình khi trở lại đất nước sẽ phải đương đầu với nhiều cam go nên giờ đây cố tình di dưỡng tinh thần bằng cách tắm gội trong thú hạnh phúc của tình yêu tuyệt đối trong tự do.

Lần thứ hai Huy tới Detroit đúng như ước hẹn, Crys tới đón chàng.

Nàng khoe ngay :

– Anh Huy này, em có một người bạn mới.

– Ai vậy ?

– Một cô gái Việt nam, cô ta cùng học lớp lịch sử hội họa với em.

– Cô ta mới tới Detroit?

– Phải đây là tam cá nguyệt đầu tiên của cô. Cô mới chuyển trường từ Colbia

tới ! Cô dạy em học tiếng Việt. Em có khoe anh với cô ta em sẽ tổ chức một cuộc họp bạn vui chiều nay tại phòng em, Trâm cũng sẽ đến, tên cô ta là Trâm, Cô sẽ đến với anh bạn giai Mỹ của cô.

– Mới tới mà cô đã có bạn giai Mỹ rồi ?

– Chứ sao ! Bob ở cùng building với Trâm. Trâm đẹp lắm, anh ơi.

Crys bỗng ghé tai Huy hỏi thầm :

– Con gái Việt Nam không thích ân ái... với người yêu trước khi thành vợ chồng thật sự, có thật thế không anh ?

– Thật vậy, nhưng ai bảo em thế ?

– Trâm ! Lạ nhỉ ! Em có nói với Trâm là em yêu anh, em ân ái với anh, có sao đâu !

Huy bật cười, nhưng rồi chàng cũng gật đầu biểu đồng tình cho khuôn mặt Crys bớt vẻ ngạc nhiên:

– Em nói đúng, có sao đâu ?

Huy có ý đợi Trâm. Quả nhiên đúng giờ Trâm tới với người bạn trai Mỹ của nàng, chàng Bob. Hai người tới trước tiên ! Trâm reo vui vì gặp người đồng hương, như thể Huy là người thân trong gia đình nàng bỏ Bob tới ngồi ngay bên Huy. Thái độ vồn vã đó Trâm biểu lộ rồn rập quá khiến Huy thoát quên quan sát nhan sắc nàng. Sau khi Crys đã giới thiệu Huy với Bob câu đầu tiên Trâm kể chuyện với Huy cũng lạ. Nàng nói :

– Anh có nhớ ngọn núi nhỏ trên mặt hồ phía gần cầu sang Gia nã đại? Em vẫn

gọi hòn núi đó là núi ngự. Vừa rồi lúc trời tối chẳng hiểu tuyết, băng, nước hồ và ánh đèn Detroit hoà hợp với nhau thế nào để khi chiếu vào khiến núi bỗng sáng lên như động kim cương mà trời thì đen kịt, lạ quá.

Huy hoàn toàn bị hấp dẫn bởi giọng nói say mê của nàng và tuy chàng chẳng hiểu nàng định nói hòn núi nào chàng cũng đáp :

– Vậy à ? Thế thì lạ thật đấy. Tuyết bên ngoài phủ đầy lắm phải không ... Trâm. (Huy gọi Trâm thân mật ngay như vậy và thấy đó là lẽ dĩ nhiên.)

– Vâng, dày lắm thưa anh. Lúc Bob đến đón em ở nhà, tuyết phủ đã dày tới mức tiếng động nào cũng chỉ vang lên một chút thì bị chìm đi ngay. Những ngày như vậy em thường đóng kín phòng lại

và vẽ tranh sơn suốt ngày, đợi lúc trời tối hẳn mặc áo ấm đi dạo một vòng quanh nhà.

– Vậy hôm nay Trâm đã đi dạo một vòng nào chưa?

– Tối đây thế này há chẳng là đi dạo sao?

Lúc đó Huy mới có thì giờ ngắm kỹ Trâm. Khuôn mặt nàng trái soan, nước da bánh mật khoẻ. Nàng tô một quầng thâm quanh mi khiến cái nhìn trở thành thăm thẳm. Nụ cười của nàng thật hiền, hai răng trước cửa phẳng. Giọng nàng nói trong, rất trong, phẳng phất một cái gì nửa ray rức nửa thiết tha. Nhìn vào đôi mắt nàng, ngắm nụ cười nàng, rồi nghe giọng nàng nói, khoảnh khắc đó quả là tuyệt vời, tuyệt vời trong một nỗi niềm bịn rịn nuối tiếc kỳ lạ.

– Lâu lắm mới được gặp người đồng hương, vui quá anh ơi !

Câu nói như vậy lẽ ra phải vui lắm mà sao đợm nhiều ngậm ngùi. Huy hiểu lắm, chàng hiểu tâm hồn người con gái sinh ra và lớn lên trong một nước loạn ly ngót một phần tư thế kỷ như nước Việt nhà thì nhất định phải phức tạp như vậy.

Sau khi nói về thứ ánh sáng giao hòa kỳ dị biến hòn n thành động kim cương, Trâm chuyển sang chuyện quê hương khói lửa.

– Quê em cách thị xã Bến Tre chỉ chừng ba cây số nhưng đường xấu kinh khủng. Xấu vì Việt cộng thường tới đào đường ban đêm, hôm sau ty công chánh quốc gia lấp lại sơ sài, xe tiếp vận của quân đội quốc gia qua lại khá nhiều để tiếp tế cho mấy đồn lân cận...

– Cô có thường về thăm quê ?

– Suốt thời gian theo trung học, em ở ngay trong quê nhà. Đi học bằng xe đạp.

– Mỗi lần có đụng độ lớn giữa hai bên, những người trong quê hẳn phải tạm tản cư ?

– Đúng vậy anh.

Trâm bỗng cất tiếng cười khanh khách rồi tiếp :

– Em có ông bác khoảng sáu mươi tuổi để râu dài và búi tóc. Mỗi lần có cuộc đụng độ nặng giữa hai bên khiến người phải tạm tản cư lên thị xã, thế nào người cũng cho khiêng theo chiếc sập gụ khảm sà cừ. Chiếc sập nặng lắm em không biết là nếu đem cân thì nặng bao nhiêu ký, chỉ biết sáu người khiêng mà lặc lè. Rồi mỗi lần ngừng lại ở đâu mà có

người xúm quanh quan sát thế nào bác em cũng khoe là lần nào tản cư người cũng cho khiêng sập đó đi theo, có người nói rõ cả thành tích lần đó là lần thứ mấy.

Trâm và Huy nhìn nhau, lần này Trâm cười không thành tiếng, Tiếng nàng trầm xuống nữa tựa lạc giọng, và tưởng như vì tuyết phủ dày bên ngoài mà tiếng nói của nàng bên trong cũng bị mất tiếng vang. Đôi mắt Huy phải vịn sâu vào đôi mắt nàng mà theo dõi là lời nàng nói :

– Sâu vào chút nữa quê ngoại em chỉ cách làng em chừng bốn cây số, cảnh quê và người quê mới thật tiêu điều. Nơi có cây cối thì bom đạn cày nát, nơi trước đây là đồng ruộng thì lau lách mọc thành rừng. Chính quyền quốc gia cũng có đặt hội đồng xã, chính quyền cộng sản cũng có đặt hội đồng tự quản, nhưng thật ra

các nhân còn quắc thước hay còn thông minh thì hoặc không đội trời chung với cộng sản mà vào hẳn vùng quốc gia, hoặc không đội trời chung mà sang vùng cộng sản chỉ còn những người đui, què, mẻ, sút, đôi mắt cặp kèm đôi tai nghễnh ngãng chẳng còn cái gì để bảo vệ, thì họ ở lại để thành hội đồng xã hay hội đồng tự quản theo sự chỉ định của bên này hay của bên kia. Rồi bên này đến thì họ ngỡ ngỡ ngác ngác lảng xảng một chút, bên kia về thì họ cũng ngỡ ngỡ ngác ngác lảng sảng một chút, khi cả hai bên rút khỏi, họ quên ngay tất cả...

Hình như Trâm ngừng lại giây lâu cúi nhìn xuống chân rồi lại ngẩng lên tiếp, giọng khẽ hơn và, thật kỳ lạ, rõ hơn bao giờ hết :

– Đánh nhau mãi thế này chết hết người anh ơi.

Hiện tượng âm thanh của lối nàng vừa thốt ra làm Huy cảm thấy lạnh sương sống. Chàng cúi xuống nhìn chân mình như cử chỉ của Trâm vừa qua và bỗng cảm thấy hết nông nổi cơ cấu của cuộc chiến tranh quê hương đè nặng lên đôi vai thon nhỏ của Trâm và của biết bao nhiêu cô gái Việt khác. Từ trước đến nay Huy vẫn chạy trốn những ký ức về kiếp sống nghịch lý của quê hương, nhưng giờ đây đối diện với Trâm, nghe tiếng nói trong và tiếng cười đượm ngậm ngùi của nàng Huy không còn muốn chạy trốn những hình ảnh đó nữa, trái lại chàng để mặc cho chúng ùa tới, để được ê chề ngụp lặn giữa chúng, chàng tin rằng như vậy càng giúp chàng có cái nhìn thích nghi hơn về nhan sắc với tiếng nói giọng cười của Trâm. Câu chuyện về quê hương giữa Huy và Trâm từ đó trở thành thủ thỉ như chuyện tâm tình. Crys tiếp

chuyện Bob. Các bạn đồng học với Crys đã lần hồi tới đủ. Huy và cả Trâm nữa đứng dậy mim cười và cúi chào như mỗi khi Crys tới giới thiệu, sau đó hai người lại ngồi xuống ngay tiếp tục câu chuyện. Mọi người đã bắt đầu ăn bánh ngọt và uống côca côla. Vẫn Crys mang những thứ đó lại cho Huy và Trâm, Hơn một giờ qua... Tiếng ồn ào nói chuyện trong phòng bỗng im bật vì có tiếng vỗ tay làm hiệu, rồi tiếng Crys:

– Này anh Huy !

Huy hơi bàng hoàng ngẩng lên âu yếm cười với Crys và ngừng nói chuyện bằng tiếng Việt với Trâm :

– Crys bảo gì kia ?

– Anh có thể làm ơn cho em một điều ?

– Điều gì nào Crys?

– Anh hát cho tất cả các bạn đây nghe một bản dân ca của nước Việt, rồi anh ngâm thơ Việt Nam nữa.

Không để Crys nài thêm một lần thứ hai, Huy chỉ thông thả cúi đầu dặng hắng để mọi người biết là chàng đương sửa soạn, Chàng đã dọn giọng khá kỹ càng và khi ngừng lên, chàng hát cho mọi người nghe bài hát quen thuộc chàng đã hát nhiều lần cho Crys nghe, bài “Qua cầu gió bay”. Khuôn mặt Crys rạng rỡ hẳn mặc dầu miệng nàng chỉ hơi cười mỉm. Mọi người vỗ tay nồng nhiệt khi giọng ca của Huy vừa dứt, và ai nấy cùng cười ở khi Crys dịch lại lời ca :

Yêu nhau cởi áo (ôi à) cho nhau,

Về nhà dối (rằng) cha dối mẹ (àà-

da) này a ới a qua cầu

Này a ới a qua cầu (tình, tình, tình)
gió bay...

(Tình, tình, tình) gió bay...

Giọng Crys nồng nhiệt :

– Anh ngâm thơ Việt-nam đi.

Lần này chính Huy phiên dịch trước
một đoạn Chinh phụ Ngâm rồi mới
ngâm cho mọi người nghe :

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

Thấy xanh xanh cách mấy ngàn dâu

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai...

Một người bạn Mỹ hỏi Huy :

– Giọng ngâm thơ Việt nam bao giờ

cũng buồn buồn vậy sao anh ?

Trâm đã trả lời thay chàng như một phản ứng tức khắc :

– Các anh tính lịch sử nước chúng tôi cứ bị chiến tranh hoài hủy như vậy giọng ngâm thơ của chúng tôi vui sao được ? Vui sao được cơ chứ !

Giọng Trâm nói vỡ ra từ những thốn thức âm thầm từ bao nhiêu năm qua. Thoáng một nét cười héo hắt trên môi nhưng Trâm đã đứng dậy hướng về Bob :

– Bob đưa em về nhé, em còn nhiều công việc sửa soạn cho kỳ thi mãn khóa sắp tới.

Lúc đó Huy mới sực chú ý đến Bob. Khuôn mặt Bob thật trẻ càng trẻ vì lúc ấy Bob vẫn bỏ áo ngoài chỉ mặc chiếc áo chên cụt tay màu đỏ tươi. Mái tóc Bob

vàng óng hai bên tóc mai để dài xuống quá thái dương rất nhiều. Bob thật thấu hiểu tâm trạng của cô gái Việt ấy. Từ lúc mới vào Trâm hồi hả chào Huy rồi ngồi xuống bên Huy, Bob hoàn toàn tự xoa nhòa, tựa như nhiệm vụ của chàng chỉ là đưa Trâm tới đây để gặp Huy. Hình như Trâm cố tình vội vã, nàng cảm ơn Crys bằng nhiều khách sáo, quay sang cúi chào Huy lần cuối, rồi lật đật ra cửa trước cả Bob, Huy thân mật theo chân Trâm ra khỏi cửa để tiễn nàng, trong khi Bob vừa mặc xong chiếc veston còn dùng lời trao đổi với Crys đôi lời từ biệt xã giao thường lệ. Trâm cố tiếp tục vớt vát câu chuyện về quê hương với Huy :

– Hôm nay em vừa đọc xong một đoạn sử nước Anh thời ba mươi năm nội chiến, thế kỷ thứ mười lăm, thường được mệnh danh là cuộc chiến tranh

Hoa Hồng. Dân chúng thì cũng đã từ lâu nhận thấy hoa hồng trắng cũng chẳng thơm hơn gì hoa hồng đỏ chỉ mong có hòa bình để chẵn tấm dệt vải, nuôi cừ dệt len nhưng các hoàng đế, hoàng tử, nam tước thì cương quyết sát phạt lẫn nhau cho đến khi cả hai dòng họ tham tàn đó chết vừa gần trọn ỏ ; dòng Tudor còn sót lại chú Henry Tudor ; chú này giết nốt Richard tên vua què dòng York rồi lên ngôi, lập Elisabeth làm hoàng hậu, cô này là người duy nhất còn sống sót của dòng York !

Trâm dỗi tia nhìn theo dãy hành lang thăm thẳm phủ thắm đỏ, thốt tiếng cười khê đượm về mia mai vô cùng và tiếp :

– Anh có biết không em vẫn ước mong được sống trở lại thời cổ sơ đó. Lũ quý phái nắm quyền hành, chúng tham tàn, chúng tranh giành nhau danh vọng

và quyền lợi nhưng đấu sao chúng cũng có được sự thẳng thắn và can đảm là trực tiếp giao đấu với nhau, trực tiếp đem tính mạng mình đặt lên chiếu bạc. Chứ như bây giờ, thời buổi của kỹ thuật mới, những tên đầu sỏ chiến tranh chúng được bảo vệ an toàn quá đi...

Trâm chột đôi sang tiếng Anh :

– Ô kìa Bob anh đã ra tự bao giờ thế.

Huy cũng vừa nhận thấy Bob đã ra đứng sau hai người tự lúc nào. Chàng cười cúi chào từ biệt Bob và nói :

– Xin lỗi anh Bob nhé, hai người Việt Nam mà gặp nhau trên đất lạ thì không sao cản được họ nói chuyện bằng tiếng mẹ đẻ, chúng tôi nói chuyện về quê hương chúng tôi.

Bob cười rất lịch sự và lời đáp thành thực của anh còn lịch sự hơn:

– Không sao đâu anh, tôi ưa nghe tiếng Việt Nam lắm, một ngôn ngữ thật giàu nhạc tính !

Ba người cúi chào nhau lần nữa và Huy còn đứng nguyên đó nhìn theo cho tới khi Trâm và Bob vào khuất trong thang máy.

Đến lượt các bạn khác của Crys tuần tự cáo từ. Người bạn cuối cùng vừa ra khỏi, Crys chạy lại ôm chầm lấy Huy :

– Nhìn anh nói chuyện với Trâm em thật muốn ghen với Trâm ! Em không muốn lần này cũng như lần trước anh chỉ ở đây với em có một tuần.

Crys gục vào vai Huy muốn khóc. Huy vỗ vỗ lên vai nàng và nói câu chàng vẫn thường nói vào những trường hợp tương tự :

– Crys này, em phải “thiên” chú !

Kể từ khi Huy biết Crys ham đọc sách nói về Thiên, Huy vẫn dùng chữ “thiên” với Crys trong lời nói hay trong thư để ám chỉ một thái độ bình tĩnh chấp nhận vượt lên mọi phiền trọc của hoàn cảnh. Crys cũng đã thấm nhuần khá nhiều tinh thần thiên để mà hiểu vậy, Crys nói :

– Em vào pha nước tắm nhé.

Huy hôn lên môi nàng rồi mới đáp :

– Em vào đi.

Tiếng nước chảy đều bên trong. Huy kéo chiếc giường từ áp tường xuống.

Hình hai chiếc gối nổi hẳn lên tự bên dưới chiếc khăn phủ giường mới tinh và thơm phức. Lẽ ra phút đó bao giờ cũng là phút Huy mong đợi nhiều nhất, không phải vì phút đó là phút của xác thịt bắt đầu lên ngôi bá quyền mà chính vì kể từ phút đó mối tình Crys và Huy mới được toàn vẹn vì có sự hoà hợp của xác thịt. Một mối tình vừa buông thả vừa thiết tha say đắm như vậy thật hiếm có trên thế gian này. Cùng hiểu như vậy nên cả Huy lẫn Crys luôn luôn tỏ thái độ mang ơn lẫn nhau rất chân thành.

Tiếng Crys gọi bên trong :

– Xong rồi, vào tắm anh Huy !

Trong bốn tám Huy âu yếm vuốt tóc Crys trong khi nàng hơi cúi xuống rửa phần trang điểm quanh mi mắt nàng, hai dòng nước xanh rõ xuống khoảng

bột xà phòng trắng xoa phủ kín thân thể
đôi tình nhân.

